

Swami Amar Jyoti

# bên rặng Tuyết sơn

Nguyễn Phong

*Spirit of Hymalaya:  
The Story of a Truth Seeker*

All Time  
Best-selling  
Book



HONG ĐỨC

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Swami Amar Jyoti

# bên rặng Tuyết sơn

*Spirit of Himalaya: The Story of a Truth Seeker*

Người dịch: Nguyễn Phong



HỒNG ĐỨC

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC



# **BẾN RẶNG TUYẾT SƠN**

Swami Amar Jyoti



**Ebook miễn phí tại : [www.Sachvui.Com](http://www.Sachvui.Com)**

## *Lời nói đầu*

Cuốn sách này không phải là hồi ký, vì các nhân vật đều không có thực. Tuy nhiên, đây cũng không phải một tiểu thuyết hư cấu vì nó tiêu biểu cho những giai đoạn đi tìm đạo vẫn thường xảy ra tại Ấn Độ suốt mấy ngàn năm nay. Đối với người Ấn, việc tìm sư học đạo là một trong những giai đoạn quan trọng của cuộc sống mà mỗi người đều phải trải qua.

Đối với người Âu, cuộc sống bắt đầu khi sinh ra và kết thúc khi chết đi; song đối với người Ấn, cuộc sống kéo dài qua nhiều kiếp, trong đó mỗi kiếp sống chỉ là một giai đoạn để trải nghiệm và học hỏi, bởi cuộc sống thực giúp chúng ta biết được mình là ai, chứ không phải là lý thuyết hay chuỗi thời gian tồn tại vô ích. Sự tự biết mình giúp ta ý thức rõ hơn về cuộc sống, đưa ta trở về với nguồn gốc thiêng liêng cao cả vốn luôn hiện hữu bên trong mỗi con người.

Tôi hy vọng cuốn sách nhỏ này sẽ giúp độc giả nhận thức được ý nghĩa của cuộc sống, thấy rõ con đường mà mỗi người đang đi, để tìm về nguồn gốc thiêng liêng cao quý mà chúng ta đã vô tình quên mất từ lâu. Tuy câu chuyện được xây dựng dựa trên truyền thống và phong tục Ấn Độ, nhưng không phải vì thế mà tôi muốn đề cao một con đường tu tập hay một tôn giáo nào ở đất nước này. Các bạn hãy mở lòng mình mà đọc, vì câu chuyện này có thể xảy ra tại bất cứ nơi nào, hoàn cảnh nào, thời đại nào, và với bất cứ tín ngưỡng nào – vì chân lý bao giờ cũng hiển hiện một cách màu nhiệm, không phân biệt không gian và thời gian.

**- Swami Amar Jyoti**

**Pune, India 1988**

## *Chương 1*

Mặt trời nhô lên khỏi đỉnh Tuyết Sơn, muôn ngàn tia sáng chói chang tỏa lan khắp thung lũng Saraswati. Đó đây, chim chóc cất tiếng báo hiệu một ngày vừa bắt đầu.

Một vị đạo sư già bước ra khỏi hang đá. Ông khoan thai đi dọc theo những bụi cây xanh mát còn ướt đẫm sương mai. Một làn gió nhẹ thổi qua làm lay động chòm râu bạc như cước. Ông ung dung bước xuống bờ suối gần đó, vươn tay vốc chút nước đưa lên miệng. Nước suối lạnh như băng, nhưng ông không lấy thế làm phiền. Uống xong ngụm nước, ông thông thả bước xuống dòng suối cho đến lúc nước ngập đến cổ, rồi ông dừng lại đọc một bài chú dài, thân hình trang nghiêm, bất động. Có vẻ dòng nước mãnh liệt kia không thể khiến ông chao đảo. Dường như đôi chân mảnh khảnh của ông đã bám rễ vào lòng suối.

Ông ung dung hoàn tất nghi thức cần thiết rồi bước lên một tảng đá phẳng gần đó, ngồi bắt chéo hai chân theo tư thế liên hoa. Chỉ thoáng giây sau, một làn khói mỏng từ cơ thể tỏa ra xung quanh. Những giọt nước bám trên thân thể ông bốc thành hơi vì thân nhiệt đang lưu chuyển mạnh. Hiển nhiên phải như thế, vì ông là một đạo sư đã luyện thành pháp tu “Tam Muội Hỏa” (phương pháp điều chuyển nhiệt trong mình). Dù thời tiết lạnh đến đâu, ông vẫn có thể mình trần ngồi trên tuyết lạnh. Ông sẽ ngồi như vậy cho đến khi mặt trời gần đứng bóng mới xả thiền, bước vào trong hang đá ăn chút trái cây rừng hái được từ hôm qua. Ăn xong, ông sẽ xuống thung lũng phía dưới hái trái cây để dành cho bữa ngày mai, rồi tiếp tục thiền định cho đến xế chiều mới bước vào trong động nghỉ ngơi.

Có tiếng chân người nhẹ bước trên lá khô. Con chim đang rỉa lông trên cành giật mình kêu lớn. Một thanh niên quần áo rách rưới, lưng đeo hành lý ở đâu bước đến. Anh đứng sững nhìn vị đạo sư ngồi yên trên tảng đá, rồi kêu lên một tiếng vui mừng, đặt hành lý xuống đất, bước đến quỳ mọp trước mặt ông. Vị đạo sư khẽ mở mắt nhìn chàng trai, đôi mắt hiền từ dưới vầng trán

cao ánh lên vẻ hài lòng. Anh ngẩng đầu lên, ánh mắt bừng sáng. Bao vẻ mệt nhọc của chuyến hành trình dài dằng như tan biến. Anh cung kính chấp tay chờ đợi. Chòm râu bạc của vị đạo sư khẽ rung trong làn gió nhẹ.

Ông thông thả nói:

- Satyakam, rốt cuộc rồi con cũng đến! Chàng trai ngạc nhiên:

- Nhưng... nhưng sao ngài lại biết tên con?

Ông yên lặng không đáp, trên môi chỉ điểm một nụ cười thân ái.

- Thưa ngài, hình như... ngài biết trước rằng con sẽ đến đây?

Vị đạo sư vẫn im lặng. Hồ như ông biết câu trả lời không còn cần thiết nữa. Ông lặng lẽ ngắm nhìn chàng trai đang quỳ trước mặt, rồi chỉ xuống dòng suối:

- Con đi đường xa hẳn đã mệt rồi. Hãy xuống suối tắm rửa, rồi nghỉ ngơi trước đã. Ngày mai, chúng ta sẽ bắt đầu.

- Nhưng... nhưng con chưa nói cho ngài biết mục đích chuyến đi này của con. Thưa ngài, con đã đi tìm ngài suốt bao năm. Con đã trèo đèo lội suối, trải qua bao khó nhọc mới đến được đây. Xin ngài thu nhận con làm đệ tử...

Vị đạo sư ngắt lời:

- Ta biết rồi.

Ông ngừng một chút, nhìn chàng trai đang ngơ ngác, rồi mỉm cười:

- Nay Satyakam, thầy trò ta đã có duyên với nhau từ bao kiếp rồi chứ đâu phải bây giờ mới gặp nhau! Con không nhớ sao?

- Thì... thì ra thế! Thì ra ngài đã là sư phụ của con từ nhiều kiếp trước.

Có lẽ vì quá xúc động, anh không nói thêm được câu nào nữa. Một dòng nước mắt chảy dài trên khuôn mặt bám đầy bụi đường. Anh run run úp mặt vào đôi bàn chân trần của vị đạo sư với vẻ thành kính. Ông đưa tay khẽ vuốt tóc anh, đoạn thông thả đứng dậy đi vào.

\*\*\*

Mặt trời lên cao, tỏa muôn ngàn tia nắng ấm xuống thung lũng Saraswati. Một con chim lớn từ trên cao sà xuống suối rồi lại vỗ cánh bay lên. Những giọt nước long lanh bắn tung lên, trông như những hạt ngọc.

Vị đạo sư ngồi xếp bằng trên tảng đá cạnh dòng suối. Ông vừa thực hành nghi thức buổi sáng - trầm mình trong làn nước lạnh và đọc bài thần chú như thường lệ. Trong lúc ấy, vì chưa quen với khí hậu của rừng Tuyết Sơn, chàng trai phải khoác lên mình tấm áo choàng dày mà vẫn chưa hết rét. Anh ngồi trước sư phụ, chấp tay cung kính chờ đợi.

- Nay Satyakam, bây giờ chúng ta hãy bắt đầu với những công phu mà con chưa hoàn tất trong kiếp trước.

- Nhưng thưa sư phụ, con không nhớ rõ con đã làm gì!

- Rồi con sẽ biết thôi. Ta không cần nói cho con biết về quá trình tu tập của con cũng như con đã tiến bộ đến đâu. Con phải biết rõ về mình chứ đừng trông chờ ta hay ai đó sẽ nói cho con biết về chính con. Qua công phu tu tập nội quán cũng như các nỗ lực của con trong thời gian tới, con sẽ nhận ra mình. Ta biết con có đầy đủ những đức tính cần thiết của một người đi trên đường đạo, đó là tính thành thật, chuyên cần, tinh tấn và dũng mãnh.

Ông ngưng một lát như để cho anh có thời gian suy ngẫm, rồi thông thả tiếp:

- Bài học đầu tiên của con là bắt đầu từ nay, con hãy chấm dứt việc tính toán, phân tích thời gian, giờ khắc, hay ngày tháng. Hãy để cho mọi việc tuần tự trôi đi. Hãy sống trọn vẹn từng phút giây. Hãy để cho ngày là ngày và đêm là đêm với đúng ý nghĩa của nó. Hãy để mọi việc xảy đến là kinh nghiệm về một điều mới lạ, một sự tỉnh thức, một chuyện ngạc nhiên. Đừng để sự sống trôi dạt vào quá khứ hay tương lai, mà hãy ý thức nó từng giây từng phút trong sự tỉnh thức hoàn toàn. Muốn như thế, con cần phải làm chủ thân, khẩu và ý, bởi cuộc sống thực không phải là một sự cố gắng, phấn đấu để đạt được cái này hay cái khác, mà là sự thoải mái, giải thoát tuyệt đối.

Chàng trai rụt rè:

- Thưa sư phụ, vậy con cần phải tu tập trong bao lâu nữa mới đạt đến

trạng thái trên?

Đạo sư mỉm cười lắc đầu:

- Này Satyakam, con lại nghĩ đến thời gian rồi! Chỉ khi nào thôi tính toán, con mới có thể hoàn toàn được giải thoát. Đây là một thói quen mà con cần phải trừ bỏ.

- Nhưng... nhưng thưa sư phụ, con cũng cần một thời gian để trừ bỏ những thói xấu này chứ?

- Dĩ nhiên là thế, nhưng đâu nhất thiết phải có một thời gian nhất định để làm việc này? Ai đặt cho con thời hạn đó? Tại sao con không ý thức rằng mình đang sống và sự sống thật sự không lệ thuộc vào thời gian hay không gian, mà là hoàn toàn thoải mái, hoàn toàn giải thoát? Con có ý thức giải thoát là gì không? Phải chăng con vẫn nghĩ rằng con có một số thói xấu nên cố gắng loại bỏ, thay đổi nó đi và khoảng cách giữa hai mốc điểm đó là thời gian? Tại sao con không làm cả hai việc đó cùng lúc - học hỏi thêm một số điều mới lạ, đồng thời bỏ bớt đi một số thói quen, thành kiến đã có từ trước? Sự sống thật sự không thể bị ràng buộc trong giới hạn thời gian, mà luôn sống động, không ngừng tuôn chảy. Đừng chia cắt nó ra thành những phần nhỏ. Đừng phân tích nó thành những mảnh vụn rời rạc. Đừng để thời gian trở thành một khuôn mẫu mà con phải sống theo. Nếu con tiếp tục suy nghĩ trong cái khuôn khổ giới hạn của thời gian, con sẽ tiếp tục huân tập cho một thói quen, và một thói quen được huân tập như vậy sẽ không dễ gì thay đổi được.

- Nhưng... nhưng cách suy nghĩ này hiện nay vẫn xoay vần trong đầu óc con, chi phối tư duy con. Làm sao... làm sao con có thể chinh phục hay loại bỏ được nó đây?

Vị đạo sư già mỉm cười nhìn anh với vẻ ưu ái, độ lượng. Ánh mắt hiền từ của ngài làm anh cảm thấy yên lòng. Anh định cất lời, nhưng vị đạo sư đã lên tiếng trước:

- Con hãy tập theo dõi những dòng tư tưởng đang nổi lên cuộn cuộn trong tâm mình. Chỉ theo dõi, không đè nén nó xuống, cũng không khơi động nó lên. Hãy quán sát một cách kiên nhẫn từng tư tưởng dấy lên rồi lại chìm xuống, và đợi cho đến khi nó nhẹ nhàng đến và đi một cách âm thầm, con sẽ thấy sự vi tế của nó. Mặc dù tâm con hết sức tĩnh lặng, nhưng sự vi tế



của các tư tưởng thâm kín vẫn đến và đi như dòng nước đang tuôn chảy kia. Hãy quán sát tâm mình thật kỹ, rồi con sẽ hiểu được điều ta nói. Con có thể coi đó là một phương pháp, một kỹ thuật hay một điều chỉ dẫn của ta cũng được.

Ông ngừng lại, nhìn vẻ chăm chú của chàng trai, rồi mỉm cười:

- Đó là bài học vỡ lòng của con.

Anh thành kính quỳ xuống đất, hai tay ôm lấy đôi chân thầy. Anh định thốt lên mấy lời biết ơn, nhưng không cất nên câu. Vị đạo sư đặt nhẹ đôi tay lên đầu anh, một cảm giác ấm áp lạ lùng bỗng truyền đi khắp người anh. Vị đạo sư thông thả đứng dậy đi về phía động đá. Ông bước đi dáng vẻ ung dung, từng bước, từng bước vững chãi, thanh thoi. Anh không còn cảm thấy lạnh nữa. Dường như trong lòng anh đang có một điều gì kỳ lạ, một niềm hoan lạc nhẹ nhàng khiến anh thấy nhẹ nhõm khác thường.

Bất chợt, anh ý thức rõ rệt từng hơi thở, từng nhịp đập của trái tim, sự rung động của từng thớ thịt. Đâu đây vang lên tiếng chim líu lo, tiếng gió thổi lay động lá cây, tiếng côn trùng ngân nga điệu nhạc tuyệt vời của vũ trụ. Anh bàng hoàng tự hỏi tại sao chỉ mới phút trước, anh còn quần quanh với bao ý niệm mà bây giờ chúng đã biến mất. Phải chăng đó là kết quả của buổi nói chuyện với vị đạo sư hay còn điều gì khác nữa?

Anh hít một hơi thật sâu. Một luồng hơi nóng trỗi lên, toàn thân anh ấm áp lạ lùng. Anh hơi ngạc nhiên nên hít thêm lần thứ hai. Luồng hơi nóng từ đan điền bốc lên nóng ran, chân tay tê tê một cảm giác kỳ lạ. Thế nhưng, đầu óc anh lại nhẹ hẫng, khác thường. Anh hít tiếp một hơi nữa và chợt ý thức luồng hơi nóng đang chạy khắp cơ thể. Cảm giác này quen thuộc làm sao! Hồ như anh đã từng làm việc này rồi! Nhìn vị đạo sư đang chậm bước đằng xa, anh muốn nói một lời gì đó, nhưng lại thôi. Đôi bàn tay anh lấm tấm những giọt mồ hôi. Anh hít thêm một hơi nữa để luồng hơi nóng lưu chuyển khắp thân thể. Tự nhiên, anh chợt hiểu và bật cười sung sướng. Chỉ trong thoáng giây, khắp mình anh đã toát đầy mồ hôi. Phải chăng anh đã phục hồi được khả năng trước kia? Anh bước về phía túp lều - mái lá đơn sơ anh vừa dựng hôm qua để làm chỗ nghỉ ngơi. Đôi chân nhẹ như bay, chỉ chớp mắt, anh đã bước vào trong lều. Anh sung sướng quỳ xuống, bật thốt lên một câu ngắn: Cảm ơn. Cảm ơn sư phụ!

Ngày tháng trôi.

Mỗi buổi sáng, Satyakam đều theo sư phụ trầm mình xuống dòng suối lạnh và đọc các bài chú. Anh cũng chăm chỉ tọa thiền trên một phiến đá bằng phẳng, không xa chỗ tọa thiền của sư phụ bao nhiêu. Thời tiết ở rừng Tuyết Sơn không còn ảnh hưởng đến anh nữa. Anh có thể cởi trần ngủ qua đêm trong túp lều đơn sơ lợp bằng lá cây mà không hề thấy lạnh. Vị đạo sư có vẻ hài lòng.

Cuộc sống của vị đạo sư vẫn như xưa. Tỉnh thoảng, sau buổi thiền định, ông trao đổi vài câu với học trò, phần lớn là để trả lời thắc mắc hơn là chỉ dẫn điều mới lạ. Ông kiệm lời, chủ yếu là im lặng. Ông cứ để anh trình bày những điều còn nghi hoặc, song ông không giải đáp, khiến anh đâm ra bối rối. Khi bối rối, người ta thường cố gắng tìm hiểu thêm. Anh cũng vậy. Thế nhưng, vị đạo sư già vẫn ngồi yên, kiên nhẫn nghe học trò tiếp tục trình bày ý kiến. Chỉ đến khi anh không còn gì để nói nữa, ông mới nhẹ nhàng lên tiếng. Cũng có nhiều lúc, ngay khi vừa đặt câu hỏi, Satyakam thấy câu trả lời đã hiển hiện từ lúc nào rồi. Dường như nó đến cùng lúc với câu hỏi, và lúc đó, anh chỉ biết ngạc nhiên nhìn sư phụ, không biết nói gì nữa.

Đối với Satyakam, các công phu tu hành như việc ngâm mình trong dòng nước lạnh để thực hành nghi thức buổi sáng không phải là điều khó. Ngay cả việc ngồi thiền từ sáng đến trưa hoặc từ lúc chạng vạng cho đến nửa đêm cũng đã trở thành việc bình thường. Tuy nhiên, việc xả bỏ ý niệm về thời gian là một vấn đề hết sức nan giải. Các ý niệm, kỷ niệm, thói quen trong quá khứ ngày càng nổi lên ám ảnh tâm trí anh. Lúc nào trong tâm cũng có một cuộc đối thoại không ngừng giữa anh và chính anh. Lúc đầu, các cảm giác này còn mạnh và anh phải dùng hơi thở để trấn áp chúng, nhưng về sau, anh thấy rõ các cảm giác vi tế dâng lên cuộn cuộn, liên hồi trong tâm với muôn ngàn thắc mắc mà anh không kiểm soát nổi. Tuy biết là mình phải quán sát nó như một nhân chứng, nhưng anh vẫn thấy rõ mình có những yếu tố chủ quan và hay đồng hóa mình với những ý tưởng đó.

Sau một thời gian tu tập không thành, anh giải bày với sư phụ và được ông chỉ dẫn rành rọt về việc theo dõi tư tưởng. Bất kỳ thắc mắc nào của anh cũng được trả lời một cách giản dị và thấu đáo. Chỉ khi đó, anh mới ý thức rằng mình không thể đi xa trên con đường này nếu không có một vị chân sư hướng dẫn. Khi anh biết khiêm tốn trước sự cao minh của sư phụ, thì công phu của anh bắt đầu tiến bộ hơn xưa.

Dần dần, anh thấy rõ các câu trả lời vốn có sẵn trong tâm mình, và vị đạo sư chỉ là người hướng dẫn, khơi gợi các yếu tố vi tế ẩn bên trong đó mà thôi. Satyakam thấy tự tin hơn trước. Đó không phải là lòng tự hào của bản ngã, mà là một niềm tin sắt đá, không lay chuyển rằng con người chỉ có thể tìm được câu trả lời khi họ biết hướng vào bên trong.

Thỉnh thoảng, hai thầy trò cũng xuống núi khát thực ở các làng mạc lân cận. Sonar là ngôi làng gần nhất, nằm chơ vơ trên đỉnh một ngọn đồi trọc. Muốn đến làng phải đi qua một chiếc cầu bện bằng dây thừng vắt ngang sông Saraswati. Qua khỏi cầu là hai cột đá với nhiều tầng lớn nhỏ xếp chồng lên nhau, nơi đánh dấu địa phận ngôi làng. Từ đây phải đi dọc theo một con đường đất quanh co nữa mới vào đến trong làng. Phần lớn nhà cửa tại đây đều cất bằng gỗ và đá, mái nhà lợp bằng nhánh cây khô.

Khi thấy hai thầy trò đi khát thực, dân làng đều chấp tay chào cung kính. Vài người vội lấy thực phẩm khô bỏ vào chiếc túi đầy mà Satyakam mang bên mình. Mỗi lần được cúng dường như thế, chàng trai lại gật đầu đón nhận và nói khẽ: “Xin Thượng đế phù hộ cho con người hảo tâm này”. Thỉnh thoảng, cũng có vài người, vì chưa thông hiểu, thay vì cúng dường thực phẩm khô, lại đưa cho anh thức ăn đã nấu chín. Và Satyakam chấp tay lễ phép từ chối: “Xin cảm ơn lòng hảo tâm, nhưng chúng tôi chỉ ăn thực phẩm được nấu theo các cách nhất định mà thôi”. Đôi khi, cũng có người đưa anh ít vải để may quần áo hoặc một cái chăn cũ, và anh vui vẻ đón nhận. Khi bao đựng đã đầy, Satyakam trở về lối cũ. Nếu lúc đó có ai cúng dường, anh chấp tay cung kính nói: “Xin hẹn lần sau. Hôm nay chúng tôi đã có đủ dùng rồi”.

Dân làng Sonar hầu như ai cũng biết hai thầy trò nên trẻ con thường vây quanh và bắt chước các cử chỉ của họ. Có lúc, vị đạo sư bảo Satyakam đi đến một làng khác xa hơn. Có những ngôi làng vui vẻ tiếp đón vị đạo sĩ trẻ, nhưng cũng có nơi quất tháo, mắng chửi, đuổi đi. Dù hoàn cảnh nào, Satyakam cũng luôn giữ thái độ khiêm cung, không phân biệt. Thỉnh thoảng, đôi ba cô thôn nữ bạo dạn còn bước đến gần, tò mò nhìn ngắm vị đạo sĩ trẻ tuổi có thân thể cường tráng. Các cô cười khúc khích trêu chọc: “Anh kia, anh tên gì vậy?” hoặc “Này, anh kia đi đâu mà sao vội vàng vậy?”. Nghe những lời đó, Satyakam chỉ cúi đầu giữ cho bước đi được ung dung, có khi đọc thầm một vài câu thần chú để nhiếp tâm. Anh nhớ lời thầy dạy: “Không nên phản ứng trước nghịch cảnh. Đừng vui, cũng đừng buồn. Hãy giữ cho tâm không động. Một phản ứng, dù chỉ là phản ứng tự nhiên trước một nụ cười đẹp, cũng đủ để tạo ra vọng động rồi”. Phải chăng Satyakam ngã lòng

trước những lời mời gọi đó? Phải chăng tâm anh còn xao xuyến? Satyakam biết mình hơn ai hết. Anh thả nhiên theo dõi phản ứng của tâm thức, không đè nén nó xuống và cũng không khơi động nó lên. Anh chỉ chú tâm quán sát tư tưởng, dù là những tư tưởng thật vi tế, xem chúng đã trôi lên như thế nào, phát xuất từ đâu và từ từ chìm xuống ra sao. Anh biết một khi đã quán sát nó bằng cái tâm tĩnh lặng thì bất kỳ một tư tưởng nào cũng lặn lẳng ngay, và rồi anh sẽ không quan tâm đến nó nữa. Anh biết rõ điều anh cần thực hành là cắt đứt ngay mọi suy tưởng về thời gian: không có quá khứ vì quá khứ đã qua; không có tương lai vì tương lai chưa đến; chỉ có hiện tại, và hiện tại là quan trọng hơn cả. Anh coi mỗi lần đi khất thực là dịp thực hành việc quán sát tư tưởng mình, và đó là một bài học giá trị, linh hoạt hơn những khi anh sống êm đềm bên cạnh thầy.

Thấm thoát đã mấy mùa Đông qua. Nhưng Satyakam không còn để ý gì đến thời gian, chỉ chú tâm theo dõi tư tưởng như lời sư phụ dạy.

Vào một đêm trăng tròn, ánh trăng phản chiếu trên lớp tuyết bao phủ quanh đỉnh Tuyết Sơn phát ra những tia sáng chói lọi. Satyakam đang ngồi ngắm trăng trước lều thì đạo sư đi đến. Ông nhìn học trò một lúc rồi thông thả lên tiếng:

- Nay Satyakam, tuy con đã tiến bộ nhiều so với trước, nhưng con chớ quên rằng con vẫn còn nhiều nấc thang cao hơn phải vượt qua. Sự tiến bộ trên đường đạo đòi hỏi sự cảnh giác không ngừng, do đó con đừng quên mục đích chính của đường đạo nhiệm màu này. Con phải coi con đường này như một nguồn cảm hứng thiêng liêng, sống động, nhờ thế con mới có thể vượt qua bao cám dỗ của các tư tưởng ích kỷ vẫn còn tiềm ẩn trong tâm. Mặc dù hiện nay, niềm an lạc tuyệt vời của sự hợp nhất với Thượng đế chưa đến với con, nhưng con nên nhớ con vẫn là Một với đáng cao cả. Con đã phát nguyện sẽ là người đem ánh sáng của ngài gieo rắc cho thế gian, do đó trước hết con phải là một tấm gương sáng để phản chiếu ánh sáng của ngài đi khắp nơi, tựa như đỉnh Tuyết Sơn đang phản chiếu ánh trăng xuống thung lũng Saraswati này vậy.

Đạo sư trầm ngâm một lúc rồi nhẹ nhàng nói tiếp:

- Tuy nhiên, trước khi con có thể phản chiếu vầng ánh sáng tuyệt diệu của ngài, con phải lau sạch những hạt bụi bám vào tâm con trước đã. Chỉ khi tâm con là một tấm gương hoàn hảo, trong sạch, ánh sáng chân lý mới có thể

chiếu soi toàn vẹn được. Chỉ khi con tự biết mình, con mới có thể biết được người khác. Và chỉ khi con hiểu biết thực sự về người khác, con mới có thể giúp đỡ họ. Đó là lý do ta muốn con theo dõi tư tưởng để học cách tự biết mình.

Đạo sư ngừng lại như để Satyakam có thời gian suy nghĩ trước khi nói tiếp:

- Ta biết công phu theo dõi tư tưởng của con đã tiến bộ nhiều, vì vậy bắt đầu từ nay con nên tập lắng nghe. Không chỉ là lắng nghe các âm thanh mà con thường nghe, mà còn là những âm thanh hiện con vẫn chưa nghe thấy được.

Satyakam ngạc nhiên hỏi:

- Sư phụ muốn nói đến những âm thanh nào?

- Đó là âm thanh của sự sống. Trước hết, con hãy lắng nghe những âm thanh phát xuất từ trong lòng con. Có thể lúc đầu, con sẽ không nghe thấy gì, nhưng con đừng thất vọng, cứ chăm chú lắng nghe, rồi con sẽ nghe thấy một âm thanh êm đềm, tự nhiên trỗi lên, và con sẽ nhận ra trong đó những âm thanh của đức tin, của hy vọng và tình thương. Những âm thanh này vẫn thường trỗi lên từ nơi sâu thẳm nhất trong lòng mọi người, nhưng phần lớn mọi người không biết nghe, không muốn nghe, hoặc không dám nghe. Họ sợ hãi đến nỗi không dám đối diện với bản tâm mình. Họ bung tai để khỏi phải nghe âm thanh thành thật của tâm hồn. Họ bịt mắt trước ánh sáng đầy minh triết của Thượng đế. Họ làm thế vì nghe theo tiếng gọi của dục vọng hay đuổi theo ảo ảnh của vô minh luôn là điều dễ dàng hơn. Tuy nhiên, bên trong mọi sự sống đều có những âm điệu tiềm tàng mạnh mẽ chờ đợi cơ hội để trỗi lên, do đó con cần lắng nghe những âm thanh này, và khi đó con sẽ dễ dàng nghe thấy nó ở chung quanh con và ở trong mọi người khác. Từ đó, con sẽ nhận ra rằng những âm điệu này đều giống nhau, bởi lẽ tất cả đều phát sinh từ bản nhạc tuyệt vời của Thượng đế. Con cần ghi nhớ những âm điệu này để hiểu trật tự và cách vận hành sự sống đang xảy ra quanh con.

- Phải chăng khi đó con cần hướng ra bên ngoài?

- Đúng thế. Khi đã hiểu thấu đáo các giai điệu nơi mình thì con có thể hướng tâm ra ngoài để thưởng thức khúc ca của Thượng đế vẫn âm vang trong vũ trụ.

Satyakam thắc mắc:

- Nghĩa là Thượng đế vẫn thường tấu nhạc hay sao? Đạo sư mỉm cười gật đầu:

- Đúng thế. Khúc ca của Thượng đế luôn luôn vang rền trong vũ trụ. Nó văng vẳng bên tai thế nhân, nhưng đã mấy ai biết nghe âm thanh huyền diệu đó. Sự sống là một bản nhạc tuyệt vời. Nếu con biết lắng nghe, con sẽ nhận ra rằng con vốn là một nốt nhạc trong bản hòa tấu vĩ đại đó, và nhờ thế con hiểu được những định luật bất dịch của vũ trụ.

Đạo sư ngẩng nhìn lên vàng trắng vằng vặc trên nền trời, chậm rãi nói:

- Nay Satyakam, khúc ca của Thượng đế là tiếng sóng gầm dưới biển, tiếng gió reo trên cây, tiếng suối róc rách trong khe núi, tiếng ầm ầm của thác đổ. Nếu biết lắng lòng để nghe, con sẽ thấy tất cả những thanh âm đó chỉ là dư âm của một tấu khúc huyền diệu hơn thế nữa và chỉ một vài đoạn nhỏ của tấu khúc này lọt vào tai người thế tục thôi. Nếu biết lắng lòng nghe không sót một âm thanh nào và cố gắng tìm hiểu ý nghĩa của nó, con sẽ nghe thấy cả những huyền âm sâu thẳm của vũ trụ. Khi con hiểu được ý nghĩa của những huyền âm này, con sẽ không cần thầy ở bên nữa. Nếu con người có tiếng nói, thì Thượng đế cũng có những huyền âm. Hiểu được huyền âm này là hiểu được Thượng đế.

Đạo sư ngừng nói, quay sang nhìn học trò. Ánh mắt hiền từ của ông làm Satyakam cảm thấy ấm áp. Đã lâu lắm hai thầy trò mới có dịp nói chuyện như vậy. Satyakam hoan hỉ chấp tay để tỏ lòng biết ơn. Đạo sư gật đầu hài lòng rồi thong thả đứng dậy tiến về phía động đá. Đi được vài bước, ông quay đầu lại nói:

- Hãy tập lắng nghe, và đó là bài thứ hai mà con cần phải học.

Satyakam quỳ rạp xuống đất. Anh cung kính giữ nguyên tư thế đó một lúc lâu cho đến khi sư phụ đi khuất hẳn. Bất chợt, anh cảm thấy hình như có một âm thanh kỳ lạ vừa trỗi lên đầu đó. Satyakam cố tĩnh tâm lắng nghe. Âm thanh từ từ rõ dần và anh ý thức đó chính là tiếng nói vô thanh phát xuất từ nội tâm mình. Toàn thân anh chợt dâng lên một cảm giác ngây ngất kỳ lạ. Phải chăng anh đã từng nghe qua âm thanh này rồi? Âm thanh quen thuộc làm sao! Satyakam suýt bật lên một tiếng kêu nhưng anh cố giữ không cho mình xúc động. Phải rồi! Đó chính là thánh ngữ “Om”<sup>[1]</sup> mà bất cứ người

Ân nào cũng biết. Nhưng lần này âm thanh đó kéo dài dường như vô tận. Anh nín thở theo dõi điệu âm đó và bất chợt trước mắt anh bỗng hiện ra một linh ảnh: một hoa sen lớn hiện ra màu sắc chói chang lạ lùng, hoa khe khẽ mở, từng cánh từng cánh vươn ra. Anh nghe rõ một tiếng nói ở đâu vang lên: “Con hãy xem bông hoa đang nở trong yên lặng kia. Một vài cánh hoa đã nở nhưng nhiều cánh vẫn còn búp vì hoa sẽ không bao giờ nở được trọn vẹn trước khi bản ngã tiêu tán hết. Hoa không thể tỏa hương khắp thế gian trước khi tất cả các cánh nở trọn vẹn, và hoa chỉ nở trọn vẹn khi phàm ngã biết quy phục chân ngã”. Satyakam chợt hiểu rằng mình đã tìm ra mối đạo và đóa hoa tâm linh của anh đã bắt đầu nở. Anh quỳ xuống đất, nước mắt giàn giụa, thốt lên: “Cảm ơn sư phụ! Cảm ơn sư phụ!”.

Đã mấy thu trôi nhưng Satyakam tuyệt nhiên không còn để ý đến thời gian nữa. Anh biết mỗi khi lá vàng rơi là sắp đến mùa tuyết phủ, nhưng anh không còn bận tâm đến việc đi nhặt lá rừng để lợp lại mái lều cũ kỹ. Khả năng chuyên nhiệt trong mình của anh đã tiến bộ vượt bậc, có thể chịu đựng được những luồng gió lạnh kinh hồn từ trên đỉnh Tuyết Sơn thổi xuống.

Vào mùa đông, khi dòng suối bắt đầu đóng băng cũng là lúc vị đạo sư già bế quan, không rời động đá. Satyakam chưa được như sư phụ nên vẫn phải xuống làng khát thực. Dân làng tử tế cúng đường cho anh khá đầy đủ để anh có thể sống qua những ngày lạnh giá. Với số thức ăn này, Satyakam có thể ngồi thiền nhiều ngày liên tiếp, và trong sự tĩnh lặng đó, khả năng lắng nghe của anh đã cao hơn rất nhiều. Anh có thể nghe thấy tiếng bước chân của những con nai tận dưới đáy thung lũng hay tiếng búa của các tiểu phu ở dãy núi phía bên kia. Dần dần, anh còn nghe được những tiếng động thật nhỏ như tiếng chim vỗ cánh hay tiếng côn trùng sột soạt tận sâu trong lớp vỏ cây. Tuy vậy, anh vẫn chưa nghe được những điệu âm của sự sống như sư phụ đã nói.

Sau một thời gian, anh tập trung tư tưởng vào thánh ngữ “Om” và dần dần đã có thể nghe được một vài tiếng gọi thầm kín của nội tâm. Satyakam hiểu rằng nghe những tiếng động bên ngoài thì dễ, nhưng quay vào bên trong để nghe tiếng gọi của nội tâm thật khó khăn biết bao! Không những thế, khi quay vào bên trong để lắng nghe, con người sẽ phải đối diện với những sự thật mà trong cuộc sống hàng ngày, ít ai dám nghĩ đến. Nhờ thế, anh hiểu vì sao nhiều người chỉ thích hướng ra bên ngoài, chứ không dám quay vào bên trong để đối diện với chính mình. Càng im lặng lắng nghe, khả năng tập trung tư tưởng của Satyakam càng tiến bộ, và sự tập trung càng cao thì khả

năng theo dõi tư tưởng của anh cũng theo đó mà phát triển thêm lên. Dần dần, Satyakam nhận rõ sự phối hợp màu nhiệm của khả năng lắng nghe và các biến chuyển trong tư tưởng.

Một ngày Xuân đẹp trời, trong lúc Satyakam tập trung tư tưởng để suy ngẫm, anh nghe có tiếng bước chân đến gần và nhận ra thầy vừa xuất động sau thời gian tịnh tu. Vị đạo sĩ nhìn học trò với vẻ hài lòng:

- Này Satyakam, công phu lắng nghe của con đã khá rồi đó, vậy con đã lĩnh hội được các năng lượng của tư tưởng chuyển biến như thế nào chưa?

- Thưa sư phụ, con ý thức được sự biến chuyển của tư tưởng nhưng con chưa rõ các năng lượng tiềm ẩn bên trong hoạt động ra sao.

Ông gật đầu cười, giải thích:

- Đó là lý do mà ta muốn nói chuyện với con hôm nay. Này Satyakam, mỗi khi tư tưởng phát sinh, nó sẽ tạo ra các làn sóng rung động rất vi tế. Nếu một người có sự rung động đồng nhịp với sự rung động đó, họ sẽ đáp ứng nhanh chóng. Do đó, khi hai người nói chuyện với nhau, bên ngoài, họ nói bằng ngôn ngữ nhưng thật ra sự cảm thông chỉ có thể xảy ra qua những rung động đồng nhịp của các làn sóng tư tưởng trong tâm trí hai người. Đối với một người bình thường, tư tưởng được phô diễn qua lời nói và hành động, nhưng ngôn ngữ vốn nghèo nàn và có giới hạn, không thể diễn đạt được sự phong phú của tư tưởng. Khi một người đạt đến trình độ cao, họ không cần sử dụng ngôn ngữ nữa mà sử dụng tâm thức để thu nhận hay chuyển giao tư tưởng qua những làn sóng rung động kia. Thay vì nói chuyện bằng lời, họ nói chuyện bằng tư tưởng.

- Sư phụ muốn nói đến hiện tượng thần giao cách cảm?

- Con muốn gọi nó là “thần giao cách cảm” hay “tha tâm thông” đều được cả, vì nó chính là một kỹ thuật truyền âm. Tuy nhiên, trước khi tập luyện công phu chuyển tư tưởng cho người khác, con cần học cách thu nhận các làn sóng tư tưởng này trước đã. Nói cách khác, con phải tập nghe trước khi tập nói. Thế nên, ta muốn con tập lắng nghe vì căn bản chính của công phu này là sự thanh lọc tâm hồn để trở nên nhạy cảm với các rung động tinh tế và thanh cao kia.

Rồi ông chỉ về hướng những đô thành xa hoa tráng lệ ở phía xa:



- Nay Satyakam, trong những thành phố đông đúc ồn ào, thần kinh con người luôn bị căng ra bởi những rung động náo nhiệt, phức tạp. Chúng khiến tâm hồn họ luôn ở thế bị động, lúc nào cũng lo phản ứng, dần dần họ mất đi sự nhạy cảm cần thiết. Đó cũng là lý do xã hội càng phức tạp, con người càng thiếu đi sự cảm thông với nhau. Càng ngày tâm trí con người càng mệt mỏi, xáo trộn, dễ bị kích thích bởi những cố lặt vặt không đâu. Cũng vì thế, họ khó mà tránh được những bực dọc, giận tức hay nóng nảy. Sự nóng giận này tuy có vẻ chỉ phớt qua bề ngoài, nhưng kỳ thực nó rất tai hại vì hậu quả của nó tồn tại lâu hơn ta tưởng. Khi theo dõi tư tưởng, con thấy chúng đến và đi nhẹ nhàng như thủy triều, nhưng một tư tưởng nóng giận thì không như thế. Nó thu hút rất nhiều năng lượng, làm con người mất tự chủ, sinh mệt mỏi. Nó để lại ấn tượng rất sâu trong tâm thức con người. Con hãy quan sát một cơn bão ngoài biển. Trước hết, gió lớn nổi lên làm dậy từng đợt sóng lớn và luồng sóng biển này sẽ tồn tại rất lâu sau khi cơn gió đã dứt hẳn. Nay Satyakam, nước mà còn ảnh hưởng như thế huống chi tâm hồn con người vốn tế nhị hơn chất nước rất nhiều. Một khi tư tưởng nóng giận khởi phát, nó sẽ tạo nên những hậu quả lâu dài làm xáo trộn tâm hồn người đó, và khi tâm hồn đã bị xáo trộn thì làm sao họ có thể cảm thông hay hiểu biết gì thêm được! Muốn tập cho tâm hồn mãi cảm để có thể đón nhận những tư tưởng thanh cao, con người phải biết làm chủ cơn nóng giận, và đó chính là bước đầu.

- Như vậy, ta phải đối phó với những tư tưởng nóng giận như thế nào? Phải chăng không nên thụ động quán sát mà cần tạo ra một tư tưởng tương phản khác?

Vị đạo sư lắc đầu:

- Một số người trí thức thường làm như thế. Họ tập trung tư tưởng để kiềm chế cơn giận, nhưng họ không biết rằng tạo ra một sức mạnh để chống lại một sức mạnh khác sẽ gây những phản ứng dữ dội, làm xáo trộn tâm trí. Dĩ nhiên, tùy theo sự tập trung của tư tưởng mà họ có thể thành công hay thất bại, nhưng sự bạo động trong tâm thức luôn gây ra những hậu quả tai hại, ăn sâu vào tiềm thức. Thay vì chỉ có một vết thương trên da thịt, nó lại ngấm vào xương tủy, để lại hậu quả khôn lường!

- Như vậy phải làm sao, thưa sư phụ?

- Chỉ có tình thương là năng lượng duy nhất đập tắt được tư tưởng nóng

giận mà không gây nên phản ứng trên xác thể hay tâm hồn. Đây là năng lượng màu nhiệm và có quyền năng mạnh mẽ. Một người giàu tình thương và lòng bác ái sẽ không khi nào nổi giận hay để cơn giận dữ ảnh hưởng đến mình. Nay Satyakam, có người mẹ nào lại giận các con mình? Dù có hư đốn đến đâu thì khi trở về với mẹ, chúng vẫn được bà đối xử bằng tình thương yêu, vì chỉ có tình thương mới có thể cảm hóa được chúng mà thôi.

- Như vậy, thừa sự phụ, năng lượng tình thương hoạt động như thế nào?

- Tình thương là một năng lượng từ trong phát ra. Tình thương là ban trải chứ không phải là thu nạp. Thói thường, con người dồn năng lượng vào trong vì đối tượng của họ là bản ngã, do đó các năng lượng này dễ va đụng nhau, tạo thành các làn sóng rung động theo một nhịp độ trong tâm thức. Nhịp độ này gia tăng tạo thành lòng ích kỷ, do đó càng nghĩ đến mình bao nhiêu, con người càng trở nên ích kỷ bấy nhiêu. Khi biết ban trải năng lượng ra ngoài, tâm hồn con người sẽ mở rộng ra, thay vì thu hẹp lại. Và khi đó, nó có thể đón nhận thêm những nguồn năng lượng cao cả khác từ ơn trên chuyển xuống. Đây là một nguồn năng lượng bất tận, không bao giờ cạn.

- Nhưng năng lượng của tư tưởng biến chuyển ra sao ạ?

- Vì tư tưởng là những làn sóng rung động, cho nên khi một bộ óc không có những rung động đồng nhịp, nó sẽ không thể bắt được những tư tưởng kia. Dĩ nhiên, tư tưởng này sẽ tiếp tục rung động một thời gian trước khi tan rã. Nếu các tư tưởng được lặp đi lặp lại nhiều lần, nó sẽ gia tăng cường độ và có thể ảnh hưởng đến tâm hồn. Một người không biết kiểm soát tư tưởng sẽ bị ảnh hưởng bởi sự rung động từ bên ngoài tác động vào. Dần dần, não bộ của họ sẽ có những rung động đồng nhịp như thế mà họ không hề biết. Việc này chứng tỏ môi trường xung quanh có thể ảnh hưởng đến tư tưởng hay cách suy nghĩ của cá nhân rất nhiều. Con người thường chịu ảnh hưởng từ hoàn cảnh xung quanh, nên khi họ ở gần một người chán nản, thoái chí hay nóng giận, thì chỉ ít lâu sau, họ cũng có những tính đó vì tư tưởng người kia đã tạo ra những rung động ảnh hưởng đến họ. Tương tự, khi một nhóm người cùng suy nghĩ về một điều thì sức mạnh tư tưởng này sẽ được nhân lên gấp bội, bởi sự rung động của tư tưởng đó đã được khuếch đại lên nhiều lần. Điều đó giải thích tại sao trong đám đông, nhiều người thường dễ mất tự chủ và hành động theo tư tưởng của đám đông ấy.

Con nên biết rằng tư tưởng của thế giới chỉ là tổng số tư tưởng của các

quốc gia và tư tưởng của các quốc gia vốn là tổng số tư tưởng của các cá nhân sống trong đó. Nếu mọi người để cho các tư tưởng tiêu cực, thù ghét, sợ hãi, nghi ngờ, ganh tị, tham lam, ích kỷ chi phối thì thế giới này sẽ biến thành một nơi đầy thù hận, tham lam và bạo lực. Ngược lại, nếu con người có tư tưởng tích cực, thế giới sẽ đổi khác ngay, đó sẽ là một nơi tràn ngập tình thương yêu, bác ái, vị tha. Do đó, trách nhiệm về tư tưởng của mình là một điều hết sức quan trọng mà con phải nhận thức rõ.

Vị đạo sư nghiêm trang nhìn học trò rồi nhấn mạnh:

- Đó là bài học mà nhân loại cần thấu triệt. Dĩ nhiên, đây là một tiến trình rất dài, nhưng hành trình vạn dặm nào cũng khởi đầu bằng một bước chân nhỏ, và bất cứ sự thay đổi chung nào cũng bắt đầu bằng những cá nhân đã ý thức và biết làm chủ tư tưởng của mình. Nay Satyakam, ngoài việc theo dõi các tư tưởng, kể từ nay, con còn cần chú ý đến năng lượng của tư tưởng. Con cần quan sát xem nó hoạt động như thế nào. Nếu các tư tưởng u ám trỗi lên, con cần thay thế nó bằng các tư tưởng thanh khiết; nhờ vậy, con có thể rung động hay đón nhận các làn sóng tư tưởng thanh cao. Đó là bài học thứ ba của con.

Đạo sĩ nhìn lên bầu trời trong vắt không một gợn mây. Vàng thái dương đã lên cao tỏa ánh sáng xuống rặng Tuyết Sơn, soi rõ đỉnh núi đầy tuyết trắng.

Satyakam quỳ xuống ôm lấy chân sư phụ tỏ lòng tôn kính. Anh biết giai đoạn thứ ba của tiến trình tu học vừa bắt đầu.

\*\*\*

Nhiều năm nữa tiếp tục trôi qua, đời sống của hai thầy trò vẫn êm đềm như thế. Hàng ngày, họ vẫn thực hành các nghi thức quen thuộc. Với Satyakam, ngoài việc theo dõi tư tưởng, anh còn học thêm được các năng lượng biến chuyển của tư tưởng mà trước đó anh không bao giờ ngờ đến. Khi hai thầy trò cùng đi hái trái cây hay dạo quanh núi, Satyakam thường cố tĩnh tâm để có thể giao cảm được với tư tưởng của sư phụ. Anh thấy khi tâm thật an, không bị một tư tưởng nào chi phối, anh sẽ cảm nhận được các rung động vi tế đặc biệt, và từ đó có thể đoán được ý muốn của thầy. Dần dần, anh ý thức được sự rung động tâm thức của sư phụ và cố gắng chuyển tâm mình để cùng rung động theo nhịp của ông. Tuy nhiên, thỉnh thoảng, trong lúc điều tâm, anh vẫn bị những vọng tưởng kỳ lạ dấy lên đột ngột khiến tâm

dao động mạnh. May thay, vị chân sư biết rõ điều ấy nên chỉ với một vài lời khuyên hay câu nói khích lệ, ông đã có thể giúp học trò lấy lại sự tĩnh lặng ban đầu.

Một buổi sáng đẹp trời, sau khi thực hành các nghi thức thường nhật, vị đạo sư già bảo học trò:

- Hôm nay, ta muốn đi lên phía thượng lưu sông Saraswati trên rừng Tuyết Sơn. Vì từ đây đến đó không có làng mạc nào để khát thực, nên con hãy chuẩn bị lương thực đủ ăn cho ba ngày nhé.

Satyakam vội làm như lời sư phụ dặn. Khi anh vừa thu xếp xong, sư phụ cũng chống gậy đi đến và hai thầy trò khởi hành. Họ đi dọc theo các dòng suối nhỏ với những triền đá mập mạp đầy rong rêu. Có lẽ vì quen thuộc với con đường này nên đạo sư thân nhiên ung dung bước đi, trong khi Satyakam mấy lần trượt chân suýt ngã. Thấy vậy, sư phụ quay lại bảo học trò:

- Con hãy cẩn thận và chú ý đi theo đúng bước chân ta.

Satyakam làm theo. Chỉ một lát sau, anh cảm thấy bước đi của mình trở nên vững chãi hơn và bắt đầu có thể đi cùng nhịp với sư phụ. Họ lặng lẽ đi cho đến khi mặt trời đứng bóng thì gặp một sườn núi khá cao. Satyakam hơi mệt vì phải chú tâm đi theo bước chân của sư phụ. Anh có ý muốn dừng lại nghỉ ngơi một chút. Thế nhưng vị đạo sư vẫn thân nhiên tiến bước. Quãng đường dốc đầy trở ngại kia tựa hồ không ảnh hưởng đến ông. Sau khi leo qua một con dốc lớn, đạo sư dừng lại bảo học trò chuẩn bị bữa trưa. Vừa đói vừa mệt nên nghe thấy thế, Satyakam vội lấy lương thực ăn ngay. Miếng bánh mì khô và mấy quả ổi rừng bỗng trở nên thơm ngon làm sao! Sau khi ăn xong, Satyakam đến dòng suối gần đó để rửa mặt. Anh thoải mái vốc làn nước dịu mát vỗ nhẹ lên mặt. Bên bờ suối có rất nhiều khóm hoa màu sắc đẹp lạ thường mà anh chưa hề thấy bao giờ. Hương hoa thoang thoang trong không gian khiến Satyakam ngây ngất. Anh muốn ngắt lấy vài bông hoa nhưng vừa đưa tay, anh chợt dừng lại và rời thông thả dạo qua từng khóm hoa, vừa ngắm nghía vừa khẽ hít mùi hương dịu dịu.

Trở về chỗ nghỉ chân, anh thấy sư phụ đang ngồi yên nhắm mắt nhập định. Không dám làm phiền sư phụ, Satyakam ngồi xuống cạnh đó nhìn ngắm cảnh vật xung quanh. Bầu trời xanh thẳm không một gợn mây, ánh sáng phản chiếu trên những đỉnh núi tuyết tỏa ra các tia sáng chói lọi. Đó

đây, tiếng chim hót ríu rít, tiếng suối chảy róc rách. Anh ngồi xếp bằng, bắt đầu điều hòa hơi thở và chỉ một lúc sau, anh cũng nhập định một cách tự nhiên. Khi mở mắt ra, Satyakam thấy sư phụ đang yên lặng nhìn mình với một vẻ thân ái khó tả:

- Nay Satyakam, phải chăng con đang nghĩ đến sự thành hình vũ trụ cũng như mục đích của nó?

Satyakam giật mình vì sư phụ đã đọc rõ tư tưởng của anh, nhưng anh chưa kịp phản ứng thì ông đã nói tiếp:

- Con phải ý thức rõ rằng vũ trụ chỉ là sự phối hợp màu nhiệm của những tương quan trùng trùng điệp điệp. Cái này tạo ra cái nọ rồi cứ thế kéo dài mãi mãi, không ngừng.

Satyakam rụt rè lên tiếng:

- Nhưng ai đã tạo nên những hiện tượng này và với mục đích gì?

- Phải chăng con muốn nói đến sự kiến tạo? Từ vô thủy đến nay, con người đã cố gắng giải thích sự kiến tạo vũ trụ qua những quan niệm trừu tượng hay các danh từ hào nhoáng như Thượng đế, Hóa công, nhưng con hỏi, ngôn ngữ không thể diễn tả, giải thích một cách tận tường, con chỉ có thể nghiệm ra nó mà thôi. Thượng đế hay chân lý tuyệt đối luôn luôn tự thể hiện một cách vô biên và trường cửu. Đó là sự sống duy nhất và là nguồn gốc của mọi sự sống. Mọi vật hiện hữu đều có nơi chân lý này và nhờ chân lý này mà mọi vật hoạt động và sinh sống. Có người đã so sánh Thượng đế như đại dương mà vũ trụ là các làn sóng và các sắc tướng là những giọt nước. Người khác coi Thượng đế như khối lửa phát ra muôn ngàn tia sáng mà mỗi tia sáng là một linh hồn. Thượng đế lớn hơn không gian, nhưng đồng thời cũng nhỏ hơn một hạt nhân nguyên tử vì Thượng đế là đời sống của nguyên tử. Không có cái gì lớn hơn Thượng đế và cũng không có cái gì nhỏ hơn ngài. Thượng đế hay chân lý tuyệt đối không có hình dạng, màu sắc hay đường nét, nhưng nhờ Thượng đế mà các sắc tướng được đẹp đẽ, rực rỡ và tinh vi.

Con hãy nhìn những dãy núi trùng trùng điệp điệp kia, các dãy núi đó nói lên sức mạnh của ngài. Con hãy quan sát đại dương với những làn sóng bao la không dứt tuyệt kia, đại dương đó đang phản ánh sự hoạt động của ngài. Con hãy nhìn cánh rừng xanh ngắt thăm sâu kia, nó đang phản chiếu sự trầm

lặng của ngài. Ngài là dòng suối róc rách, là tiếng chim líu lo, là lá cây xào xạc, là tiếng côn trùng rí rả và là nguồn cảm hứng của những kẻ yêu chuộng Chân Thiện Mỹ.

Nếu nhận thức được sự thiêng liêng duy nhất ở tất cả, ta sẽ thấy sự sống biểu hiện khắp nơi qua thiên hình vạn trạng. Đừng thu hẹp nó lại trong các danh từ hữu hạn. Đừng cố gắng giải thích nó bằng những ý niệm của tư tưởng. Hãy ý thức và trải nghiệm sự sống đang tuôn chảy không ngừng kia, rồi con sẽ hiểu rằng định luật điều hành vũ trụ tuyệt vời mà con cho là ở bên ngoài vốn thực không khác những định luật hiện nay đang chi phối nội tâm con. Chỉ những người nào đã nếm được vị ngọt của chân lý mới có thể biết nó thế nào, chứ còn sử dụng ngôn ngữ thì chỉ vướng mắc vào những giới hạn vô ích mà thôi.

Sở dĩ con chưa thể nắm vững điều này vì con vẫn còn một cái ngã, vẫn còn có sự phân biệt giữa chủ thể và đối tượng, giữa con và chân lý tuyệt đối hay Thượng đế kia. Chỉ khi nào con có thể hòa nhập cái bên trong và cái bên ngoài, chỉ khi nào tiểu ngã của con biết quy phục và hòa nhập vào đại ngã, chỉ khi nào giữa con và Thượng đế không còn cách biệt mà hòa làm một, thì tất cả mọi điều mà con cho là bí mật sẽ hiển bày trước mặt con. Ta biết hiện nay đối với con, sự sáng tạo hay chân lý tuyệt đối chỉ là một quan niệm như mọi quan niệm khác, nhưng qua công phu tu tập, con sẽ trải nghiệm được nó, và rồi con sẽ thấy nó không phải là một điều gì phức tạp, ghê gớm lắm đâu, mà trái lại - giản dị vô cùng. Chính con người đã để các tư tưởng phức tạp, lộn xộn của cái tâm trí bệnh hoạn tạo ra các chương ngại và ngăn cách sự sống đang cuộn cuộn trôi chảy kia. Khi con người dứt tuyệt được các tư tưởng này, chân lý sẽ hiển minh.

Vị đạo sư ngưng nói. Satyakam cũng im lặng, nhưng bất chợt một ý nghĩ nảy sinh trong tâm khiến anh buột miệng:

- Thừa sư phụ, phải chăng...

Dường như hiểu ý học trò, ông cắt lời:

- Không, ta không phải là người mà con nghĩ đâu. Ta không có một tự ngã nào rõ rệt cả. Từ vô thủy đến nay, ta đã thay đổi và biểu hiện qua muôn hình vạn trạng. Có thể gọi đó là những kiếp sống cũng đúng; hoặc gọi là một chuỗi biểu hiện của các hình thể, danh sắc cũng không sai.

Nói xong, vị đạo sư già đứng dậy. Satyakam vội thu xếp hành lý theo sau. Họ leo qua những triền núi dốc, nhưng đạo sư vẫn ung dung bước. Bất kể đó là một con đường bằng hay đường dốc, bước chân của ông vẫn nhịp nhàng, không đổi. Trong khi đó, Satyakam vừa đi vừa suy nghĩ những điều sư phụ nói nên anh phải cố gắng lắm mới bắt kịp sư phụ.

Càng lên cao, cái lạnh của rừng Tuyết Sơn càng ngấm dần vào da thịt. Satyakam cố gắng điều hòa hơi thở, nhưng không hiểu sao lần này công phu chuyển nhiệt của anh không còn hiệu nghiệm như trước nữa. Mọi khi, chỉ sau một vài hơi thở, luồng hỏa hầu đã chạy khắp cơ thể. Thế mà lần này, dù đã cố gắng, anh vẫn cảm thấy chân tay lạnh run lên. Bất chợt, một ý tưởng nảy sinh khiến anh nghĩ đến đồng lửa hồng ấm áp trong căn lều của mình dưới chân núi. Ước gì ta có một đốm lửa như thế để sưởi ấm thì tốt biết bao! Vừa nghĩ đến đó, hơi thở của anh chợt náo loạn, khắp mình lạnh toát.

Vừa lúc, vị đạo sư dừng chân, quay lại nhìn anh. Satyakam bối rối chưa kịp phản ứng thì đã thấy đôi mắt sáng ngời tình yêu thương của sư phụ. Trong một thoáng giây, anh cảm thấy toàn thân bỗng trở nên ấm áp như vừa được sưởi ấm. Vọng tưởng của anh chấm dứt. Anh cảm thấy có một niềm an lạc thâm lặng dâng lên. Bất chợt, anh nhận được tư tưởng của sư phụ: “Con thấy không, khi vọng tưởng chấm dứt thì chân lý rõ bày. Khi con ước muốn một cái gì đó, lập tức tư tưởng này sẽ dấy lên, làm xáo trộn niềm an lạc sẵn có trong con. Sự nảy sinh của một tư tưởng sẽ kéo theo vô số các tư tưởng khác và sự xáo trộn này sẽ lôi kéo con rời xa thực tại. Hãy chấm dứt các vọng tưởng kia đi. Công phu theo dõi tư tưởng của con để đâu rồi?”. Satyakam cảm thấy xấu hổ. Quả thực, trong khi đi một cách đều đặn theo những bước chân của sư phụ, anh đã không tự chủ và để cho những tư tưởng khác chi phối, khiến tâm không yên. Anh vội điều chỉnh hơi thở cho thuần thục.

Mặt trời đang lặn. Trên không chỉ còn một dải mây đỏ ửng, nằm vắt ngang trên đỉnh Tuyết Sơn phủ đầy tuyết trắng. Màu đỏ và màu trắng tương phản hiện rõ trên nền trời tạo nên một cảnh tượng vừa huy hoàng vừa trang nghiêm, sống động.

Trước cảnh thiên nhiên hùng vĩ, Satyakam xúc động vô ngần. Anh chợt thấm thía lời dạy của sư phụ. Đúng thế, anh đã để cho tư tưởng lấn át sự sống màu nhiệm đang diễn ra xung quanh. Anh thở nhẹ, luồng hơi nóng vẫn luân chuyển khắp cơ thể. Thì ra công phu chuyển nhiệt trong mình vẫn nổi

liên với hơi thở, nhưng khi hơi thở bị xáo trộn do các tư tưởng không tập trung thì sự vận hành của luồng nhiệt khí cũng xáo trộn ngay. Đến lúc này, anh mới ý thức rõ hơn bao giờ hết rằng hơi thở chính là đầu mối quan trọng của công phu tu tập. Vị đạo sư vẫn thong thả bước lên triền núi dốc, từng bước, từng bước thong dong, tự tại, hòa vọng những rung động của thiên nhiên xung quanh.

Khi hai thầy trò vượt qua một khe núi, trời đã tối hẳn, vàng trăng lưỡi liềm từ từ nhô lên trên bầu trời.

Vị đạo sư chỉ tay về phía một hồ nước khá rộng, bốn bề là những sườn núi cao phủ đầy băng tuyết. Tuyết trên sườn núi tan ra đều đổ vào hồ này để từ đó chảy xuống những dòng suối nhỏ quanh rặng Tuyết Sơn trước khi đổ vào sông Saraswati dưới chân thung lũng. Đạo sư có vẻ quen thuộc với phong cảnh nơi đây. Ông thong thả đi thẳng về phía một mỏm đá lớn nhô ra bên vách núi như một mái hiên, phía dưới mỏm đá có một hốc nhỏ vừa đủ một người chui lọt.

Satyakam lặng ngắm hốc đá. Trông nó quen thuộc lắm. Anh thoáng bồi hồi, thì thầm: “Đường như ta đã đến chốn này rồi thì phải”.

Đạo sư đứng yên nhìn học trò một hồi lâu, rồi chỉ vào hốc đá:

- Đêm nay, con hãy nghỉ ở đây. Ta sẽ gặp con vào sáng mai.

Satyakam đặt hành lý xuống cạnh hốc đá. Anh định hỏi không biết đêm nay sư phụ sẽ nghỉ ở đâu, nhưng chưa kịp lên tiếng, vị đạo sư đã chống gậy đi khuất vào bóng đêm.

Satyakam trải tấm chăn xuống đất, ngồi xuống. Thân hình anh vừa khít với hốc đá. Anh xếp bằng, điều hòa hơi thở và cảm thấy nơi đây êm đềm, quen thuộc lạ thường. Không gian tĩnh mịch, chỉ có tiếng nước róc rách êm dịu, vàng trăng mờ nhạt lấp lánh trên mặt hồ. Satyakam không cảm thấy buồn ngủ. Anh ngồi im theo dõi làn nước nhấp nhô trước mặt, mơ hồ như mình đã từng làm như thế này nhiều lần rồi, nhưng không thể nhớ rõ, tựa hồ có một tấm màn mỏng phủ lên ký ức. Satyakam ngồi một lúc như xuất thần, rồi bất chợt đứng dậy, chắp tay kính cẩn cúi rạp xuống đất một cách chân thành. Anh hành lễ ai đây? Đỉnh Tuyết Sơn hay hồ nước trước mặt? Satyakam tiếp tục nghi thức hành lễ đó một lúc rồi mới ngồi xuống. Tiếng nước vẫn róc rách chảy. Anh thiếp đi lúc nào không biết.



Satyakam tỉnh dậy khi tia sáng đầu tiên vừa ló dạng trên nền trời. Anh nhận ra rằng mình không ở trong căn lều quen thuộc mà đang nằm trong một hốc đá trên đỉnh Tuyết Sơn. Anh hồi tưởng lại chuyến hành trình hôm trước, rồi vươn vai chui ra khỏi hốc đá. Sau khi rửa mặt cho tỉnh táo, anh thông thả bước xuống hồ thực hành các nghi thức thường nhật. Vẫn chưa thấy sư phụ xuống.

Satyakam bước lên một tảng đá gần đó để thiền định. Mặt trời vừa lên trên đỉnh núi. Những tia nắng ấm áp rơi xuống thân thể khiến anh thấy dễ chịu. Anh đang chuẩn bị nhập thiền thì một cảm giác kỳ lạ nổi lên khiến anh vội quay ngoắt ra phía hồ nước.

Trên mặt hồ lung linh huyền ảo, có hai vật màu trắng đang từ từ tiến về phía anh. Khi chúng đến gần, anh nhận thấy đó là hai con thiên nga rất lớn. Chưa bao giờ Satyakam thấy con thiên nga nào to lớn và đẹp dễ đường ấy. Chúng thản nhiên bơi thẳng đến chỗ anh, không hề sợ hãi. Cặp mắt chúng to và tinh anh khác thường. Satyakam lẩm bẩm: “Đây hẳn phải là một giống thiên nga đặc biệt”. Anh đứng yên nhìn đôi thiên nga nhờn nhờn bơi lội trước mặt. Bầu trời xanh thẫm in xuống mặt hồ. Đôi thiên nga trắng bơi qua bơi lại làm tán động làn nước xanh. Sắc xanh, sắc trắng và ánh sáng mặt trời hòa với nhau, lung linh huyền ảo khiến Satyakam say sưa xuất thần. Anh cứ ngắm như thế cho đến khi nghe tiếng chân sư phụ đến gần.

- Này Satyakam, từ xưa đến nay, dân chúng miền này vẫn thường nói về một cặp thiên nga trắng từ trên trời đáp xuống và cho rằng chúng là hiện thân của thần Shiva và Durga. Chúng chỉ xuất hiện tại những nơi chốn linh thiêng nhất và chỉ những ai hữu duyên hay đã khai mở được đạo nhãn mới có thể nhìn thấy chúng mà thôi. Con thấy không, Satyakam, con là một trong những người có duyên lành lắm đấy!

Satyakam ngắm vẻ đẹp tuyệt vời của đôi thiên nga trắng trước mặt, rồi quỳ xuống với tấm lòng sùng kính chân thành, thắm gọi khế:

- Shiva<sup>[2]</sup>... Shiva... Durga... Durga...

Anh ngẩng nhìn bộ lông trắng tinh khiết của đôi thiên nga kia, chợt thấy nó trắng như tuyết và phát ra những màu sắc lạ lùng như những dải mây trên trời. Anh chăm chú dõi theo đôi thiên nga cho đến khi chúng nhẹ nhàng bơi xa dần và mất hút cuối chân trời. Trong anh chợt nảy sinh một cảm giác kỳ

lạ, lồng ngực anh bỗng trở nên âm áp lạ thường. Anh định quay ra hỏi sư phụ thì trước mắt bỗng hiện ra một linh ảnh, một luồng ánh sáng chói lòa trong đó anh thấy một tu sĩ đầu cạo trọc, một tay cầm bình bát, tay kia chống gậy trúc đang bước đi trên núi. Anh giật mình không hiểu sao hình ảnh này quen thuộc và thân thiết đến thế. Bất chợt, anh nhận thức rằng vị tu sĩ đó chẳng phải ai xa lạ, mà là chính anh.

Ngỡ ngàng, Satyakam bật lên một tiếng kêu lớn, nhưng tiếng kêu vừa thoát ra khỏi cổ họng, anh nghe thấy tiếng sư phụ thoảng bên tai: “Phải rồi, chính con đấy!”. Anh bàng hoàng và ngay trong giây phút ấy anh đã nhớ lại được tiền kiếp của mình. Phải rồi, anh đã từng sống tại đây, đã từng là một tu sĩ đến chôn này để tu tập nội quán. Anh đã sống trong hốc đá kia, đã ngồi thiền trên tảng đá này. Thảo nào phong cảnh nơi này quen thuộc làm sao! Satyakam nghe rõ tiếng nước chảy róc rách trong khe đá, hôm qua, hôm nay, giờ phút này cũng như những ngày xa xưa kia... Chỉ trong giây phút, những tiền kiếp bỗng tuôn tự diễn ra trong tâm thức anh như một cuốn phim. Satyakam mỉm cười sung sướng khi cảm nhận được những điều anh từng trải qua, nhớ lại giây phút đầu tiên khi chứng ngộ được một vài điều, và cả những kỷ niệm học hỏi với vị sư phụ của anh lúc đó, cũng chính là vị sư phụ hiện nay đang đứng trước mặt anh đây. Anh kính cẩn quỳ xuống trước đạo sư, nước mắt giàn giụa:

- Cảm ơn sư phụ! Cảm ơn sư phụ!

Vị đạo sư già yên lặng, chú mục nhìn học trò bằng ánh mắt rạng rỡ như chia sẻ với anh những điều anh đang cảm nhận được. Sau cùng, ông lên tiếng:

- Tốt lắm! Hôm nay chúng ta sẽ nghỉ lại đây. Sáng mai sẽ lên đường trở về. Khi nào đói, con cứ tự nhiên ăn uống, không cần phải đợi ta. Ta sẽ gặp lại con vào lúc khởi hành.

Nói xong, vị đạo sĩ khoan thai bước đi, khuất dạng sau những tảng đá lớn. Satyakam cảm động nhưng cố gắng tự chủ. Anh lặng nhìn theo sư phụ, trong lòng dấy lên một cảm giác thân thương, muốn quỳ xuống ôm lấy chân sư phụ để tỏ lòng biết ơn. Vừa nghĩ đến đó, thân thể anh chợt nhẹ bẫng như được nâng lên bởi một sức mạnh vô hình. Satyakam hơi luống cuống. Anh nhìn xuống chân, nhưng không hiểu sao, cổ anh cứng ngắc không cựa quậy được, tay chân cũng đơ ra như một khúc gỗ. Anh thấy mình từ từ lướt đi trên

những tảng đá ven hồ. Chuyện gì thế này? Trong tích tắc, Satyakam ý thức được rằng mình đang bay đuổi theo sư phụ. Chỉ một hơi thở nhẹ, anh thấy rõ sư phụ đang chống gậy đi phía trước. Có thể như thế sao? Anh đang mơ hay tỉnh đây? Thân hình anh vẫn vun vút lướt đi trên không, gần bắt kịp sư phụ, bất chợt, ông quay người lại. Satyakam thấy rõ trên môi sư phụ mình đang nở một nụ cười hài lòng. Anh vội tập trung tư tưởng và thấy mình từ từ đứng lại, nhưng chân vẫn không hề chạm đất. Phải chăng anh vừa khai triển một quyền năng mới - một thứ quyền năng khiến con người có thể di chuyển rất nhanh trên không trung? Trong lúc đầu óc vẫn còn choáng váng, anh nghe tiếng sư phụ: “Thôi, như thế đủ rồi”.

Nói xong, ông đi tiếp, bỏ mặc Satyakam đứng đó xúc động, ngẩn ngơ. Anh quay lại nhìn hồ nước mênh mông trước mặt, một ý nghĩ chợt đến, và chỉ một hơi thở, anh đã thấy mình ra đến giữa hồ, lơ lửng trên mặt nước. Bóng anh soi rõ trên làn nước. Anh vừa kinh ngạc, vừa thích thú. Có thể như thế sao? Anh nhìn về phía hốc đá ven hồ. Mỗi khi tư tưởng của anh tập trung đến nơi nào, thân thể anh đã lướt ngay đến chỗ đó. Phải chăng anh vừa chứng đắc được điều gì? Phải chăng đó là kết quả tự nhiên của công phu tu tập, không phải trong nhiều ngày, nhiều năm mà trong nhiều kiếp sống? Nhưng điều này có nghĩa gì? Phải chăng đó là mục đích của công phu tu tập? Satyakam ngồi xuống tảng đá ven hồ, thấy trong lòng dâng lên một niềm vui kỳ lạ. Phải chăng hai con thiên nga trắng tượng trưng cho thần Shiva và Durga kia là một bằng chứng hùng hồn về công phu tu tập của anh hay còn có một ý nghĩa nào khác nữa?

Anh nhìn quanh và bất ngờ thấy rằng núi trước mặt không còn là núi nữa, mà là sự hội tụ của muôn ngàn tia nắng đang nhảy múa. Và cả hồ nước kia - nó không còn là một hồ nước thông thường, mà là sự chuyển động của những tia sáng rực rỡ. Trong thoáng giây, toàn thể không gian hoàn toàn biến đổi, và tất cả trở thành những dải ánh sáng đang rung động đảo xoay trong một vũ điệu tuyệt vời. Satyakam thấy mình chìm đắm trong vũ điệu đó, rồi hoàn toàn tan biến trong biển ánh sáng màu nhiệm kia.

Satyakam không biết mình đang mê hay tỉnh, nhưng anh cảm thấy như có thứ gì chạm nhẹ vào vai. Anh mở choàng mắt. Sư phụ đang đứng trước mặt:

- Nay con, đã đến lúc chúng ta lên đường trở về nhà rồi.

Thì ra anh đã ngồi đây suốt một ngày một đêm. Satyakam định lên tiếng hỏi sư phụ về hiện tượng lạ lùng kia nhưng lại thôi. Anh đứng dậy thu xếp hành lý.

- Chúng ta sẽ trở về bằng một lối khác. Lối này dốc hơn lối trước nên con cẩn thận kéo ngã.

Satyakam đeo hành lý lên vai theo sư phụ đi về triền núi phía Đông. Quả đúng như lời sư phụ, đó là một lối đi băng rừng, đường dốc và trơn trượt. Vị đạo sư ung dung bước, còn Satyakam vừa đi vừa suy nghĩ nên thỉnh thoảng lại trượt chân, lao đảo. Đạo sư quay lại, từ tốn:

- Nay Satyakam, hãy cẩn thận và chú tâm đi theo đúng bước chân ta. Chỗ này trơn lắm!

Hai thầy trò cứ thế bước đi, không ai nói với ai câu nào cho đến khi trở về cánh rừng xưa. Đạo sư bước vào hang đá. Satyakam cũng bước vào căn lều cũ. Hồ như có một điều gì đó thay đổi trong anh, khiến anh không còn như trước. Có lẽ vì anh vừa khai mở được một công phu khác thường, và chính việc đó làm anh suy nghĩ?

\*\*\*

Ngày tháng trôi. Cuộc sống của vị đạo sư vẫn không thay đổi, nhưng Satyakam thì đã khác xưa. Từ khi lên đỉnh Tuyết Sơn trở về, anh thường tự lự, dành nhiều giờ ở trong căn lều nhỏ hơn là ra ngoài. Anh ăn ít hơn trước, chẳng màng đến việc ăn uống, chỉ đi khát thực khi sư phụ bảo anh đi. Tuy vẫn thực hành các nghi thức thường nhật, nhưng anh không còn sốt sắng như trước mà chỉ làm lấy lệ, như một cái máy. Hồ như anh bị một điều gì đó ám ảnh, vì gương mặt đã mất đi những nét hồn nhiên, vô tư; vàng trán bắt đầu có nếp nhăn. Hiển nhiên, vị chân sư biết rõ học trò hơn ai hết, nhưng ông vẫn giữ thái độ thản nhiên cho đến một buổi sáng, sau khi thực hành xong các nghi thức thường nhật, Satyakam bước đến trước mặt sư phụ:

- Thưa sư phụ, con có việc muốn nói...

Đạo sư chăm chú nhìn học trò rồi gật đầu:

- Được, con nói đi.

Satyakam thu hết can đảm thú nhận:

- Thừa sự phụ, đạo này lòng con không được an. Con thường bị các tư tưởng kỳ lạ chi phối, khiến con không thể định tâm được. Không hiểu sao nhiều lúc con cảm thấy chán nản, thất vọng vô cùng. Lòng nhiệt thành cầu đạo của con dường như tan biến, chỉ còn lại những ê chề, chán nản. Những tư tưởng tiêu cực này tiếp tục ảnh hưởng đến con mặc dù con đã cố gắng kiểm soát chúng. Có nhiều ngày, con thấy mệt mỏi, lười biếng, không muốn làm gì và có lúc con đã ngờ vực về con đường của mình...

Đạo sư nhìn học trò đầy vẻ thương xót, rồi chậm rãi buông từng chữ:

- Nay Satyakam, sự sống luôn sống động, đầy những đổi thay, như những đợt sóng thủy triều chứ không cứng nhắc, vô hồn như một tảng đá. Là người, ai cũng có lúc vui, lúc buồn; lúc quyết tâm, hăng hái; lúc chán nản, bê trễ. Đó là lẽ thường. Nay, con đã tiến bộ nhiều so với trước, thì hiển nhiên, các thử thách cũng phải khác trước.

- Nhưng con đã từ bỏ tất cả để bước chân vào đường đạo thì lẽ ra phải...

Ông nghiêm nghị cắt ngang:

- Ai bảo con rằng có sự khác biệt giữa đời và đạo? Con chớ tưởng người đi trên đường đạo sẽ có gì khác thường. Nếu người đời có những lúc thế này hay thế nọ, thì kẻ đi trên đường đạo cũng có những tâm trạng y hệt như thế, nhưng với họ, thử thách này lớn hơn nhiều. Nếu người đời buồn chán, thất vọng thì đã có những thú vui vật chất để tiêu sấu giải muộn; còn người đi trên đường đạo thì không. Họ sẽ không có được một sự an ủi nào hết cho đến khi họ thực sự chiến thắng bản ngã của mình, và chỉ đến khi đó, họ mới nếm được vị ngọt của sự giải thoát.

Đạo sư nhìn nét mặt đầy ưu tư của học trò rồi nói tiếp:

- Nay Satyakam, con chớ nuôi cái ảo vọng điên rồ rằng vì đã đi trên đường đạo mà mình vượt xa đồng loại. Khi nghĩ như thế, con sẽ có tham vọng là muốn được thưởng công xứng đáng và đó là tham vọng căn bản. Chính vì tham vọng này mà bao kẻ có tài, có trí đã xa lìa những mục đích cao cả để tìm vào chốn thị phi, tranh danh đoạt lợi để rồi đắm nhiễm trong đó. Dĩ nhiên, lòng tham là một bài học cần thiết. Thường khi đạt được điều mình mong muốn rồi, phần lớn con người sẽ ý thức được rằng đó chưa phải

là điều mình muốn nhất, và họ sẽ muốn một thứ khác nữa. Cứ thế, họ để cho lòng tham lôi cuốn vào những ảo vọng điên rồ cho đến chết, vì càng lo lắng vun vén cho mình bao nhiêu, sẽ càng thất vọng ê chề bấy nhiêu. Đó là bài học quan trọng mà bất cứ ai đi trên đường đạo cũng đều phải học. Ta đã dạy con quán sát tư tưởng, vậy thì con phải biết tìm nguồn gốc của tham vọng này và diệt nó đi. Một khi để cho nó đâm chồi nảy lộc, để nó mọc rễ trong tâm hồn, thì làm sao mà diệt nó được nữa? Lòng tham có thể ví như loài cỏ dại, phát triển rất nhanh và luôn tạo ra những hạt giống mới, chông chát, tích lũy từ kiếp này qua kiếp khác. Muốn giải thoát, việc đầu tiên là phải biết quán sát sự phát triển của lòng tham, rồi tận tâm tận lực nhổ hết gốc rễ của nó, như vậy mới mong tiến bộ được. Dĩ nhiên, điều này không dễ nhưng đó là một thử thách quan trọng mà con phải vượt qua. Khi con để các vọng tưởng chi phối, lúc thì trôi dạt vào quá khứ, khi bị đưa đẩy vào tương lai, thì hạt giống tham lam này sẽ có cơ hội phát triển chằng chịt trong tâm thức con, lôi kéo con vào những ảo ảnh không thể thoát ra được. Nếu con biết sống trong hiện tại, và chỉ sống thực sự trong hiện tại mà thôi, thì làm sao những thứ cỏ hoang kia có thể đơm bông, trở trái được?

Satyakam ngược nhìn sư phụ. Anh cảm thấy được an ủi phần nào và hối hận đã không biết làm chủ nội tâm, nhưng vừa lúc, một tư tưởng nảy sinh khiến anh không thể kìm hãm được. Đạo sư nhìn học trò mỉm cười:

- Nay Satyakam, phải chăng con đã nghĩ rằng nếu không đi tìm đạo thì con đâu phí công đến đây tu học như vậy? Con hãy quán sát lòng mình một cách thành thật đi. Có phải con muốn tìm đường giải thoát thực sự hay vẫn còn mơ tưởng đến những quả vị, những nấc thang cao chót vót mà con sẽ đạt đến? Phải chăng khi đạt đạo, con sẽ sở đắc một quyền năng cao cả mà ai cũng kính phục? Con phải cẩn thận với các tư tưởng thầm kín của mình. Hãy vì sự giải thoát mà đi tìm đạo, chứ đừng để lòng tham quyến rũ vào những địa vị, những mức độ tiến hóa, những quyền năng kỳ lạ mà con sẽ đạt được. Mỗi khi vượt qua được một thử thách, con cần dừng lại suy nghĩ thấu đáo và thành thật xem có phải vì mục đích cao cả mà con bước chân vào con đường này hay không. Con đường chân tu là phải thành thật hướng vào nội tâm, quán xét cho kỹ, vì thực tế không gì có thể giúp con ngoài công phu tu tập của chính con. Con cần theo dõi mọi tư tưởng nảy sinh trong tâm, bởi vì chỉ có cách đó, con mới tự biết mình. Sự tự biết mình sẽ giúp con như một bông hoa tự nảy nở. Ta biết suốt mấy năm nay, con đã tiến bộ trong việc quán sát tư tưởng, nhưng con cần quán chiếu kỹ hơn nữa, bởi lẽ các tư tưởng tế nhị thường tiềm ẩn trong những góc sâu thẳm nhất của tâm hồn. Đôi khi, nó

khoác lên mình những tính chất mà con không bao giờ ngờ đến. Công phu theo dõi tư tưởng là thành thật phơi trải tất cả, cho đến khi con có thể hiểu trọn vẹn chính mình.

Satyakam cảm thấy yên tâm hơn trước.

- Xin cảm ơn sư phụ. Quả thật gần đây, con không cố gắng được như lúc đầu mới học đạo, nhưng con hứa sẽ cố gắng để không phụ lòng dạy bảo của sư phụ.

Đạo sư mỉm cười nhìn học trò rồi nhấn mạnh:

- Nếu ai cũng giữ được cái sơ tâm đầy nhiệt huyết của lúc đầu tu học, thì chắc chắn ngàn người tu, cả ngàn người đều chứng ngộ ngay trong kiếp hiện tại, chứ đâu trôi nổi mãi trong luân hồi như vậy.

Sau buổi trò chuyện ngắn ngủi đó, Satyakam tiếp tục nỗ lực công phu tu tập. Anh chăm chỉ thực hành những điều sư phụ chỉ dẫn, nhưng chỉ vài tháng sau, khi lá rừng bắt đầu đổi màu báo hiệu mùa thu đến, thì Satyakam lại rơi vào tâm trạng khủng hoảng cũ. Càng cố gắng khép mình vào kỷ luật, anh càng thấy mình vi phạm những lỗi sơ đẳng trong đời sống hàng ngày. Có khi, anh giận mình vô tả và cương quyết thay đổi, nhưng chỉ một thời gian sau, lại thấy mình lại sống một cách vô ý thức với những dằn vặt viển vông.

Có những đêm mất ngủ, anh bước ra khỏi lều ngồi nhìn trời cho đến sáng, hay leo lên một mỏm đá cao chăm chú nhìn về phía làng Sonar dưới chân núi. Trong đêm khuya, cặp mắt của anh trở nên sáng rực. Anh lặng lẽ nhìn những ánh đèn chập chờn tỏa ra từ những căn nhà nhỏ.

Có những đêm trăng sáng, ánh trăng lung linh huyền ảo như thổi thúc, giục giã. Anh lại có một cảm giác lạ lùng, khó diễn tả.

Hình như sâu tận đáy lòng, anh vẫn còn vương vấn một điều gì đó mà anh không lý giải nổi. Đôi khi, anh nhìn lên rặng Tuyết Sơn - rặng núi huyền bí có sức hấp dẫn lạ lùng đối với anh ngày trước, thì nay chỉ còn là những khối đá im lặng, đứng sững vô hồn.

Một buổi sáng, đạo sư vừa bước ra khỏi hang đã thấy học trò đang quỳ trước cửa. Ông nhìn học trò ôn tồn:

- Này Satyakam, hình như tâm con vẫn còn một chút... Satyakam khẽ nói:

- Thưa sư phụ, quả đúng như thế. Mấy hôm nay có một tư tưởng cứ ám ảnh con mãi.

- Này Satyakam, điều gì đã ngăn con đi trọn con đường con muốn đi vậy? Tại sao kiếp trước, con đã không vượt qua được nó và đến kiếp này, dù đã khổ công tu tập mà vẫn không thể khắc phục được?

Satyakam im lặng nhìn sư phụ, không sao trả lời được. Đạo sư trầm ngâm một lúc trước khi lên tiếng:

- Đáng lẽ ra với công phu tu tập như thế thì con phải khắc phục được nó trong kiếp này chứ! Phải chăng cái nghiệp này quá nặng, không chuyên hóa nổi? Hồ như trong tâm con vẫn còn những hạt giống của sự ham muốn? Nếu vậy ta rất tiếc không thể giúp gì con được. Trong kiếp trước của con, ta đã hết lòng giúp con, và con cũng đã nỗ lực tu tập, nhưng trước khi con có thể diệt tận gốc rễ lòng ham muốn này thì phần số của con đã hết, và con phải lia bỏ thể xác. Tuy nhiên, nhờ công phu tu tập đó mà kiếp này con đã đạt được nhiều quyền năng mà một người thường, dù cố gắng đến đâu, cũng khó có thể thành công như vậy. Khi lên đỉnh Tuyết Sơn, ta đã giúp con nhớ lại tiền kiếp để con ý thức về nấc thang cuối cùng phải vượt qua. Nhưng mà, có lẽ vì nghiệp lực sâu dày, nên con không ý thức được nó một cách tường tận như ý ta muốn. Có lẽ nó tiềm ẩn và gây xáo trộn trong tâm thức con, cản trở việc tu tập cần thiết của một người đi trên đường đạo. Hiện nay, đã đến lúc con phải chính thức đối đầu với nó. Đây là một thử thách quan trọng mà ta không thể giúp con được. Này Satyakam, đã gây nhân thì phải gặt quả; đó là quy luật của vũ trụ. Một khi con đã không từ bỏ được bản ngã thì các ham muốn kia cũng không thể chấm dứt được.

Satyakam yên lặng nghe thầy nói. Anh rất muốn vượt qua thử thách mà không phải tốn công nhọc sức, nhưng anh biết điều đó là không thể. Đạo sư nhìn học trò đang lộ vẻ ưu tư. Ông biết rõ tâm trạng hiện nay của anh nên ôn tồn khuyên:

- Tuy thế, may mắn là hiện nay con vẫn còn trẻ. Con còn nhiều nhiệt huyết và thời gian để làm tiêu tan tham vọng thâm kín kia đi. Nếu vượt qua được thử thách này, con sẽ hoàn tất nguyện vọng của con ngày trước; bằng không, con hãy nhớ kỹ rằng lòng ham muốn, mong cầu là một động năng u



uân, một loài cỏ dại có khả năng tăng trưởng rất nhanh, đâm chồi nảy lộc rất chóng. Một khi con để nó mọc rễ trong tâm, con sẽ còn phải khó khăn tốn công nhọc sức trong hàng trăm kiếp luân hồi nữa mới diệt xong.

Satyakam buột miệng kêu lên:

- Nhưng nếu như thế thì biết bao giờ... Đạo sư lắc đầu:

- Con cần phải dũng mãnh hơn lên. Công phu tu tập của con để đâu? Phải chăng con sợ hãi đến nỗi không dám đi nốt quãng đường còn lại? Nay Satyakam, chúng ta đã đi cùng với nhau trên con đường này từ lâu lắm rồi, và con nên nhớ lúc nào ta cũng ở bên con, sẵn sàng giúp đỡ con.

Satyakam yên lặng một lúc như để lấy lại bình tĩnh. Anh hít một hơi dài để định tâm rồi ngập ngừng:

- Xin sư phụ cho con biết rõ hơn về nghiệp quả mà con phải trả này.

Đạo sư chăm chú nhìn học trò, ánh mắt đầy thương xót. Mấy lần ông định lên tiếng, nhưng lại thôi. Sau cùng ông lắc đầu nói nhỏ:

- Trước sau gì rồi con cũng biết...

Satyakam cúi đầu suy nghĩ một lúc khá lâu. Khi anh ngẩng đầu lên, sư phụ đã thực hành xong nghi thức thường nhật và đang tọa thiền trên tảng đá cạnh bờ suối. Mặt trời đã lên cao, tỏa ánh nắng xuống dòng suối trong vắt. Hơi nước bốc lên tạo ra một cầu vồng bảy sắc bao phủ lấy tảng đá. Satyakam lặng ngắm cảnh tượng đó trong chốc lát, rồi thông thả bước xuống suối, tựa như đã chấp nhận rằng điều gì phải đến sẽ đến. Anh chấp hai tay, cung kính đọc bài chú quen thuộc. Đã lâu lắm rồi anh mới tìm lại được cảm giác tĩnh lặng, yên bình như xưa. Sau buổi tọa thiền, Satyakam định đi hái trái cây như thường lệ, nhưng sư phụ đã ngăn lại:

- Nay Satyakam, đã đến lúc con lên đường để tìm điều con muốn rồi đó.

Satyakam biết đã đến lúc mình phải ra đi, nhưng anh vẫn ít nhiều xúc động vì không ngờ nó xảy ra nhanh hơn anh tưởng. Hai dòng nước mắt lăn dài trên gương mặt chữ điền. Anh muốn nói mà không sao thốt nên lời. Dường như đoán được ý nghĩ của học trò, vị đạo sư già nhìn anh một lúc rồi thông thả:

- Nay Satyakam, con không thể đi tìm đạo bằng một con đường duy nhất. Mỗi người, tùy theo căn cơ, khí chất, duyên nghiệp, mà tìm lấy con đường thích hợp, nhưng không thể đạt đạo chỉ bằng sự chuyên tâm sùng kính, chuyên tâm thiền định hoặc chuyên tâm phục vụ cho một lý tưởng thanh cao nào đó. Mỗi con đường chỉ có thể giúp ta vượt qua một nấc thang mà thôi. Tất cả các nấc thang đều cần thiết để tạo thành một cái thang dài đưa ta đến chân lý. Do đó, mới có nhiều con đường, vì thật ra không có một con đường nào là hoàn hảo, tuyệt đối, mà chỉ là những giai đoạn, những bài học cần thiết mà ta cần trải qua. Tất cả những tính xấu cũng như tính tốt cũng là những nấc thang cần thiết, vì khi đã lên đến một giai đoạn, ta cần phải sử dụng tất cả, thuận duyên cũng như nghịch duyên, để vượt qua mọi trở ngại cho đến khi ta ý thức được rằng vốn chẳng có một con đường nào cả, mà chính mình là con đường, là sự thật, là sự sống động nhiệm màu. Muốn quán triệt được điều này, ta cần hiểu rõ chính mình, biết rõ mọi cá tính của mình, và nhờ đạo tâm đã tỏ ngộ mà ta sẽ nhận thức được rằng cá tính đó, thật ra, chẳng phải là của mình, mà chỉ là những dụng cụ do chính mình tạo ra để sử dụng mà thôi. Hãy tìm đạo bằng cách phân tích mọi kinh nghiệm mà con trải qua để phát triển thêm cá tính. Hãy tìm đạo qua những quy luật tự nhiên, rồi con sẽ thấy và hiểu rằng vốn có một quy luật tự nhiên, tuyệt đối điều hành tất cả.

Satyakam cúi đầu im lặng một lúc rất lâu trước khi thốt lên:

- Xin sư phụ hướng dẫn cho con, chỉ cho con biết sẽ phải đi đâu và làm gì. Cho đến giờ, con vẫn chưa thực sự biết rõ mình muốn gì.

- Sau khi ra khỏi thung lũng Saraswati, con hãy đi xuống miền Nam, và rồi con sẽ gặp thứ con muốn.

Satyakam ngược mắt nhìn sư phụ một cách lo ngại:

- Nhưng... nhưng liệu con còn gặp lại sư phụ hay không?

- Từ bao kiếp nay, ta vẫn bên con. Khi nào con cần, ta sẽ đến ngay.

---

[1] “Om” (trong câu thần chú Om Mani Padme Hum) là âm thanh vi diệu của ba chữ đầu của thân (thân thể), khẩu (miệng) và ý (trí óc).

[2] Trong thần thoại Ấn Độ giáo, nữ thần Durga là vợ của thần Shiva tối thượng.

## Chương 2

Cơn mưa đầu mùa vừa trút xuống Kadambini, dân làng đã ùa chạy ra đồng, hò reo sung sướng. Nhìn dòng nước tuôn chảy trên những thửa ruộng, họ mừng rỡ bảo nhau, như thế là không có hạn hán rồi, mưa to thế kia thì chỉ một lúc thôi, ruộng sẽ ngập nước, và rồi lúa sẽ mọc. Cũng như những làng mạc sống bằng nghề nông, hạn hán là mối đe dọa rất lớn, nên hàng năm trước mùa lúa, người dân thường mang phẩm vật đến dâng cúng thần linh ở các đền miếu quanh làng. Cách làng Kadambini không xa có một đền thờ thần Kali<sup>[3]</sup> nằm giữa một khu nghĩa địa lớn, cây cối um tùm, rậm rạp. Không biết tại sao mà ngôi đền này bị bỏ hoang từ lâu, nhưng có nhiều câu chuyện ma quỷ thêu dệt quanh nó khiến ít ai dám đến gần. Ngay cả những người có tiếng là can đảm nhất cũng chỉ dám đi ngang vào lúc trời còn sáng, chứ chẳng ai dám đến đó khi mặt trời đã lặn.

Đầu mùa, dân làng mang lễ vật đến các đền thờ quanh vùng để cầu xin các vị thần che chở. Khi đến đền thờ thần Kali, họ thấy một thiếu nữ đang ngồi yên lặng trong góc tối, tóc dài xõa xuống vai, nước da bánh mật, mặc y phục dòng tu Mật tông của Ấn giáo. Cô im lặng, ngồi yên trong tư thế liên hoa, hai mắt nhắm nghiền. Việc một đạo sĩ đến một ngôi đền bỏ hoang để tu hành không phải điều lạ, nhưng vì đây là một thiếu nữ, lại đến ngôi đền Kali đáng sợ nên ai nấy đều xôn xao. Lúc đầu, dân làng e cô không phải người mà là một loài yêu quái trá hình, nhưng suốt mấy hôm liền, họ vẫn thấy cô ngồi đó, yên lặng tĩnh tu, nên một người đã rón rén đặt trước mặt cô đĩa trái cây tươi để cúng dường. Vài hôm sau, khi trở lại, họ thấy đĩa trái cây vẫn còn nguyên. Dường như nữ đạo sĩ kia mãi mê thiền định, quên cả ăn uống. Nhiều người tò mò kéo đến xem. Mặc cho đám đông tụ họp bàn tán, cô vẫn ngồi yên, đắm mình trong không gian thiền định. Những người đến xem trở về làng đồn rằng cô là một đạo sĩ pháp thuật cao cường, có thể trừ tà ma, nên mới dám đến tu hành tại một nơi đáng sợ như vậy. Kẻ khác lại thêu dệt rằng, cô là một đạo sĩ từng nhập thất trên đỉnh Tuyết Sơn cả trăm năm, vì đã đắc đạo, nên dung nhan trẻ mãi không già. Thôi thì đủ kiểu. Họ còn thêu dệt thành các câu chuyện ly kỳ, thần bí, truyền đi từ làng này qua làng khác. Một

thời gian sau, dân làng đã thấy ruộng nương trúng mùa liên tiếp, số rau trái thu được gia tăng gấp bội. Lạ lùng hơn nữa, những dân làng từ trước vẫn đau yếu bỗng khỏe mạnh, hồi phục một cách bất ngờ. Trẻ con trong làng cũng không hay ốm vặt như những trẻ con làng khác. Dân làng cảm thấy họ đang được hưởng một ân phước lớn lao, và sau cùng, họ kết luận rằng chắc hẳn nguyên do liên quan đến sự xuất hiện của vị đạo sĩ kia. Các lời đồn đãi lại rộ lên và mọi người tin rằng cô phải là một bậc nữ thánh với những quyền năng rất cao. Từ đó, họ gọi cô là Deviji (Thần nữ).

Việc có một Deviji xuất hiện trong đền Kali đã kéo rất nhiều người mộ đạo tìm đến. Người mang hoa quả, kẻ mang tiền bạc cúng đường. Bất chấp các lễ vật chất đầy chung quanh, thiếu nữ vẫn ngồi yên, bất động. Một số dân làng thấy vậy bèn sử dụng số tiền tín đồ dâng cúng để sửa sang lại cho ngôi đền thêm đẹp đẽ. Cuối năm đó, ngôi đền đã được tu bổ rất khang trang. Các hàng cột được sơn son thếp vàng. Các pho tượng được lau chùi và sơn phết cẩn thận. Các khí cụ hành lễ được tu bổ trông như mới. Ngay cả cây cối quanh đền cũng được cắt tỉa, vun xới cẩn thận. Vì tín đồ kéo đến khá đông, một số dân làng đã tự phong cho mình các vị trí chức trách trong đền: kẻ lo nấu nướng dọn dẹp; người lo tiếp đãi khách thập phương... Chẳng còn ai bàn tán về các câu chuyện ghê gớm của khu nghĩa địa hoang vu đó nữa. Họ chỉ nói đến ngôi đền Kali đẹp đẽ với số khách hành hương mỗi ngày một đông, còn những giai thoại về kẻ ốm được lành, người mù được sáng cứ truyền tụng khắp nơi. Chẳng ai biết các lời đồn đãi này có căn cứ hay không, nhưng chúng càng ngày càng được lan truyền rộng rãi và số khách hành hương kéo đến đã lên đến hàng ngàn người. Từ cửa chính vào đền, các vị chức sắc yêu cầu mọi người xếp hàng theo thứ tự để chiêm bái Deviji. Cứ thế, hết người này đến người khác, lần lượt bước đến cung kính quỳ lạy, dâng cúng các phẩm vật trước mặt nữ đạo sĩ. Các vị chức sắc đón nhận phẩm vật dâng cúng một cách hoan hỉ. Họ cẩn thận ghi tên tuổi người dâng cúng vào các cuốn sổ để Deviji duyệt xét và ban phước lành. Tuy nhiên suốt mấy tháng qua, cô vẫn ngồi yên lặng, không để tâm đến cảnh tượng ồn ào náo nhiệt diễn ra quanh mình.

Hôm ấy, trong số người hành hương có một đạo sĩ dáng vẻ thong dong ở đâu đi đến. Anh còn trẻ, độ ba mươi, y phục rách nát. Anh kiên nhẫn đứng chờ trong đám đông, đợi đến lượt vào chiêm bái, nhưng khi anh vừa bước qua cửa, mọi người đều giật mình vì Deviji đang ngồi yên bỗng ngẩng mặt lên. Suốt mấy tháng nay, chưa ai thấy Deviji có dấu hiệu khác thường ngoài việc cứ đăm mình thiền định, nhưng lần này cô lại ngược lên, mở mắt nhìn

vị đạo sĩ kia. Một nụ cười thoảng qua trên khuôn mặt nghiêm nghị của cô. Vị đạo sĩ trẻ có vẻ ngạc nhiên, nhưng anh vẫn đứng yên. Theo lệ thường, ai nấy đều phải quỳ xuống làm lễ ra mắt và dâng cúng phẩm vật, nhưng anh lại không làm thế. Một vị chức sắc thấy rõ anh chẳng mang lễ vật, nên yêu cầu anh quỳ xuống. Anh vẫn đứng yên một lúc rồi lặng lẽ rời khỏi ngôi đền.

Ngày hôm sau, anh lại có mặt trong số người hành hương chiêm bái Deviji. Các vị chức sắc đã nhận ngay ra anh là đạo sĩ hôm trước nên vội mời anh đi thẳng vào đền. Một lần nữa, Deviji lại ngẩng mặt nhìn anh, mỉm cười hỏi:

- Anh tên là gì?
- Satyakam.
- Còn cô?
- Bhairavi. Anh từ đâu đến vậy?
- Tuyết Sơn.

Sau khi rời Tuyết Sơn xuống núi, Satyakam đã lang thang khắp xứ Ấn. Thân hình anh rắn chắc hơn trước nhưng đen sạm vì nắng gió. Khuôn mặt đầy vết nhăn, râu ria tua tủa. Tuy nhiên, cặp mắt vẫn tinh anh như thuở nào.

Satyakam lẳng lẳng quan sát ngôi đền Kali với những cột gỗ sơn son thếp vàng và các pho tượng bày trên những bệ thờ trang nghiêm. Từ khi xuống núi, anh đã thăm viếng nhiều ngôi đền đẹp đẽ như thế này. Anh đã gặp nhiều đạo sĩ tu hành trong những ngôi đền lộng lẫy nguy nga, nhưng thất vọng vì chẳng ai có thể giúp đỡ hay chỉ bảo anh thêm điều gì. Tôn giáo, đối với họ, chỉ là một hình thức sinh nhai, một nghề nghiệp xây dựng trên lòng sùng tín của tín đồ. Anh đã cố gắng tìm gặp các đạo sĩ nổi tiếng, nhưng đa số người anh gặp chỉ là những kẻ chuyên trích dẫn kinh điển hay thuyết giảng về một đề tài trừu tượng nào đó, chứ không hề có kinh nghiệm tâm linh. Phải chăng cô gái đang ngồi trước mặt anh đây cũng là một loại như vậy?

Bhairavi mỉm cười rồi nói một cách nhẹ nhàng:

- Không, em không như những người anh đã gặp. Satyakam bồi hồi. Hồ như Bhairavi có thể đọc được tư tưởng của anh, trong khi lẽ ra anh phải là

người đọc rõ tư tưởng của cô. Từ khi xuống núi, anh đã tiếp xúc với nhiều người, nhưng chẳng ai có thể đọc được tư tưởng của anh, còn anh lại có thể theo dõi tư tưởng của họ như đọc một cuốn sách. Anh đã đọc được các tư tưởng kiêu ngạo, tự cao tự đại của một số đạo sĩ nổi tiếng, mặc dù bên ngoài, họ vẫn tỏ ra khiêm tốn. Anh cũng ghi nhận được các tư tưởng tham lam của những người lãnh đạo tinh thần lúc nào cũng chỉ lo bòn rút của cải, vật chất của tín đồ. Tuy nhiên với Bhairavi, anh không ghi nhận được gì. Khả năng đọc rõ tư tưởng người khác của anh dường như bị cô vô hiệu hóa. Chẳng lẽ cô có thể đạt đến trình độ uyên thâm đến thế sao? Từ trước đến nay, anh chỉ thấy có một người, đó là sư phụ của anh - vị đạo sư già trên đỉnh Tuyết Sơn - đạt đến trình độ đó mà thôi. Nhiều lúc, anh đã để tâm theo dõi tư tưởng của sư phụ nhưng không ghi nhận được một tư tưởng gì phát xuất từ ông cả. Anh tự hỏi liệu con người có thể sống mà tuyệt nhiên không có một tư tưởng nảy sinh không? Như đọc được suy nghĩ của Satyakam, Bhairavi mỉm cười thích thú đáp:

- Có chứ, nếu họ hoàn toàn làm chủ được thân, khẩu và ý.

Satyakam lại thấy bối rối. Anh biết công phu chủ trị tư tưởng của mình chưa được như thế. Dù khổ công tập luyện, nhưng anh vẫn chưa làm chủ được ý thức, nên nhiều lúc tư tưởng anh chạy lung tung như con ngựa bất kham. Một người có khả năng đọc được tư tưởng của người khác sẽ dễ dàng ghi nhận ngay sự xáo trộn này. Anh nhìn cô gái trước mặt với vẻ thán phục, không phải vì cô có thể đọc được tư tưởng của anh mà vì anh không thể đọc được tư tưởng của cô. Phải chăng cô đã hoàn toàn làm chủ được tư tưởng của mình, không để nó dấy lên cho người khác ghi nhận? Không lẽ một cô gái còn trẻ như thế mà đã đạt đến trình độ cao siêu như vậy sao? Dĩ nhiên, anh biết tuổi tác không có ý nghĩa gì so với những người đã khổ công tu luyện nhiều đời, nhiều kiếp và có thể gìn giữ công phu qua các kiếp sống. Anh cố gắng tập trung tư tưởng để ghi nhận những rung động phát ra từ người đối diện nhưng bất thành. Hai người ngồi yên như đấm mình trong trạng thái thiền định, nhưng thật ra họ đang vận dụng công lực để theo dõi tư tưởng của nhau. Một lúc sau, Satyakam toát mồ hôi trán, trong khi Bhairavi vẫn thản nhiên. Cuối cùng, Satyakam đứng dậy cung kính chấp tay chào Bhairavi rồi bước ra khỏi ngôi đền Kali, cô cũng chấp tay đáp lễ. Cuộc thăm dò tư tưởng chấm dứt và Satyakam đã nhận thua. Anh vừa đi vừa nghĩ về những người có thể đọc rõ tư tưởng người khác và nhớ lại một câu chuyện xảy ra cách đó không lâu.

Lần đó, anh đi ngang đền thờ Brahma tại Calcutta. Đây là một ngôi đền đang xây dở, gạch ngói còn ngổn ngang khắp nơi, nhưng đã có rất đông tín đồ tụ họp để nghe một giáo sĩ thuyết giảng. Ông này hùng hồn lên tiếng kêu gọi mọi người cố gắng đóng góp vào công cuộc xây cất đền thờ và hứa sẽ chuyển lời cầu xin của họ đến Thượng đế để họ có được một đời sống tốt đẹp ở kiếp sau. Nhìn vị giáo sĩ hăng say diễn thuyết, Satyakam đọc rõ được tư tưởng tham lam trong lòng ông ta. Thật ra, ông ta không hề có ý muốn hoàn tất việc xây ngôi đền, vì có như vậy, ông mới có lý do kêu gọi lòng hảo tâm của tín đồ. Những người ngoan đạo không bao giờ để nơi thờ phụng Thượng đế của họ xây cất dang dở như thế. Họ sẽ dốc hết hầu bao đóng góp và giáo sĩ sẽ có một món tiền lớn bỏ túi. Ông chủ trương sẽ kéo dài thời hạn xây cất để trục lợi cho đến khi không thể kéo dài thêm nữa. Nhìn những tín đồ đang dốc túi đưa tiền cho giáo sĩ để đổi lấy những lời hứa hẹn hảo huyền, Satyakam cảm thấy bất bình. Bất chợt, anh thấy một ông lão râu tóc trắng xóa, chống gậy bước đến:

- Này anh bạn trẻ, tại sao anh lại khó chịu với những người mộ đạo chân thành kia?

- Tôi chỉ thương hại cho những người mù quáng nghe theo lời kêu gọi dối trá của tên giáo sĩ tham lam kia...

Ông lão mỉm cười xua tay:

- Nhưng anh không thấy rằng họ đang tiến gần Thượng đế hay sao?

Satyakam ngạc nhiên:

- Làm sao như thế được? Thượng đế nào nghe những lời cầu xin giữa những ồn ào náo nhiệt đó?

- Thế anh đã biết gì về Thượng đế?

Satyakam không đáp. Anh nghĩ mình chẳng cần phải trình bày quan điểm riêng với một người không quen biết, nhưng ông lão đã bật cười:

- Này anh bạn, liệu anh đã đến gần Thượng đế hơn những kẻ cầu nguyện luôn miệng kia không? Anh đừng tưởng công phu tu tập hàng trăm kiếp của anh đã hơn được đức tin của những người mộ đạo chân thành đó. Có thể họ vô tư không biết âm mưu của hấn, nhưng điều đó đâu liên quan đến lòng



thành và đức tin của họ. Anh nên biết niềm tin mãnh liệt là nguồn năng lượng rất lớn giúp họ đến gần Thượng đế. Nay anh bạn trẻ, những người này không hề biết thiên định sâu xa, không hề biết phân tích chân lý tuyệt đối hay suy ngẫm về những triết lý trừu tượng. Con đường của họ là đức tin, và đó là năng lượng mạnh nhất. Hãy nhìn họ không hề ngập ngừng khi cầu nguyện. Hãy nhìn sự chân thành và tha thiết của họ, rồi anh sẽ nhận ra rằng họ đã tiến rất xa. Thâm tâm họ không hề bất an. Đầu óc họ không hề bị các vọng tưởng chi phối. Liệu anh có hơn được họ chăng?

Satyakam giật mình. Đây là lần đầu anh gặp một người có thể hiểu rõ tâm trạng dấn vật của anh.

Ông lão mỉm cười nói tiếp:

- Khi một người muốn biết mọi sự thì trước hết họ cần phải mở rộng lòng để quan sát và học hỏi chứ không phải để phê phán hay chỉ trích. Làm sao có thể biết thêm khi lòng còn đầy tự mãn?

Lời nói của ông lão làm Satyakam sực tỉnh. Anh vội vã cúi đầu cung kính chấp tay:

- Xin cảm ơn ngài đã chỉ dạy cho. Ông lão lắc đầu ngắt lời:

- Nay anh bạn, anh muốn học hỏi thêm thì hãy đến Kadambini, một làng nhỏ cách đây khoảng mười ngày đường, tìm đến một hang động nằm giữa khu nghĩa địa, anh sẽ gặp người có thể chỉ dẫn cho anh về những pháp tu mà anh đang cần.

Satyakam mừng rỡ định lên tiếng hỏi thêm, nhưng ông lão đã lắc đầu bỏ đi lẫn vào đám đông đang cầu nguyện ồn ào kia.

Khi Satyakam đến Kadambini, trời đã sụp tối. Theo lời ông lão, anh tìm đến cái hang nằm giữa khu nghĩa địa. Ở đó, có một đạo sĩ mình trần, quấn một cái khố nhỏ, đang ngồi xếp bằng trên một đống xương người. Vừa nghe tiếng chân đến gần, đạo sĩ đã quắc mắt lên nhìn Satyakam, hai con ngươi long lên dữ tợn:

- Nay kẻ không sợ chết kia, ngươi muốn gì?

Giọng nói chát chúa của đạo sĩ vang lên trong đêm khuya thanh vắng

khiến ai nghe cũng phải lạnh người, nhưng Satyakam thản nhiên:

- Tôi muốn được học hỏi thêm với ngài.

Đạo sĩ tròn mắt, ánh mắt như tóe lửa, khắp người tỏa ra một thứ ánh sáng lạ lùng hết lân tinh:

- Ai đã nói cho người biết về chốn này?

Satyakam từ tốn kể lại chuyện ông lão tóc bạc anh gặp tại Calcutta. Satyakam dứt lời, đạo sĩ nhếch miệng cười nhạt:

- Người biết ông lão đó là ai không?

Satyakam định trả lời không biết, nhưng ngay giây phút đó, dường như chợt có điều gì lóe lên. Anh đã hiểu. Anh buột miệng:

- Tôi... tôi nghĩ đó chính là... sư phụ tôi. Đạo sĩ dịu nét mặt, vẻ hung hãn biến mất:

- Khá lắm! Nếu người biết được như thế thì khá lắm đấy! Phải rồi, ông già đó chính là sư phụ của người và cũng chính là sư phụ của ta.

Satyakam giật mình kêu lớn:

- Như thế... như thế... phải chăng... Đạo sĩ gật đầu:

- Phải rồi. Ta chính là đại sư huynh của người đó. Ta tên là Kapalak. Từ trước đến nay, tuy chúng ta cùng học một sư phụ nhưng không đi cùng đường.

- Tại sao lại thế? Kapalak thản nhiên:

- Tại sao lại không? Ai bảo đường đến chân lý chỉ có một? Có hàng trăm hàng ngàn con đường cùng đưa đến một mục đích. Sư phụ biết rất nhiều con đường, và tùy theo căn cơ của học trò, mà ông chỉ dạy mỗi người một con đường thích hợp.

Satyakam vội vã cung kính chấp tay vái chào Kapalak:

- Như thế... như thế anh có biết sư phụ của chúng ta là ai chăng?

Kapalak lắc đầu:

- Đó là một bí mật. Ông không bao giờ nói về mình nên ta cũng không biết nhiều hơn người đâu. Tuy nhiên, điều đó đâu quan trọng. Trong thế giới không ngừng dịch chuyển này thì tên tuổi, danh sắc, địa vị có nghĩa lý gì kia chứ?

- Nhưng... nhưng không lẽ...

- Người đừng thắc mắc về lai lịch của sư phụ. Nếu ngài đã gửi người đến đây học với ta thì người hãy sẵn sàng đi. Phía sau ngọn đồi này có một dòng sông nhỏ, phụ lưu của sông Hằng linh thiêng. Người hãy ra đó tắm rửa sạch sẽ rồi chúng ta bắt đầu tu học.

Satyakam chấp tay cảm ơn nhưng trước khi quay đi, anh thắc mắc:

- Nay sư huynh, tại sao lúc mới gặp nhau, cặp mắt của anh rất dữ tợn và khắp mình tỏa ra một thứ ánh sáng lạ lùng như lân tinh vậy?

Kapalak cười lớn:

- Đó chỉ là xảo thuật dọa nạt những kẻ tò mò đến quấy nhiễu việc thanh tu của ta mà thôi. Tuy nhiên, ta không thấy người có phản ứng, điều này chứng tỏ định lực của người cũng thuộc loại khá đấy.

Sau khi chờ đợi Satyakam tắm rửa nghỉ ngơi một lúc, Kapalak bắt đầu:

- Điều ta chỉ dạy cho người cũng là điều mà sư phụ đã dạy cho ta cách đây khá lâu, do đó, ta không phải là sư phụ của người mà chỉ là một khí cụ trung gian của sư phụ mà thôi. Ta biết người là một hành giả Yoga thượng thừa nên mới dạy cho người pháp môn bí truyền này.

Trước hết, người cần biết trong pháp môn này, đức tin là yếu tố quan trọng nhất. Đức tin càng cao, kết quả càng tốt đẹp. Đức tin là căn bản của lòng can đảm, là điều cần thiết của kẻ đi trên đường này. Đây không phải là lối truyền dạy thông thường qua các kỹ thuật sách vở hồi chương, mà là thử thách để những kẻ đi trên đường này có thể nghiệm ra chân lý. Thứ nhất, người phải có khả năng tập trung cao độ, vì nếu không có samàdhi (định lực) kiên định thì không thể đi trọn con đường nguy hiểm này. Ta biết người đã từng học thiền trong nhiều năm và đã có định lực khá, nhưng người cũng cần

phải có một đức tin vững vàng, không thể lay chuyển.

Chúng ta sẽ bắt đầu với pháp môn Nada Yoga (Yoga về âm thanh). Người hãy xếp bằng, nhắm mắt tập trung tư tưởng vào những âm thanh mà ta chỉ dẫn. Ta biết sư phụ đã dạy người về nghệ thuật lắng nghe để theo dõi sự chuyển biến của tư tưởng, nhưng trong pháp môn Nada Yoga, người cần tập trung vào một âm thanh cho đến khi nó nhỏ dần, nhỏ dần và tan biến trong không gian. Điều quan trọng nhất là người phải làm sao bắt cho được âm thanh cuối cùng trước khi nó tan biến. Ta muốn người theo dõi bảy loại âm thanh căn bản: âm thanh của con đé, âm thanh của cái trống, âm thanh của mây, âm thanh của ốc biển, âm thanh của sáo trúc và âm thanh của chiếc khánh bạc.

Người hãy bắt đầu với tiếng đé kêu. Con đé có thể phát ra hai loại âm thanh, ngắn và dài, và người phải biết phân biệt thật rõ hai loại âm thanh này. Người hãy tập trung tư tưởng để theo dõi nó cho đến khi nắm bắt được âm thanh nhỏ nhất, là âm thanh cuối cùng trước khi tan biến trong không gian. Trong lúc theo dõi âm thanh, người sẽ phải định tâm vì âm thanh này được phát ra từ bên ngoài, ở một nơi chôn xa xăm nào đó, nhưng nếu người để cho tư tưởng náo loạn, âm thanh ấy sẽ biến mất ngay. Do đó, người phải chú tâm theo dõi từ khi nó phát ra cho đến khi nó tan biến, không được xao lãng. Nếu chú tâm theo dõi, người sẽ thấy nó không phải là một mà là một chuỗi âm thanh, âm này nối tiếp âm kia, như một hòn đá ném xuống hồ nước - nó sẽ tạo ra những vòng tròn lớn nhỏ lan rộng khắp mặt hồ. Cũng như thế, người phải quán sát âm thanh ngắn dài của con đé và theo dõi nó trong tâm thức của người. Nada hay âm thanh, thật ra chính là tinh hoa của vũ trụ vì nó tỏa lan khắp không gian như sóng biển.

Âm thanh có ba trạng thái là âm động, âm ba và vô thanh. Nếu chú ý lắng nghe, con người có thể nghe được âm động (âm rất nhỏ). Tuy nhiên, ít ai nghe được âm ba (sóng âm), và gần như không ai có thể bắt được thanh âm của vô thanh (âm thanh tuyệt đối). Đó chính là thử thách lớn cho người, vì người cần biết rằng bắt đầu từ cái tuyệt đối hay trạng thái vô thanh này mà các năng lượng chuyển hóa thành các âm ba rung động không ngừng trong không gian, từ đó dần khuếch đại lên thành các âm thanh khác nhau. Vũ trụ không hề trống rỗng, mà là sự rung động không ngừng của các sóng âm, và chính các sóng âm hay năng lượng sẽ chuyển biến và biểu hiện thành các hiện tượng vật chất như các hiện tượng trong thiên nhiên. Người hãy nhắm mắt lại, tập trung tư tưởng vào âm thanh, rồi theo dõi nó đi ngược không

gian, trở về với âm thanh nguyên thủy tuyệt đối kia. Người phải hết sức chú tâm không được gián đoạn, theo dõi từng trạng thái biến chuyển của sóng âm, từ những âm rất nhỏ đến âm ba rung động, và đạt đến âm thanh tuyệt đối kia. Chúng ta hãy bắt đầu và ta muốn xem người có thể nghe được tiếng đé hay không!

Satyakam vội điều tâm tập trung tư tưởng để lắng nghe. Mặc dù khả năng nghe của anh đã tiến bộ nhờ công phu tu tập trên đỉnh Tuyết Sơn, nhưng anh chẳng nghe được tiếng động nào khác thường. Kapalak cười lớn, tiếp lời:

- Người thấy chưa, khi mong cầu nghe được một thứ gì thì người sẽ không thể nghe được, vì chính mong muốn đó đã phá tan công phu lắng nghe của người rồi. Hãy tĩnh tâm, không ước muốn hay mong cầu mà cứ để tự nhiên, vì lúc nào âm thanh này cũng âm vang trong vũ trụ. Người cứ nghe một cách tự nhiên, rồi sẽ hiểu...

Satyakam liền điều chỉnh hơi thở, làm theo lời chỉ dẫn của Kapalak, và lạ lùng thay, anh bắt ngay được một rung động sâu xa từ đâu đó phát ra. Đó chính là tiếng kêu của một con đé, âm thanh ngắn dài rõ rệt. Gương mặt anh dần trở nên thư thái. Anh mỉm cười tập trung tư tưởng vào âm thanh đó. Âm thanh nhỏ dần, nhỏ dần và cuối cùng chỉ còn là những rung động vi tế vọng giữa không gian...

Kapalak im lặng nhìn Satyakam một lúc rồi đứng dậy bước ra khỏi hang.

Đã mấy tháng trôi qua, Satyakam chuyên tâm thực hành Nada Yoga dưới sự chỉ dẫn của Kapalak. Mỗi sáng, anh đều ra sông Hằng tắm rửa và thực hành các nghi thức thường nhật như trên Tuyết Sơn, sau đó ăn nhẹ, thường là vài thứ trái cây mà Kapalak mang đến cho. Nhờ khổ công tu tập cả ngày lẫn đêm, nên chỉ sau một thời gian ngắn, anh đã theo dõi được tất cả những âm thanh căn bản từ lúc chúng khởi phát cho đến khi tan hòa vào không gian.

Một hôm, trong lúc tu tập, anh bỗng nghe thấy một âm thanh kỳ lạ ở đâu vang đến. Thanh âm đó không giống như các âm thanh căn bản kia, nó biến chuyển lúc to lúc nhỏ, lúc nhặt lúc khoan. Anh chợt ý thức được sự hiện diện của một năng lượng lạ lùng gần đó. Đây cũng là lúc Bhairavi đến tu trong ngôi đền Kali.

- Này Kapalak, hôm nay em nghe được một âm thanh lạ, không giống

như những âm thanh mà anh diễn tả - một âm thanh nghe như tiếng chuông ngân...

- Ta biết. Đó là một rung động thanh cao của một hành giả Yoga đang ở gần đây.

- Một hành giả Yoga như chúng ta?

- Phải, một hành giả Yoga thượng thừa hiện trú ngụ tại ngôi đền Kali cách đây không xa.

- Anh biết đó là ai không?

Kapalak chăm chú nhìn Satyakam rồi thông thả đáp:

- Đó là một thiếu nữ... Thôi, người hãy tập trung tư tưởng vào Nada Yoga đi.

Vài hôm sau, Satyakam lại đến hỏi Kapalak:

- Em nghe văng vẳng một âm thanh rất kỳ lạ, nghe như tiếng đàn, và nó xuất phát từ hành giả Yoga đó.

Kapalak lạnh lùng:

- Lỗi tai của người khá lắm rồi đó, nhưng người đến đây để theo dõi những âm thanh mà ta muốn người nắm bắt, chứ không đón chờ những âm thanh khác. Nếu người không thể tập trung thì làm sao ta có thể giúp người tiếp tục các công phu mà người muốn học?

Vài hôm sau, Satyakam lại đến gặp Kapalak và nói:

- Sư huynh, âm thanh này rất mạnh và có một sức cuốn hút kỳ lạ, chắc hẳn định lực của người đó phải cao cường lắm. Em muốn gặp người đó.

Kapalak tỏ vẻ khó chịu:

- Nếu muốn, người cứ việc đi.

Sau khi Satyakam trở về, Kapalak hỏi:

- Người đã thỏa trí tò mò rồi chứ?

Satyakam thuật lại câu chuyện. Anh khâm phục cô gái còn trẻ mà đã đạt đến trình độ thiền định thâm sâu như vậy. Kapalak yên lặng trong lúc Satyakam kể chuyện. Sau cùng, ông lên tiếng:

- Thôi đủ rồi, hôm nay người ngủ sớm đi, không phải tu tập nữa. Ta chắc người muốn trở lại gặp cô gái đó vào ngày mai.

- Đúng thế. Em có ý định hỏi thêm người đó đôi điều về công phu thiền định. Thật ít ai có thể ngồi thiền lâu như vậy, trừ... sư phụ.

Kapalak nở nụ cười bí ẩn, rồi nói giọng dửng dưng:

- Vậy sao? Nếu vậy thì người đến mà học với cô ấy.

Hôm sau, Satyakam đi đến đền Kali. Khi trở về, anh vui vẻ nói ngay:

- Tên cô gái đó là Bhairavi, và cô ấy có khả năng đọc được tư tưởng của người khác.

- Thế sao?

- Quả là một hành giả Yoga thượng thừa. Cô ấy có thể theo dõi tư tưởng của em như mở một cuốn sách, nhưng em không thể đọc được tư tưởng của cô ấy. Công phu chủ trị tư tưởng của cô ấy quả tuyệt vời.

Kapalak nhếch môi cười nhạt:

- Chắc không thua sư phụ là bao chứ gì?

- Đúng thế. Em đã tập trung tư tưởng nhưng không ghi nhận được. Thật ít ai có định lực cao như vậy... trừ sư phụ.

Kapalak rót một tách nước trà, từ tốn nhấp một ngụm. Ông kín đáo quan sát vẻ hoan hỉ của Satyakam khi anh hăng say nói về thiếu nữ kia. Ông biết rõ việc tu tập Nada Yoga của Satyakam với ông đã đến hồi kết rồi. Satyakam vươn vai ngáp dài, lơ đãng nhìn đống lửa bập bùng trước mặt. Trong tâm anh đang nảy ra nhiều ý nghĩ kỳ lạ.

Từ đó, Satyakam đến thăm Bhairavi thường xuyên và việc này đã gây sự

chú ý của các tín đồ và cả những người trông coi ngôi đền. Người ta bắt đầu bàn tán. Có người cho rằng việc hai đạo sĩ nam nữ gặp nhau như thế là sai quấy, mặc dù giáo lý Ấn giáo không hề ngăn cấm. Tuy nhiên, chỉ sau một thời gian ngắn, ngay cả những người đa nghi nhất cũng không tìm thấy điều gì trái với lẽ thường. Bhairavi vẫn đắm mình trong trạng thái thiền định, còn Satyakam ngồi gần đó tọa thiền. Họ rất ít nói, chỉ dành thời giờ tu tập. Điều kỳ lạ là từ khi Satyakam đến đây, rau trái trong vùng được mùa liên tiếp, nhiều hơn những năm trước đó nữa. Từ xưa, phong tục xứ Ấn cho rằng chỉ cần có một đạo sĩ đức hạnh đến tu tập trong làng là đã đủ ban ân phước cho cả làng rồi. Nay, làng Kadambini lại có đến hai đạo sĩ thì hiển nhiên mọi việc phải tốt đẹp gấp đôi.

Sau mùa gặt, dân làng thường tổ chức lễ hội mừng được mùa rất lớn. Năm đó, lễ mừng được cử hành long trọng hơn bao giờ hết với các kiệu hoa và các đám rước cờ quạt lộng lẫy. Satyakam và Bhairavi được mời ngồi lên một chiếc kiệu hoa rước đi khắp vùng để ban phước cho dân làng. Thông thường, sau lễ được mùa là mùa cưới. Các đôi nam nữ thường làm lễ đính ước vào ngày hội được mùa và tổ chức đám cưới vào tháng sau. Đối với nhà nông, đây là thời gian vui nhất trong năm vì lúa đã gặt xong mà chưa đến mùa gieo mạ, nên họ có thời gian nhàn rỗi, thường tổ chức hội hè vui chơi thỏa thích. Một lần nữa, Satyakam và Bhairavi được mời ngồi lên hai chiếc ngai kết hoa lộng lẫy tượng trưng cho ngôi vị của thần Shiva và Durga - hai vị nam nữ thần tượng trưng cho đời sống lứa đôi.

Satyakam đã quen Bhairavi được gần một năm. Càng ngày, anh càng dành nhiều thời gian ở đền Kali hơn là tu học với Kapalak. Một sáng nọ, Kapalak vừa bước ra khỏi hang đã thấy Satyakam đang đứng đợi trước cửa.

- Thưa... sư huynh... Em có việc muốn nói...

Nhìn khuôn mặt đầy nét lo âu của Satyakam, Kapalak cảm thấy thương hại. Ông biết rõ những việc đang xảy ra nhưng vẫn ra vẻ thản nhiên:

- Thế nào? Việc tu tập của ngươi với Bhairavi có tiến triển gì không?

Satyakam ngập ngừng:

- Thưa... thưa... cũng được. Kapalak mỉm cười:

- Tốt lắm! Mỗi người nên tự chọn cho mình một con đường thích hợp và



chuyên tâm vào đó để tu hành. Nếu người thích tu thiền thì Bhairavi có thể giúp người rất nhiều. Cô ấy là một hành giả Yoga thượng thừa.

Satyakam ngập ngừng:

- Nhưng... nhưng điều em muốn nói không phải như vậy. Kapalak biết trước điều Satyakam muốn nói nhưng vẫn hỏi:

- Tại sao vậy? Phải chăng người đã chán thiền định và muốn quay về tu tập Nada Yoga hay sao?

- Thưa, không. Em đang khổ tâm về một việc... Kapalak lạnh lùng:

- Việc gì nữa đây? Người không thoải mái với con đường đã chọn hay sao? Phải chăng Bhairavi không phải là người mà người muốn tìm?

Satyakam lúng túng một lúc rồi lắp bắp trả lời:

- Không... Không phải vậy. Bhairavi là người tốt... có thể giúp em nhiều, nhưng em không biết phải đối xử với Bhairavi như thế nào... Em là một thanh niên và Bhairavi là một thiếu nữ... Ôi, sao khó nói quá...

Kapalak ngắt lời:

- Phải chăng người có cảm tình với Bhairavi? Satyakam cúi gằm mặt không đáp. Anh biết rõ tình cảm của mình dành cho Bhairavi mỗi ngày một sâu đậm nhưng không biết phải làm gì. Tâm trạng của anh lúc đó đầy hoang mang, bối rối, không khác tâm trạng lúc từ giã vị đạo sư già trên đỉnh Tuyết Sơn là mấy. Kapalak im lặng nhìn Satyakam một lúc rồi thong thả nói:

- Nay Satyakam, người đã được gửi đến đây với mục đích rõ rệt. Việc người thụ giáo Nada Yoga với ta chỉ là một cái cớ thôi. Dĩ nhiên, điều người học hỏi được cũng không phải vô ích, nhưng lý do chính của người đến đây là để hiểu biết sự liên hệ giữa người nam và người nữ, không phải những điều như người đời thường nghĩ, mà là một trạng thái siêu việt với những ẩn nghĩa cao thâm. Như người biết, ta là một hành giả Yoga Mật tông (Tantra), nghĩa là con đường sử dụng tất cả các phương tiện thiện xảo, vượt qua mọi đối đãi nhị nguyên như sắc-không, tả-hữu, âm-dương, nam-nữ, thiện-ác, chân-giả để đạt đến mục đích tối hậu của đường đạo.

Satyakam ngập ngừng:

- Em biết đó là con đường của anh, nhưng chúng ta không đi cùng một con đường, vì em đã chọn con đường tinh thần, nghĩa là phải cắt đứt mọi tình cảm.

Kapalak nghiêm nghị lắc đầu:

- Nói như thế là người chưa hiểu rồi. Ai bảo người người đi theo con đường tinh thần phải đè nén mọi tình cảm? Con người là sinh vật hữu tình, nghĩa là có tình cảm, chứ đâu phải trở như gỗ đá. Phương pháp nào chủ trương con người phải trở thành một thứ vô cảm vô tri? Phải chăng đi theo con đường tinh thần thì con người sẽ không còn là người nữa hay sao? Người đã học hỏi với sư phụ bao năm mà dám hàm hồ như vậy à? Thảo nào tu mãi mà người chẳng tiến bộ chút nào. Tâm người đầy những bất an, vọng động chỉ vì quá chú trọng đến việc đè nén cảm xúc mà không hiểu rằng tâm và thân đâu phải là hai thực thể tách biệt. Thân đã động thì làm sao tâm có thể an?

Satyakam bàng hoàng. Lời nói của Kapalak như một tiếng sét khiến anh choáng váng, không biết phải nói gì. Kapalak thông thả tiếp:

- Tình cảm là năng lượng rất mạnh, không thể đè nén được. Người càng cố gắng đè nén bao nhiêu, nó càng trở dậy mạnh mẽ bấy nhiêu, để rồi tâm người càng ngày càng phiền não thêm chứ có ích chi.

Satyakam lắp bắp:

- Như vậy... như vậy em phải làm sao? Kapalak giải thích:

- Người phải hiểu rõ vai trò của các năng lượng này thì mới chuyển hóa được chúng. Hiện nay, người đang bối rối về việc tình cảm nam nữ nên ta muốn đề cập đến vấn đề này trước.

Theo giáo lý mật truyền, người nam có bốn yếu tố dương và ba yếu tố âm trong cơ thể, còn người nữ có bốn yếu tố âm và ba yếu tố dương. Sự chênh lệch âm dương này tạo ra sự khác biệt nam nữ. Sự khác biệt này chính là yếu tố bí mật của sự sáng tạo, do đó, theo luật tự nhiên, người nam thường bị thu hút bởi người nữ và người nữ cũng đi tìm người nam với mục đích để bổ túc sự bất toàn, hầu đạt đến trạng thái tròn vẹn hay sự hợp nhất. Khi thấu

hiểu, người sẽ không thấy nguyên lý nam nữ là vấn đề nữa, mà chỉ là một sự việc hết sức tự nhiên. Do đó, người đi trên đường đạo, dù lựa chọn pháp môn nào, vẫn có sự thiếu sót cho đến khi họ thực sự hiểu được định luật âm dương này. Quan hệ nam nữ một cách đúng đắn không phải sự liên hệ xác thật qua các cảm xúc, mà là sự bỏ túc các yếu tố bất toàn của cả hai, hầu đạt đến trạng thái tận thiện.

Satyakam rụt rè:

- Nhưng... phải chăng sự thu hút là một cảm dỗ... Kapalak ngắt lời:

- Không phải thế! Cảm dỗ chỉ là một biểu hiện khác của sự sợ hãi mà thôi. Khi người thực sự ngộ ra tính chất thiêng liêng ẩn tàng trong mọi vật, người sẽ không nhìn quan hệ nam nữ theo cách thông thường, mà là một sự chuyển hóa có ý nghĩa cao cả hơn thế nhiều. Mỗi quan hệ khi ấy không còn mang nghĩa quan hệ nam nữ đơn thuần, mà là sự bỏ túc giữa các nguyên lý âm và dương.

Satyakam ngập ngừng hỏi:

- Biết thế mà tại sao anh không lập gia đình? Kapalak ngồi thẳng người lên, đồng dục:

- Khi một người đã tường minh về các nguyên lý âm dương, đã vượt qua các ảo vọng của vô minh để chiến thắng bản ngã, sẽ biết rằng con người có thể tìm được sự hoàn mãn nơi mình - không phải qua lý thuyết mà là trải nghiệm bằng công phu tu tập. Khi đó, họ không cần tìm kiếm một điều viên vông, xa vời ở bên ngoài mà biết rằng sự hoàn hảo, tận thiện vốn sẵn có ở bên trong. Thay vì phải trải nghiệm sự hợp nhất qua một khí cụ trung gian thì họ sử dụng các năng lượng nội tại để chuyển hóa các nguyên lý âm dương bên trong để đạt đến sự hoàn hảo nơi mình. Khi đã hiểu biết sâu xa về thế giới nội tại, ngoại giới chẳng qua chỉ là sự phản chiếu của nó mà thôi. Khi đã biết rõ cái thật và cái không thật, thì mọi danh từ như cảm dỗ, thu hút, hấp dẫn... đều trở nên vô nghĩa. Do vậy, sự hiện hữu hay không của người khác phái không còn cần thiết nữa.

Satyakam im lặng một lúc như để suy ngẫm, rồi lên tiếng:

- Nhưng... nhưng nếu họ có thể vượt qua mọi vướng mắc nhờ đã tự biết mình, hiểu rõ chân bản thể của mình mà không cần đến sự trung gian của ai

khác thì tại sao em không đi theo con đường đó được?

Kapalak mỉm cười:

- Chúng ta có những nghiệp quả khác nhau nên đường đi của chúng ta không thể giống nhau. Hãy đi theo con đường của mình, đừng nên bắt chước người khác. Có thể trong một tiền kiếp, ta cũng có những duyên nghiệp, ràng buộc giống như người hiện nay vậy, nhưng vì ta đã học trọn vẹn bài học đó rồi nên nay không cần phải học lại.

Nói đoạn, Kapalak chăm chú nhìn Satyakam, rồi nhấn mạnh từng chữ:

- Nay Satyakam, có vay thì có trả. Gieo nhân thì gặt quả. Còn mong muốn ước ao thì còn ràng buộc. Đó là quy luật tự nhiên. Người đã có những ràng buộc từ trước nên bây giờ phải lo tháo gỡ. Nhưng, điều quan trọng là người phải tháo gỡ một cách khôn khéo để đừng gây thêm ràng buộc. Nếu không, người chẳng thể thoát ra khỏi áp lực của nghiệp đâu. Trải qua bao kiếp luân hồi, các mối liên hệ chẳng chịt rất khó tháo gỡ; do đó người phải ý thức rõ về sự liên hệ và hậu quả của các hành động người làm. Người phải ý thức về tư tưởng, hành động, lời nói của mình và hiểu rõ sức mạnh của nghiệp lực. Người rất may mắn vì Bhairavi và người đều là những hành giả Yoga thượng thừa, có thể đủ sức vượt qua các ràng buộc và thử thách này. Nay Satyakam, người cần hiểu rằng tâm trạng bất an, dằn vặt đã khuấy phá nội tâm của người, đã khiến người phải bỏ việc tu học với sư phụ để xuống núi. Đó không phải là cảm dỗ, sự sa ngã, sự thoái bộ của tâm linh, mà chỉ là những lôi kéo của nghiệp lực đó thôi. Đến một lúc, người sẽ thấy rõ tất cả đều là những bài học, những kinh nghiệm cần học hỏi để có thể thấu rõ bí mật của vũ trụ. Việc hiểu được bí mật này sẽ giải phóng người ra khỏi vòng kềm tỏa của nghiệp lực và đưa người đến sự hợp nhất với chân ngã.

Satyakam cảm động, cúi rạp mình cảm ơn Kapalak, nhưng Kapalak đã đứng dậy quay mình bước vào hang đá. Satyakam ngỡ ngác không hiểu tại sao, vội đứng dậy toan bước theo. Kapalak quay lại nói nhỏ:

- Cuối tuần này là đêm ba mươi. Người hãy đến đây, ta sẽ chỉ cho người một pháp tu bí mật như một món quà nhỏ tặng người.

Satyakam vội quỳ mọp xuống đất, chắp hai tay cung kính:

- Cảm ơn sư huynh! Cảm ơn sư huynh.

Đêm ba mươi, trời tối đen như mực. Satyakam đứng chờ Kapalak bên bờ sông Hằng. Gió lồng lộng thổi. Từ hôm nói chuyện với Kapalak, anh cảm thấy nhẹ nhõm như vừa trút được gánh nặng. Anh ý thức được các ràng buộc của nghiệp và sẵn sàng chấp nhận những gì phải đến.

Có tiếng chân bước nhẹ. Là Kapalak. Ông nói khẽ:

- Ta sẽ chỉ dẫn ngươi phương pháp không sợ hãi của Mật tông. Chỉ một lúc nữa sẽ có một xác chết trôi qua đây. Ngươi hãy lội ra sông vớt cái xác đó mang lên bờ.

- Nhưng... sao anh biết trước sẽ có cái xác trôi sông? Kapalak lắc đầu:

- Bây giờ không phải là lúc ngươi chắt vẩn ta, mà hãy tuyệt đối làm đúng lời ta dặn.

Satyakam thấy bồn chồn về thử thách kỳ lạ này. Anh đứng yên nhìn mặt nước đen ngòm trước mặt, tự nhiên có cảm giác rờn rợn. Chợt Kapalak chỉ ra dòng nước, nói:

- Nó đến kia.

Satyakam vốn can đảm, ít khi sợ hãi điều gì, nên khi Kapalak nói là muốn dạy cho anh phương pháp không sợ hãi, anh không coi trọng nó cho lắm. Tuy nhiên, việc lội ra dòng nước đen ngòm để vớt một cái xác trôi sông vẫn khiến anh ngần ngại. Kapalak phải giục đến lần thứ hai, anh mới phóng mình xuống sông. Nước không sâu lắm, chỉ ngang ngực, nhưng vì chân dẫm xuống bùn, không đi nhanh được, nên phải mất một lúc anh mới đến bên xác chết. Anh quơ tay về phía trước ôm lấy cái xác đang nổi lênh bênh. Chưa lúc nào anh cảm thấy hồi hộp đến vậy. Lồng ngực căng tức. Hơi thở hỗn hển. Vừa khó chịu, vừa buồn nôn. Sau khi kéo cái xác lên bờ, anh đứng thở dốc. Tuy không mệt lắm nhưng đầu óc anh căng thẳng hơn bao giờ hết.

Kapalak ra lệnh cho Satyakam kéo cái xác vào một hốc đá gần đó. Trong hốc đá đã để sẵn một ngọn đèn dầu nhỏ, một bát cơm và một bình nước. Satyakam vừa làm vừa thở dốc, trong khi Kapalak vẫn thản nhiên như không.

- Đây Satyakam, bây giờ ta sẽ làm cho cái xác này sống dậy. Ngươi phải cố gắng giữ bình tĩnh, làm chủ tâm mình và tuyệt đối không được sợ hãi.

Người hãy ngồi xếp bằng trên cái xác và niệm câu thần chú mà ta sẽ truyền cho người. Khi nào cái xác mở miệng ra, người hãy đổ ít cơm và nước vào miệng nó. Tiếp đó, nó sẽ cố gắng nói chuyện với người. Người có thể trả lời nó hay hỏi nó bất cứ điều gì người muốn, nhưng việc quan trọng nhất là phải giữ tâm thật bình thản, không sợ hãi. Người phải nhớ rõ sức mạnh điều khiển tất cả mọi sự việc này đều có sẵn trong người và nó sẽ giúp người vượt qua thử thách. Nếu người không đủ đức tin, có thể người sẽ gặp nhiều nguy hiểm đấy. Như ta đã nói, đức tin là một yếu tố quan trọng. Nếu người thất bại, đừng trách ta, mà hãy tự trách người chưa đủ công lực để đi vào con đường tối mật này.

Satyakam lập tức điều tâm. Anh biết đây là một thử thách lớn nên chăm chú theo dõi lời chỉ dạy của Kapalak. Ông đi vòng quanh xác chết, tay bắt ấn quyết, miệng lầm rầm những câu thần chú. Trông ông thản nhiên như người đang đi vãn cảnh. Satyakam biết đây không phải giấc mơ, mà là một trải nghiệm thực. Sau khi đi quanh xác chết bảy vòng, Kapalak thông thả đến bên cạnh Satyakam nói nhỏ vào tai anh câu thần chú ba lần. Câu thần chú quả có công dụng kỳ diệu, vì anh cảm thấy toàn thân chấn động như vừa bị sét đánh trúng. Anh chấp tay, bắt đầu niệm câu chú. Lạ thay, chỉ thoáng giây, cả cơ thể anh đã rung lên như bị một dòng điện truyền vào. Kapalak mỉm cười đưa ngón tay điểm giữa trán Satyakam rồi bước đi. Thân hình ông từ từ chìm lặn vào bóng đêm.

Satyakam ngồi yên, chú tâm vào câu thần chú. Khoảng tàn một nén hương, anh cảm thấy cái xác bắt đầu chuyển động dưới thân mình. Lúc đầu, anh cố gắng điều tâm để không để ý đến nó, nhưng càng lúc nó càng lắc lư mạnh hơn. Hồ như nó muốn hất anh xuống đất. Bất chợt, có tiếng hú ghê rợn từ đâu đó vang lên khiến Satyakam giật nảy mình, mở choàng mắt ra. Trước mặt anh là đám ma quỷ ghê rợn, con nào con nấy đang nhe nanh múa vuốt như muốn ăn tươi nuốt sống anh. Satyakam cố gắng tập trung tư tưởng, nhưng hơi thở anh đã trở nên dồn dập, mồ hôi khắp mình túa ra như tắm. Cái xác vẫn tiếp tục cựa quậy và lũ ma quỷ vây quanh anh càng lúc càng đông. Chúng vừa gào thét, vừa sờ soạn thân thể anh. Chưa bao giờ anh cảm thấy lúng túng như vậy. Satyakam cố gắng điều hòa hơi thở và tập trung tư tưởng vào câu thần chú. Có lẽ nhờ oai lực của câu chú mà khắp mình anh tỏa ra một thứ ánh sáng kỳ lạ khiến lũ ma quỷ không làm hại anh được. Đây là lần đầu tiên trong đời Satyakam cảm thấy không biết phải đối phó như thế nào. Liệu câu thần chú có đủ hiệu lực giúp anh chống lại lũ ma quái kia chăng? Đó là chưa kể cái xác nằm bên dưới càng lúc càng cựa mạnh hơn. Satyakam

cố gắng giữ cho tâm bình thản, nhưng lòng anh đã ít nhiều nao núng.

Đúng vào lúc anh cảm thấy không còn tự chủ được nữa thì có tiếng Kapalak ở đầu vọng đến: “Hãy nhớ rằng tất cả hiện tượng đang xảy đến đều do sức mạnh của tâm mà ra. Nếu người không kiểm chế được tâm mình, thì người sẽ là nạn nhân của chính người đấy”. Satyakam bưng tỉnh. Anh vội vã điều tâm, bắt chấp những tiếng hú ghê rợn chung quanh. Hơi thở anh đều hơn. Một lúc sau, tiếng động nhỏ dần, rồi từ từ biến mất. Satyakam yên lặng chú tâm vào câu thần chú. Một lúc sau, anh cảm thấy cái xác bên dưới bắt đầu ú ớ. Anh liền làm theo lời dặn của Kapalak, đổ ít cơm và nước vào miệng xác chết. Cái xác từ từ nhúc nhích, miệng nó mấp má như muốn nói gì. Satyakam lên tiếng hỏi:

- Người là ai?

Xác chết thều thào:

- Hãy... thả... tôi... ra...

- Nhưng người là ai?

- Hãy tha... tôi...

Satyakam hơi ngạc nhiên, anh tập trung tư tưởng vào câu thần chú. Tâm anh dần trở nên tĩnh lặng, và rồi bất chợt, anh ý thức được những hình ảnh ma quái ban nãy cũng như cái xác nằm bên dưới chỉ là những sản phẩm của tâm thức, những khí cụ mà một người đã làm chủ được nội tâm như anh có thể sử dụng khi cần. Khi tâm thức được tập trung cao độ dưới công năng của những mật chú màu nhiệm, nó sẽ tạo ra sức mạnh có thể điều khiển được mọi vật. Tuy nhiên, ngay lúc đó trong tâm Satyakam bỗng nhiên nảy sinh lòng thương vô hạn khiến anh phải bật lên câu hỏi:

- Hãy cho ta biết người là ai. Cái xác thều thào:

- Là một ảo ảnh.

Satyakam gật đầu như đã hiểu. Anh yên lặng, không muốn hỏi thêm câu nào nữa vì đã có câu trả lời. Anh tập trung tư tưởng vào câu chú, bởi anh đã biết rằng sức mạnh mà anh hiện đang sở hữu có thể sử dụng tùy ý vào bất cứ mục đích nào; nhưng đồng thời, anh cũng ý thức rằng vạn vật trong vũ trụ

đều bị chi phối bởi các quy luật tự nhiên bất đi bất dịch. Anh hiểu rõ lời khuyên của Kapalak về sự ràng buộc của nghiệp lực nên không muốn tạo thêm sự ràng buộc nữa. Tự nhiên tâm anh trở nên tĩnh tại, thoải mái hơn lúc nào hết. Anh mỉm cười...

Khi Satyakam mở mắt ra, vầng đông đã hé rạng cuối chân trời. Kapalak đang đứng trước mặt anh, nét mặt rạng rỡ:

- Khá lắm! Khá lắm! Bây giờ chúng ta hãy đem cái xác này thả xuống sông.

Cả hai mang cái xác xuống dòng sông, nhưng lần này họ làm một cách cẩn thận, ý thức. Họ đứng yên trên bờ sông, nhìn cái xác từ từ trôi đi như vừa mất đi một cái gì thân yêu nhất. Kapalak thân mật vỗ vai Satyakam:

- Hãy tắm rửa sạch sẽ rồi đến động đá của ta.

Sau khi tắm rửa, Satyakam bước đến động đá của Kapalak. Ông vẫn ngồi yên trên đồng xương như khi anh gặp ông lần đầu. Song lần này, anh thấy khác hẳn, không còn hoang mang như trước. Tựa hồ anh vừa được hoàn toàn chuyển hóa. Satyakam bước khoan thai đến trước mặt Kapalak. Anh không còn muốn hỏi Kapalak điều chi nữa, bởi với anh, Kapalak ngày xưa oai nghiêm đường nào nay cũng chỉ là một con người bình thường mà thôi. Anh chợt nhớ đến vị đạo sĩ già trên đỉnh Tuyết Sơn. Chưa bao giờ anh thấy mình gần gũi sư phụ như vậy. Hình ảnh vị đạo sĩ hàng ngày thực hành các nghi thức thường nhật một cách chuyên cần bỗng dung xâm chiếm đầu óc, khiến anh cảm thấy ngây ngất. Kapalak mỉm cười:

- Nay Satyakam, ngươi đã vượt qua được một thử thách lớn. Không những thế, ngươi đã trở thành một hành giả Mật tông thượng thừa.

Satyakam ngạc nhiên:

- Em đã làm gì?

- Ngươi đã chiến thắng nỗi sợ hãi. Hiên nhiên, đó là một bước tiến đáng kể, nhưng điều đáng nói là ngươi đã giúp xác chết đó được giải thoát. Phần lớn các hành giả Mật tông, khi ý thức được quyền năng của mình, sẽ sử dụng nó như một công cụ. Cái xác đó sẽ trở thành công cụ cho họ sử dụng để đạt được mục đích riêng. Nó có thể đem lại tài sản, tiền bạc, danh vọng, báo ân,



trả oán, hại người này, cứu người kia... Quyền năng này vô cùng mạnh mẽ và ít ai có thể làm ngơ trước sức cảm dỗ của nó. Một hành giả Mật tông có thể sử dụng quyền năng này vào các mục đích tà muội, đi sâu vào hắc đạo, và rồi, sẽ phải gánh chịu hậu quả ghê gớm của nó. Ngay như người muốn làm việc thiện và sử dụng quyền năng này vào mục đích chữa bệnh, cứu người, người cũng khó lòng tránh được cảm dỗ của nó. Khi sử dụng quyền năng là đã bị nó cảm dỗ rồi. Dĩ nhiên lúc đầu, họ nghĩ mình làm việc tốt, chữa bệnh cứu người, thu tập tín đồ, khuyến khích họ làm việc lành, nhưng dần dần, họ dễ lạm dụng quyền năng ấy. Khi một người làm việc gì khác thường là bắt đầu vun bồi bản ngã của mình, mà bản ngã thì xảo quyết vô cùng, nó sẽ thúc đẩy người đó làm những điều mà họ không bao giờ ngờ đến, để rồi chỉ cần sai một ly là đi một dặm. Đó là sự nguy hiểm của pháp tu Mật tông.

Kapalak đưa mắt nhìn Satyakam rồi thông thả:

- Nay Satyakam, người đã sở hữu quyền năng ấy, nhưng trong tâm không hề mong muốn điều đó. Đã thế, người lại phát lòng thương khi nghe cái xác đó xin được thả ra. Chính cái tâm từ bi của người đã chuyển hóa quyền năng mạnh mẽ mà người sở hữu thành tình thương chân thành, vị tha. Mặc dù không ý thức về việc làm của mình, nhưng sức mạnh của tình thương đã giải phóng người chết, đem thần thức của họ về cõi trời thanh cao, và đồng thời cũng rửa sạch những ô uế tích lũy trong nghiệp của người. Hôm nay, người không chỉ đã vượt ra khỏi vòng kềm tỏa của các quyền năng hay bản ngã, mà còn phát triển một tình thương rộng lớn.

Satyakam thắc mắc:

- Nhưng em đã giải phóng người chết đó như thế nào vậy?

Kapalak mỉm cười, vừa khơi đồng lửa đang cháy bập bùng trước mặt vừa thông thả nói:

- Câu thần chú ta truyền cho người là một thần chú tối linh, tự nó chứa đựng cả một pháp môn vi diệu. Mỗi lần đọc lên, những rung động nó phát ra sẽ chiêu cảm được những sức mạnh rất lớn trong thiên nhiên. Khi cái xác đó xin người hãy thả nó ra, trong tâm người nảy sinh một tình thương muốn giúp đỡ nó. Hiển nhiên, với một cái tâm trong sạch, không mong cầu điều gì cho mình mà chỉ thiết tha muốn giúp người khác, sự chiêu cảm sẽ trở nên mãnh liệt, ứng đáp lời yêu cầu của cái xác. Nếu người chỉ là kẻ thực hành

Mật tông một cách máy móc, nghĩa là chỉ nhất nhất tuân theo những lời chỉ dạy, sẽ không bao giờ có thể làm được những việc phi thường như vậy. Sức mạnh màu nhiệm kia chỉ xảy ra khi nó được phóng ra bởi cái tâm trong sạch, không ô nhiễm; một cái tâm không tham lam, ích kỷ. Nói một cách khác, chỉ những người đã vượt ra khỏi sự chi phối của bản ngã mới có thể sử dụng được quyền năng này.

Satyakam ngờ vực:

- Không lẽ một câu thần chú lại có năng lực mạnh mẽ đến như vậy sao?

Kapalak gật đầu:

- Một pháp môn vi diệu chứa đựng muôn vàn ý nghĩa, có thể cô đọng thành những bài thần chú dài hay trong những câu chú tối linh (Seed Mantra). Chỉ một vài âm thanh mà chứa đựng tất cả sự màu nhiệm của vũ trụ.

Satyakam chấp tay cảm ơn Kapalak:

- Cảm ơn sư huynh đã giúp đỡ, chỉ dẫn. Kapalak lắc đầu:

- Người hãy cảm ơn sư phụ. Ta chỉ là kẻ thừa lệnh sư phụ để hướng dẫn người. Sư phụ biết nghiệp của người còn nặng, không thể chuyển hóa dễ dàng qua việc tu tập trên Tuyết Sơn nên mới gửi người đến đây học với ta. Như ta đã nói từ trước, có nhiều con đường dẫn đến chân lý, nhưng thật ra, mỗi con đường chỉ là những giai đoạn của một tiến trình mà thôi. Hiện nay, người còn một vài thử thách nữa vì vẫn còn những ràng buộc từ trước mà người phải gỡ bỏ. Ta tin rằng người có thể làm được.

- Phải chăng anh muốn nói đến Bhairavi?

- Đúng thế. Bây giờ là lúc người hãy đến tu tập trong đền Kali.

Khi Satyakam bước vào đền Kali, Bhairavi cũng vừa xả thiền. Cô mỉm cười khi nhìn thấy Satyakam:

- Hôm nay, trông anh khác trước.

Satyakam thuật lại những chuyện mình vừa trải qua. Bhairavi gật đầu:

- Sư mẫu của em cũng nói như thế.

- Sư mẫu của em là ai vậy?

- Mataji. Bà sống tại làng Vindhyan, gần Benares. Em tu học với bà nhiều năm rồi, nhưng vẫn gặp khó khăn trong lúc thiền tập.

- Em mà cũng gặp khó khăn ư? Bhairavi mỉm cười gật đầu:

- Đúng vậy. Em dễ chìm trong trạng thái mê hoặc xuất thần. Em có thể ngồi thiền rất lâu, ngày này qua ngày khác, nhưng chưa hoàn toàn tự chủ được. Sư mẫu của em nói rằng đó là do kiếp trước em thực hành các phép tu khổ hạnh nên tâm bị khô héo, nên thay vì hoàn toàn tự chủ thì nó bị tê liệt.

Satyakam giật mình:

- Có phải... có phải vì vậy mà ta chẳng thể đọc nổi tư tưởng của em không?

Bhairavi mỉm cười xác nhận:

- Chính là vậy đó. Công phu của em chưa đạt đến mức độ như anh nghĩ đâu. Vì bị tê liệt nên nó không phát ra tư tưởng, thế nên dù cho anh có thể đọc được tư tưởng của người khác, anh cũng sẽ không ghi nhận được tư tưởng của em. Đây là hậu quả của việc thực hành một pháp tu khổ hạnh, để cho đầu óc tê liệt ở kiếp trước, nên kiếp này em phải hóa giải. Ngoài ra, em còn những ràng buộc khác nữa...

Satyakam vội ngắt lời:

- Ràng buộc nào nữa? Bhairavi mỉm cười e lệ:

- Ràng buộc với anh.

- Phải chăng em đã biết ngay khi chúng ta gặp nhau lần đầu?

- Không hẳn thế. Nhưng sau đó em đã ý thức được liên hệ này.

Bhairavi tiếp tục:

- Sư mẫu nói rằng đã đến lúc em phải tự tìm hướng đi và chỉ em đến ngôi

đền Kali này. Thật ra, không bao giờ em muốn rời xa bà. Em sống trọn vẹn trong tình thương vô bờ của bà, nhưng bà bảo không ai có thể tiến bộ nếu chỉ tu tập trong khuôn viên đạo viện. Bà chủ trương một hành giả Yoga, sau một thời gian tu tập, cần có thêm những kinh nghiệm sống và có trải qua những kinh nghiệm này mới tiến bộ lên được. Bà nói cuộc đời là một trường học, nơi người ta học hỏi, trải nghiệm để tự biết mình. Sau một thời gian tu tập trong các tu viện, nhiều người nghĩ rằng họ đã biết rõ về bản thân, nhưng thật ra, họ chỉ là nạn nhân của bản ngã. Học lý thuyết mà thiếu thực hành là sự học thiên cận, do đó, một người đi trên đường đạo cần trải nghiệm, va chạm với thực tế, khổ đau. Nguyên nhân của đau khổ không phải tại hoàn cảnh, cũng không phải tại ai khác, mà chính là do nơi mình. Vì thiếu hiểu biết nên họ mới suy nghĩ và hành động như thế, để rồi phải nhận lãnh hậu quả từ việc làm ấy. Đó là luật nhân quả, chứ đâu có gì lạ. Bất cứ ai đi trên đường đạo cũng tỏ tường các định luật bất đi bất dịch trong vũ trụ như luân hồi, nhân quả, nhưng tại sao biết mà vẫn phạm? Phải chăng cái biết đó chỉ là cái biết thiên cận, biết trên sách vở mà thôi? Đó là lý do bà bảo em đến đây tu học với anh.

- Bà là người thế nào?

- Bà là một biển tình thương rộng lớn. Bà dạy đạo qua những câu nói tràn đầy tình thương. Có người nói bà là tượng trưng của thần Durga hay yếu tố của tình thương. Điều đáng tiếc là được học hỏi với người như thế mà sao tim em vẫn khô cứng, tâm tư em vẫn bất động, không cảm xúc. Em hy vọng anh sẽ giúp em tìm được cách thức phát triển tình thương này.

Satyakam chăm chú nhìn Bhairavi. Bỗng trong lòng anh nảy sinh một cảm giác yêu thương vô hạn. Anh gật đầu cương quyết:

- Được rồi, ta sẽ giúp em.

Hôm sau, Satyakam trở lại tìm gặp Kapalak hỏi:

- Nhờ quen Bhairavi, em hiểu được phần nào điều anh nói về sự liên hệ giữa người nam và người nữ để bổ túc các yếu tố bất toàn trên phương diện tinh thần hay tâm lý, nhưng em vẫn còn thắc mắc về sự phối hợp trên phương diện vật chất hay sinh lý. Xin anh giải thích cho.

Kapalak ôn tồn:

- Người chớ nên phân biệt tâm và thân như hai phần khác biệt có thể tách rời nhau, mà cần hiểu rằng tâm và thân là một. Định luật âm dương không phải là điều có thể lý luận hay giải thích bằng lời, mà là trải nghiệm tu tập quý báu, một phương tiện thiện xảo có thể giúp hành giả đạt đến sự hợp nhất. Theo Mật tông, trải nghiệm này không thể giải thích theo các quan niệm thông thường của luân lý, xã hội hoặc đạo đức, do đó pháp tu này được cất giữ rất kỹ, không truyền ra ngoài vì dễ bị hiểu lầm hoặc lạm dụng. Sẽ không thể hiểu được nó bằng lý thuyết, mà phải trải nghiệm nó bằng thực hành. Một người chưa kiểm soát được tâm hay thân, chưa làm chủ được tình cảm không thể quán triệt được nguyên lý này nên đã có những giải thích sai lầm hoặc ngộ nhận đáng tiếc. Người nên biết rằng đây là một nguyên lý về năng lượng và nhờ hiểu rõ về nó mà hành giả có thể kiểm soát, định hướng luồng hỏa hâu Kundalini - căn bản của pháp môn Kundalini Yoga. Sự thúc động luồng hỏa hâu này là một yếu tố quan trọng vì nó là dòng năng lượng chuyển hóa hết sức mạnh mẽ. Đối với người bình thường, nó nằm yên, không hoạt động và đây là điều may mắn vì một kẻ chưa hội đủ các đức tính cao thượng, chưa làm chủ được thân tâm, chưa được sự truyền dạy của một vị sư phụ có kinh nghiệm thì thà để yên như vậy còn hơn. Một khi khai mở hỏa hâu mà không đủ sức đối phó, hậu quả sẽ khó lường. Họ sẽ mắc bệnh điên loạn, các đốt xương đau đớn, khắp mình nóng ran như bị thiêu đốt rồi chết (tẩu hỏa nhập ma). Một số hành giả luyện hỏa hâu nhưng thiếu sự chỉ dạy của một sư phụ có kinh nghiệm, không đủ công lực để điều khiển luồng năng lượng này cũng gặp phải hậu quả rất khốc liệt. Thay vì hướng nó đi vào các kinh mạch cần thiết, họ để nó chạy loạn xạ khắp nơi; thay vì hướng lên trên, nó lại chạy ngược xuống dưới, khiến họ trở nên điên cuồng, phát triển các thú tính, có hành động đồi bại, xấu xa, thấp hèn. Do đó, người phải biết rằng đây là một phương pháp rất nguy hiểm cho những kẻ chưa đủ công lực, chưa trau dồi được phẩm hạnh đến mức thượng thừa.

Kapalak nói tiếp:

- Người cần biết rằng hỏa hâu Kundalini là nguồn khí lực sáng tạo. Khi biểu hiện ở mức độ thấp, nó là đục tính, có khuynh hướng quay ra bên ngoài (Pravriti), vì đi sai đường nên nó chỉ mang lại những đau khổ, lầm lạc cho đến khi người ta học được những gì cần phải học. Khi biểu hiện ở mức độ thượng thừa, thay vì hướng ra ngoài, nó hướng vào bên trong (Nivriti) và trở thành năng lượng chuyển hóa hết sức quan trọng.

- Xin sư huynh giải thích rõ hơn.

- Muốn hiểu rõ Kundalini Yoga, cần phải biết về luật tiến hóa của mọi vật trong sự tuần hoàn của vũ trụ. Người đã biết trong trời đất, tất cả đều thay đổi biến chuyển không ngừng. Để tiến hóa, con người cần có một động lực mạnh mẽ thúc đẩy họ hoạt động mà ta gọi là lòng đam mê. Đây là một yếu tố cần thiết vì thiếu yếu tố này, con người sẽ sống thụ động như cây cỏ, gỗ đá, chẳng có cảm giác và không thể tiến bộ. Nhờ đam mê mà con người hoạt động, thay đổi - đó chính là yếu tố dương, có tính cách hao tán và hướng ngoại. Để người hiểu rõ hơn, ta lấy một ví dụ cụ thể, chẳng hạn người mẹ dạy con tập đi. Bà mẹ không hề dạy đứa bé về các bắp thịt ở chân hoạt động ra sao, vì đứa nhỏ sẽ chẳng hiểu gì cả. Thay vì giải thích, một bà mẹ khôn ngoan sẽ đưa một món đồ chơi ra trước mặt con và nói: “Con đến lấy đồ chơi này!”. Đứa bé vì thích món đồ chơi sẽ cố gắng đứng dậy lấy đồ chơi và vô tình chập chững đi rồi sau dần dần biết đi.

Cũng như thế, Thượng đế đã đặt biết bao “đồ chơi” chung quanh con người để thúc đẩy chúng ta hoạt động và tiến bộ. Có thể ngài đã nói: “Này các con, các con hãy đến lấy những món đồ chơi này đi. Đây là tiền bạc, tài sản, danh vọng, địa vị, tình yêu...”. Cũng như một đứa bé ham đồ chơi, con người hăng hái đi tìm những “đồ chơi” hấp dẫn đó. Người cần biết, lúc đầu đam mê là điều cần thiết để thúc đẩy hoạt động vì mục đích của cuộc đời là bước đi bằng nỗ lực của chính mình chứ không phải ngồi chờ đợi những gì xảy đến. Tuy nhiên, vì thiếu hiểu biết nên đa số con người đã làm lạc, hoang tưởng phương tiện là cứu cánh, nghĩ rằng các món “đồ chơi” đó là mục đích của cuộc đời và mãi tìm kiếm, nắm bắt. Dĩ nhiên họ sẽ thất vọng vì cái họ muốn luôn ở ngoài tầm tay. Hễ đạt được cái này thì lòng ham muốn lại thúc giục họ đi tìm kiếm thêm cái khác nữa và cứ thế, họ tìm mãi mà chẳng bao giờ toại nguyện. Dần dần họ sẽ học được bài học về sự đau khổ, thất vọng; vì sự đau khổ là một kinh nghiệm quan trọng giúp họ ý thức rõ mục đích của cuộc đời.

Kapalak im lặng nhìn Satyakam rồi nhấn mạnh:

- Đa số nhân loại vì thiếu hiểu biết nên đã hao tổn năng lực để theo đuổi các điều kiện vật chất. Điều đáng tiếc là một số tu sĩ lẽ ra phải hiểu biết hơn lại sa vào những vết xe đó. Họ dồn tất cả năng lực để chạy đuổi theo các hình tướng bên ngoài như nghi thức, phẩm trật, chức tước hay xây dựng các đền thờ lộng lẫy, coi đó là mục đích chính của tiến trình tu tập. Tệ hơn nữa, họ còn trích dẫn từng câu từng chữ trong kinh văn, tìm trong đó có bao nhiêu dấu chấm, dấu phẩy rồi giải thích chân lý theo con số những dấu chấm, dấu

phẩy đó. Hậu quả là chân lý đã biến thành một thứ tôn giáo suy kiệt, thoái hóa, đầy mê tín dị đoan.

Satyakam thắc mắc:

- Như vậy con đường Nivritri (hướng nội) là như thế nào?

Kapalak giải thích:

- Đó là con đường trở về. Con đường này thuộc yếu tố âm, là sự chuyển hóa. Như ta đã nói, nguyên lý của yếu tố dương là động, là hướng ngoại, là hao tán nên cần phải có yếu tố âm để bổ túc. Nguyên lý của âm là tĩnh, là hướng nội, là tập trung và trên con đường này hành giả chuyển hóa năng lượng đam mê ngoại giới vào các mục đích thánh thiện, cao thượng của nội giới. Thay vì đi tìm sự cao xa huy hoàng ở bên ngoài thì họ tìm cách làm sao cho nội tâm được sung mãn, dồi dào.

Này Satyakam, trên con đường Pravritri (hướng ngoại), mọi hoạt động thường có tính cách lo âu, trói buộc, sợ hãi vì nó xây dựng trên sự suy luận của lý trí, vốn chịu ảnh hưởng ngoại cảnh. Trên con đường hướng nội (Nivritri) mọi hoạt động sẽ có tính cách thoải mái, an nhiên tự tại vì nó xuất phát từ một nội tâm phong phú. Trên con đường hướng ngoại, tư tưởng hay sản phẩm của tâm thức biến đổi, hao tán không ngừng, nhưng trên con đường hướng nội, tư tưởng này được tập trung, chuyển hóa và thăng hoa. Khi đạt đến trạng thái quân bình thì nguyên lý âm dương không còn là hai nữa mà sẽ hòa làm một. Khi đó, dương cũng là âm mà âm cũng là dương. Cả hai hợp nhất trong một trạng thái tĩnh lặng tuyệt đối. Đó chính là sự giải thoát khi tiểu ngã hòa nhập vào đại ngã. Đó chính là mật nghĩa của Kundalini Yoga (con đường Hỏa xà).

Kapalak im lặng nhìn Satyakam một lúc rồi nói tiếp, giọng nghiêm trang:

- Này Satyakam, ta sẽ dạy người phương pháp khai mở luồng hỏa hầu này, nhưng trước hết, ta muốn người hiểu rõ Kundalini Yoga không phải là một phương pháp mà ai cũng có thể theo đuổi được. Một kẻ có cơ thể bệnh hoạn hay một tâm hồn bạc nhược không thể thực tập phương pháp này, vì yếu tố căn bản của nó là một cơ thể tráng kiện và một tinh thần can đảm. Một kẻ thiếu đức tin hay nghi ngờ cũng khó mà đi xa được, vì nó đòi hỏi sự cương quyết, dũng mãnh. Một kẻ lười biếng, dễ nản chí không bao giờ có thể theo đuổi pháp môn tối thượng này, vì nó đòi hỏi công phu chuyên cần. Một

kẻ nông nổi chỉ mong đạt kết quả cũng không thể đi trọn con đường, vì nó đòi hỏi nhiều năm công phu luyện tập. Một kẻ chưa làm chủ được tình cảm cũng không thể thực hành, vì nó dễ làm cho người ta lầm lạc, bị dục vọng sai khiến và đi vào con đường tà đạo. Do đó, một vị sư phụ Mật tông luôn chọn học trò hết sức cẩn thận trước khi truyền dạy pháp môn này. Ta biết người đã có đủ những đức tính cần thiết nên mới quyết định truyền cho người pháp môn tối thượng Kundalini Yoga. Trong việc tu tập, người sẽ không thực hành một mình mà cần một người khác giúp đỡ. Ta biết Bhairavi là một hành giả Yoga thượng thừa đã có những liên hệ với người từ trước, nên ta tin rằng cô ấy sẽ giúp đỡ được người. Để tránh hiểu lầm, người và Bhairavi nên làm lễ thành hôn và ta tin rằng cả hai sẽ có những tiến bộ đáng kể. Người hãy cố gắng luyện tập, đừng phụ lòng ta và sư phụ.

Satyakam cảm động quỳ mọp xuống:

- Xin cảm ơn sư huynh. Xin cảm ơn sư phụ.

Cuối mùa Xuân năm đó, Satyakam và Bhairavi chính thức làm lễ thành hôn dưới sự chứng giám của Kapalak. Đối với dân chúng làng Kadambini, đây là một ngày trọng đại. Hàng ngàn người tụ tập trong ngôi đền Kali để làm lễ ăn mừng. Tín đồ khắp nơi kéo về dâng cúng các phẩm vật rất long trọng. Nhiều người quá vui mừng, đã khóc òa lên vì tin rằng thần Shiva và Durga đã tái thế, ban phát ân phước cho làng. Sau các nghi thức long trọng, Satyakam và Bhairavi quỳ trước tượng thần Kali làm lễ. Kapalak thực hành các nghi thức ban phép lành cần thiết rồi nói với Satyakam:

- Hãy ghi nhớ lời ta chỉ dạy và chuyên cần thực hành. Người nên nhớ đây chỉ là một chặng trên con đường đi tìm chân lý. Hãy học hỏi những điều cần phải học, nhưng chớ quên mục đích tối hậu của người trên đường đạo. Bài học hiện nay của người là biết chấp nhận tất cả, không từ bỏ một điều gì và tập mở rộng cõi lòng để giúp đỡ tất cả mọi người. Ta lên đường đây.

- Sư huynh đi đâu?

- Chỗ này đã trở nên ồn ào, không còn thanh vắng như xưa nữa, nên ta cần tìm một nơi an tĩnh hơn để tu tập. Ta đã làm tròn nhiệm vụ sư phụ giao phó, bây giờ người sẽ phải tự đi nốt quãng đường còn lại.

Satyakam lưu luyến:



- Liệu chúng em còn gặp lại sư huynh không?

- Chúng ta có cùng một mục đích mặc dù con đường không giống nhau, nhưng ta tin rằng cuối cùng chúng ta sẽ gặp lại nhau.

Mặc cho Bhairavi cố giữ, Kapalak vẫn thản nhiên bước khỏi đền Kali.

---

[3] Kali: Nữ thần bóng tối trong tín ngưỡng Hindu.

## *Chương 3*

Nhiều năm trôi qua, ngôi đền Kali ở làng Kadambini đã trở thành một trung tâm tôn giáo nổi tiếng. Nhờ chuyên cần thực hành những điều Kapalak chỉ dạy, càng ngày Satyakam và Bhairavi càng tiến bộ. Hàng ngày, Bhairavi chăm lo các nghi lễ tôn giáo, trong khi Satyakam giảng dạy tín đồ về các giáo nghĩa của Ấn giáo. Phần lớn các trung tâm tôn giáo chỉ chú trọng đến nghi thức mà rất ít giảng giải về giáo nghĩa nên những người muốn học hỏi kéo về tu học tại đây mỗi ngày một nhiều. Dưới sự chỉ dạy của Satyakam, các truyền thống minh triết cổ xưa của Ấn Độ đã được phục hồi nên anh được dân chúng kính cẩn gọi là Maharaj (Đại hiền giả) như họ đã gọi Bhairavi là Deviji vậy.

Vài năm sau, Bhairavi sinh hạ được một bé trai, đặt tên là Rohit. Dân làng Kadambini tổ chức một buổi lễ ăn mừng linh đình. Họ tin rằng sự hiện diện của đứa bé sẽ đem lại nhiều may mắn cho cả vùng. Năm sau, Bhairavi lại sinh thêm một bé trai nữa, đặt tên là Puram. Một lần nữa, dân làng Kadambini lại mở hội ăn mừng.

Một buổi sáng, Bhairavi đang sắp xếp phẩm vật dâng cúng trên bàn thờ thần Kali, bỗng một tín đồ hốt hải chạy vào thưa: “Thưa Deviji, sáng nay con vừa ra giếng múc nước thì thấy Rohit đã ngã xuống từ lúc nào...”.

Bhairavi hoảng hốt chạy ra. Đã có vài người đứng quanh giếng. Một người vừa nhảy xuống giếng vớt xác Rohit mang lên. Vừa kinh hãi vừa đau đớn, Bhairavi ôm xác đứa con thân yêu chạy vào đền đúng vào lúc Satyakam vừa hoàn tất khóa giảng kinh cho học trò. Bhairavi đầm đìa nước mắt, phủ phục trước mặt Satyakam nức nở:

- Maharaj, xin anh cứu lấy con...

Satyakam sững sờ ôm xác đứa con thân yêu. Chưa bao giờ anh cảm thấy đau khổ như lúc đó. Bhairavi gào khóc:

- Maharaj, em biết anh có thể làm cho người chết sống dậy. Em biết anh đã từng thực hành phương pháp này... Anh hãy cứu lấy đứa con của chúng ta...

Từ trước đến nay, Bhairavi luôn điềm đạm, tự chủ nhưng lần này cô đã biến thành một người khác. Đám đông vây kín chung quanh hai người chờ đợi một phép lạ. Họ tin rằng một bậc đại hiền giả như Satyakam hẳn phải có những pháp thuật thần thông. Thế nhưng sau một lúc im lặng, Satyakam chậm rãi lên tiếng:

- Chuyện xảy ra như vậy là phận số của Rohit, chúng ta không thể làm trái quy luật tự nhiên được.

Bhairavi tuyệt vọng:

- Maharaj, sao anh nói vậy? Rohit không phải là con của anh sao? Tại sao anh không cứu lấy con của anh?

Satyakam vuốt tóc Bhairavi:

- Đó là số phận của Rohit, chúng ta phải biết chấp nhận. Bhairavi ôm chặt xác đứa con, kêu lớn:

- Nhưng... nhưng anh có thể làm cho người chết sống lại kia mà...

Satyakam gật đầu:

- Đúng thế. Ta có thể làm được chuyện đó, nhưng ta cũng biết rằng một người đi trên đường đạo không bao giờ làm điều trái với quy luật tự nhiên. Nay Bhairavi, đây chính là một thử thách và cũng là cơ hội để chúng ta học về sự đau khổ và các mối dây liên hệ ràng buộc. Phải chăng đó chính là bài học mà sư phụ ta cũng như sư mẫu em đã gửi chúng ta đến với nhau để học hỏi, để trải nghiệm?

Bhairavi ngừng khóc, nhưng tình mẫu tử thâm sâu khiến cô còn nức nở:

- Dù sao Rohit cũng là... Satyakam âu yếm vuốt tóc con:

- Rohit đã có những liên hệ với chúng ta từ trước nhưng nay duyên nợ đã hết và chúng ta phải biết chấp nhận, đừng tạo thêm các ràng buộc nữa.

Bằng một cử chỉ âu yếm, Satyakam cúi xuống nói nhỏ vào tai Bhairavi một câu thần chú để giúp cô bình tâm. Bhairavi im lặng một lúc rồi nói:

- Satyakam, anh không cảm thấy đau khổ trước việc này hay sao?

- Cái chết chỉ là một khía cạnh khác của sự sống mà thôi. Có sinh ắt có tử, đó là lẽ thường vì nếu không sinh ắt sẽ không tử. Một người biết chấp nhận cái chết chính là biết sống một cách đúng đắn. Đời sống chỉ là một phần nhỏ của chu trình tiến hóa kéo dài vô tận với những cuộc tử sinh liên tiếp như sóng nước lên xuống không ngừng. Rohit đã đến với chúng ta bởi các ràng buộc liên hệ từ trước, nhưng khi các ràng buộc này chấm dứt thì con ra đi, đó là số phận của con và chúng ta không thể cản trở sự tiến hóa của con.

- Anh nói đúng, nhưng trước nỗi đau này, làm sao có thể dửng dưng được?

- Nay Bhairavi, làm sao em biết được ta thương yêu Rohit như thế nào? Ta đau lòng lắm chứ. Nhưng vì đã biết rõ luật nhân quả nên ta không coi đó như một sự mất mát mà ta biết chấp nhận tất cả. Ta coi đây là một trải nghiệm quý báu cho sự tu học của chính mình.

Vài hôm sau, tang lễ cho Rohit được cử hành. Xác Rohit được đưa đến một giàn thiêu bên bờ sông để hỏa táng. Dân làng Kadambini đến dự rất đông. Ai cũng thương xót đôi vợ chồng trẻ vừa mất đứa con yêu. Người này đặt câu hỏi: “Tại sao những người tu hành thánh thiện như vậy mà lại chịu nỗi bất hạnh như thế kia?”, kẻ kia thắc mắc: “Tại sao một bậc Maharaj và một Deviji lại không cứu được đứa con của mình? Phải chăng họ không phải là bậc thần thánh như người ta thường nghĩ?”. Một số khác tự an ủi: “Dù là thánh nhân hay thường dân thì cũng không thể thoát được luật nhân quả và đó là số phận của đứa bé”.

Suốt tang lễ, Satyakam và Bhairavi giữ thái độ bình tĩnh, dù Bhairavi vẫn không cầm được nước mắt. Chiều hôm đó, Satyakam và Bhairavi trở về đền Kali. Sau khi ru Puram ngủ, Bhairavi lên tiếng:

- Maharaj, tại sao anh có thể thản nhiên trong tang lễ như vậy?

- Bhairavi, sự yên lặng của ta trong tang lễ không phải là sự dửng dưng. Lòng ta đau vô cùng, nhưng ta không thể hiện điều đó ra bên ngoài. Ta tiếc

Rohit đã không sống lâu hơn để ta có cơ hội giúp đỡ và giáo dục nó. Ta mong em hiểu được lòng ta.

- Em hiểu anh. Tuy em không cảm thấy đau khổ như mấy hôm trước nhưng hình bóng Rohit vẫn ở trong tâm trí em. Em hy vọng vài hôm nữa em sẽ tự chủ hơn, nhưng em muốn hỏi anh một điều.

- Em cứ nói đi. Bhairavi ngập ngừng:

- Với công phu tu tập của anh, liệu anh có biết trước cái chết của Rohit không? Liệu anh có thể ngăn ngừa được cái chết đau thương đó không?

Satyakam gật đầu nói khẽ:

- Ta biết trước phần số của Rohit đã hết và có thể thay đổi được điều đó, nhưng vì ta đã hiểu rõ sự ràng buộc của nghiệp quả nên không làm gì khác được. Nay Bhairavi, đôi khi chúng ta quá ích kỷ nên tạo ra thêm các ràng buộc trên con đường tiến hóa, mà bất cứ ràng buộc nào cũng là một cản trở cho tiến trình tu tập để giải thoát. Ta nhớ Kapalak đã dạy: “Có vay thì có trả, còn ước ao thì còn bị ràng buộc, và đã có ràng buộc thì lại phải lo gỡ ra. Muốn ung dung tự tại thì phải làm sao chấm dứt những ước ao, mong cầu để không gây thêm một ràng buộc nào nữa. Phương tiện thiện xảo của sự tu tập là biết ý thức rằng điều đã gây ra từ trước thì bây giờ phải lo tháo gỡ, nhưng tháo gỡ làm sao để không gây thêm các ràng buộc khác mới là công phu tu tập”. Quả là một lời khuyên bảo đầy minh triết. Nay Bhairavi, em đã nhờ ta giúp em có cơ hội phát triển thêm về tình thương và ta đã chẳng giúp em đó sao? Khi trước em là một hành giả Yoga đang gặp trở ngại vì em có tính thụ động, dễ bị cuốn hút vào trạng thái mê hoặc xuất thần. Vì tu khổ hạnh nên tâm hồn em khô cạn. Hiện nay em không thấy tình cảm của em dành cho Rohit và Puram đã phát triển mạnh mẽ hay sao?

Bhairavi im lặng nhìn Satyakam với vẻ thán phục. Satyakam tiếp:

- Ta ý thức được đây là một biến cố lớn, một thử thách lớn cho chúng ta, nhưng ta cũng biết đó là cơ hội để học hỏi, để tu tập. Nay Bhairavi, đây là một bài học cho em về sự phát triển tình cảm, nhưng bài học này cũng đưa đến sự ràng buộc quyến luyến và nếu không ý thức, nó sẽ trở thành một chướng ngại cho con đường tiến hóa tâm linh của em. Em cần phải học hạnh xả ly, dứt bỏ cũng như trước đây ít lâu, Kapalak đã dạy ta bài học về sự không sợ hãi. Khi đó, ta không nghĩ rằng mình cần phải học bài học đó vì ta

vốn là kẻ chẳng sợ hãi một điều gì. Chỉ khi trải qua kinh nghiệm ghê gớm bên bờ sông Hằng, ta mới ý thức rằng lòng tin qua lý thuyết và nhận thức qua trải nghiệm khác nhau rất xa. Chỉ sau khi trải qua, ta mới quán triệt hoàn toàn về cái gọi là lòng không sợ hãi.

Này Bhairavi, em có nhớ khi em một thân một mình đến ngôi đền Kali hoang tàn này không? Lúc đó em là một hành giả Yoga thượng thừa, không lo âu, không sợ hãi, không bị ràng buộc vào bất cứ một thứ gì. Nếu lúc đó có ai nói rằng em sẽ yêu thương, sẽ gắn bó vào một điều gì, chắc chắn em sẽ gạt bỏ, coi đó như một ý tưởng mơ hồ, có phải không? Này Bhairavi, chỉ một thời gian ngắn, em đã trở thành một người vợ, một người mẹ với những ràng buộc, gắn bó vào chồng, vào con. Phải chăng thử thách này là một bằng chứng hiển nhiên rằng chúng ta chưa hoàn toàn như chúng ta nghĩ. Công phu tu tập của chúng ta, dù khổ hạnh bao nhiêu, nhưng chưa được thử thách thì vẫn chỉ là một quan niệm thôi, có phải không? Này Bhairavi, tình mẫu tử là thứ tình cảm lớn nhất trong mọi tình cảm và nó cũng là một thử thách rất lớn, không mấy ai dễ gì dứt bỏ được.

Bhairavi cúi đầu suy nghĩ rồi nói khẽ:

- Nhưng làm sao em biết rằng trải qua kinh nghiệm này, em sẽ thanh thoi, vượt qua được mọi sự ràng buộc, gắn bó khi em vẫn còn phải chăm lo cho Puram?

Satyakam mỉm cười:

- Em là một hành giả Yoga đã tiến rất xa trên con đường tiến hóa tâm linh. Ta biết kinh nghiệm này sẽ giúp em ý thức rõ hơn về sự ràng buộc và những liên hệ mà trước đây em chưa thực sự nắm vững. Trong kiếp sống trước, em đã từng là mẹ, đã từng đau khổ, đã cố gắng tháo gỡ những trói buộc liên hệ nhưng em chưa thực sự vượt qua được nó nên kiếp này em phải học lại bài học đó một lần nữa. Cuộc đời là một trường học mà trong đó phần lớn mọi người chỉ học được bài học qua yếu tố đau khổ. Sự đau khổ là yếu tố thúc đẩy mọi người tiến hóa vì nếu không có yếu tố này, người ta sẽ thản nhiên bất động như loài cây cỏ, gỗ đá. Cái chết của Rohit đã giúp em ý thức rõ rệt hơn về sự ràng buộc, nhưng Puram sẽ không như thế đâu, nó sẽ giúp đỡ em trên một phương diện khác.

- Còn anh? Anh và em có những liên hệ gì? Satyakam im lặng một lúc rồi từ tốn trả lời:

- Chúng ta đã có những liên hệ với nhau từ trước, và lần này, ta đến với em để học hỏi thêm về những điều mà trước nay ta chỉ biết qua lý thuyết mà thôi.

Năm tháng trôi đi. Bhairavi tiếp tục công việc trông coi các nghi lễ trong đền Kali. Cô đã lấy lại phong thái trang nghiêm như xưa, không còn đau buồn về cái chết của Rohit nữa. Satyakam tiếp tục thực hành Kundalini Yoga và tiến bộ rất nhiều. Nhờ khai mở được các luân xa và kiểm soát được luồng hỏa hâu, anh có thể hiểu biết được những điều mà trước đó đối với anh chỉ là những khái niệm trừu tượng. Từ đó, anh có thể hiểu tường tận các ẩn nghĩa trong kinh sách và đến lúc này, anh mới vỡ lẽ rằng sở dĩ Ấn giáo bị suy tàn là vì đa số các giáo sĩ đều thiếu kinh nghiệm tâm linh. Vì thiếu hiểu biết và không có khả năng giảng dạy các chân lý cao đẹp nên họ chú trọng đến các nghi thức thờ cúng và lũng vào đó những điều mê tín dị đoan để mê hoặc tín đồ. Phần lớn các đền đài Ấn giáo chỉ chú trọng đến nghi thức thờ cúng, cầu nguyện thần linh để xin xỏ điều này thứ nọ chứ không mấy khi có khóa giảng dạy kinh kệ. Các tín đồ đến đền thờ tụng kinh một cách ồn ào mà không hiểu thấu ý nghĩa những điều mình đọc. Từ đó Satyakam bắt đầu các khóa giảng kinh và theo thời gian, số người kéo đến xin thụ giáo với anh ngày càng đông. Dưới sự chỉ dạy của anh, các ẩn nghĩa trong kinh sách đã được mang ra trình bày một cách rõ ràng, minh bạch.

Mùa Xuân năm đó, Satyakam giảng dạy về Yoga dựa trên thánh ca Bhagavad Gita. Anh nói: “Có ba con đường cùng đưa đến một mục đích mà tùy theo sở thích, chúng ta có thể lựa chọn con đường thích hợp. Đó là Karma Yoga (con đường Hành động), Jnana Yoga (con đường Minh triết) và Bhakti Yoga (con đường Sùng tín). Khởi đầu là ba con đường khác nhau, nhưng khi đi gần đến đích, chúng sẽ gặp nhau vì mục đích tối hậu của Yoga là sự hợp nhất với Thượng đế. Nếu quan sát kỹ, ta sẽ thấy tất cả mọi người đều có khuynh hướng đi tìm Thượng đế, nhưng vì không ý thức rằng ngài hiện diện khắp nơi nên nhiều người đã đi tìm ngài qua những con đường hay pháp môn khác nhau.

Do đó, trong Bhagavad Gita (Thánh ca của Thượng đế), đức Krishna đã nói: ‘Kẻ nào thấy được Thượng đế ngự trị trong vạn vật, kẻ đó mới thực sự thấy’. Một người đi tìm đạo, dù theo bất cứ con đường nào hay pháp môn nào, cần phải biết tôn trọng những con đường khác, vì đường nào cũng đều dẫn đến Thượng đế”.

Karma Yoga là phương cách thông dụng nhất. Hầu hết nhân loại đều đi trên đường này, mặc dù ít người ý thức về nó. Khởi đầu, con người có tính thụ động vì chịu ảnh hưởng của khuynh hướng Tamas (Tĩnh). Họ chỉ ngồi chờ phép lạ xảy ra. Vì thế, kêu gọi họ tỉnh thức để học hỏi là việc vô ích, vì họ không muốn thay đổi. Muốn họ thoát khỏi trạng thái thụ động cần phải có động năng thúc đẩy họ, để khơi dậy lòng ham muốn nơi họ. Lòng ham muốn dẫn đến lòng tham và sự chiếm hữu; nhưng dù lòng ham muốn có thấp hèn như thỏa mãn các dục vọng vật chất đi chăng nữa, thì vẫn còn hơn sự bất động u mê. Sự ham muốn có công dụng riêng của nó trong cơ trời vĩ đại, và đó chính là ý nghĩa mà đức Krishna đã nói trong Bhagavad Gita: “Thượng đế hiện diện trong tất cả, kể cả trong những tật xấu của kẻ xấu xa đê tiện nhất”.

Theo thời gian, bị chi phối bởi lòng tham nên con người ngày càng hoạt động nhiều và do vậy, khuynh hướng Rajas (Động) được phát triển mạnh mẽ. Đến giai đoạn tiến hóa này, nhân loại lao vào làm việc một cách quá độ. Khí lực trở nên dồi dào, họ không từ chối bất cứ cơ hội nào để thỏa mãn tham vọng cùng các cảm xúc của giác quan. Đây là lúc con người lo tâng trữ, tích lũy của cải vật chất. Họ hăng say làm việc, nhờ vậy xã hội tiến bộ, phát triển nhanh chóng. Tất cả tiền tài, vật chất, dục lạc đều gia tăng mạnh mẽ và thúc đẩy xã hội phải vận hành nhanh hơn, mạnh hơn. Tuy nhiên, con người sẽ thấy rằng cái mà họ muốn không bao giờ mang lại sự thỏa mãn cả, vì được cái này thì lại có những cái khác hay hơn, đẹp hơn, lạ hơn và hấp dẫn hơn. Cứ thế, con người lao đi tìm cái mới lạ cho đến khi họ ý thức rằng càng thu gom nhiều thì họ càng đau khổ nhiều; càng thành công lớn, họ lại càng bất mãn lớn; càng có nhiều tài sản, càng lo âu thêm. Phải lo sao đoạt cho được mọi thứ nhưng khi được rồi phải lo giữ nó cho thật chắc vì sợ nó sẽ mất đi. Càng ngày các mối lo âu càng gia tăng, và rồi, con người lúc nào cũng sợ hãi, bất mãn, đau khổ vì các hoạt động thiên về vật chất không bao giờ có thể thỏa mãn họ hoàn toàn. Đó chính là ý nghĩa câu nói của đức Krishna: “Lấy đầu đổ vào lửa để đập tắt lửa còn dễ hơn là lấy sự thỏa mãn để đập tắt các dục vọng”.

Đến khi đó, con người mới bắt đầu ý thức được rằng họ vẫn ao ước cái mà họ không biết rõ hay không thể hiểu được. Do đó, một số người bắt đầu quay về với nhu cầu tinh thần như tôn giáo, tìm cách rời bỏ các tham vọng vật chất hoặc xa lánh chốn đô thị náo nhiệt, tìm nơi thanh vắng để tĩnh tu. Truyền thống từ bỏ tất cả để tìm đạo của Ấn Độ bắt đầu từ đây. Tuy nhiên, dù vào rừng sâu núi thẳm, dù theo học bất cứ pháp môn nào, con người vẫn nhận ra rằng không phải xa lánh của cải vật chất là có thể tìm thấy sự an tĩnh



nơi tâm hồn, bởi lẽ ham mê trong tâm họ vẫn còn. Nó sẽ tiếp tục chi phối ý thức của họ, từ ham mê của cái vật chất chuyển thành ham mê các nhu cầu tinh thần. Do đó mới có những tu sĩ hết sức nhiệt thành đã trở thành quá khích hay mù quáng đi trên đường đạo để cầu mong những quả vị hay phép thuật thần thông. Đây là việc hiển nhiên vì khuynh hướng Động vẫn tiếp tục chi phối. Trải qua bao kiếp luân hồi say mê tham luyến, để gì phút chốc có thể xả bỏ hết được nên đa số người tìm đạo thường bị giày vò. Đức Krishna nói về giai đoạn này trong Bhagavad Gita như sau: “Bằng sự xả bỏ khuynh hướng Động để đi tìm sự Bất động, con người không thể thoát khỏi hành động và cũng không thể đạt đến sự toàn thiện được. Người ta không thể chạy trốn mọi sự qua việc ẩn thân, vì dục vọng không phải là yếu tố bên ngoài mà tiềm tàng mạnh mẽ ở bên trong”.

Karma Yoga chủ trương chỉ khi hoạt động, con người mới thực sự hợp nhất với Thượng đế. Thay vì hành động để đạt được mục đích, dù về tinh thần hay vật chất, họ đều cần phải thay đổi động cơ, chuyển hóa nó và ý thức rằng hành động mà không mong cầu bất cứ điều gì cho bản thân mới đem lại kết quả thực sự. Thay vì từ bỏ của cải vật chất, trốn vào rừng sâu núi thẳm để tìm sự bình an, họ phải biết thay đổi nội tâm và biến nó thành một đạo tràng thanh tịnh để tu tập. Đó là lý do đức Krishna đã nói trong Bhagavad Gita: “Người vô minh hành động với lòng tham dục, còn bậc hiền giả hành động với mục đích phụng sự nhân loại và không tham luyến bất cứ điều gì cho riêng mình”.

Nhờ biết chuyển hóa nội tâm mà con người hoạt động và biết chấp nhận mọi nghiệp chương của luật nhân quả. Tuy nhiên, họ không còn bị chi phối bởi yếu tố Động như trước mà dung hòa, chuyển hóa nó để đạt sự quân bình. Sự quân bình giữa yếu tố Động và Bất động chính là bí quyết của Karma Yoga. Người đi theo con đường này sẽ không bỏ bê phận sự đối với gia đình, xã hội hay đất nước, mà sẽ hành động với một tinh thần mới. Họ vẫn làm việc như một người bình thường, cũng kiếm tiền hay tích lũy của cải, nhưng họ sẽ không thiết tha thủ giữ bất cứ một thứ gì. Họ biết rằng họ chỉ là người quản lý tài sản đó chứ không phải là chủ nhân vì họ đã thấu triệt bài học rằng cái gì đến sẽ đi, cái gì còn sẽ mất, chẳng có gì mãi mãi vững bền. Họ biết lòng ích kỷ, tham lam sẽ mang lại khổ đau nên chỉ hoạt động cho người khác chứ không cho mình. Tuy hoạt động nhưng họ vẫn tiếp tục tu tập để xả bỏ những thói quen hay tập khí xấu xa từ trước. Đây là giai đoạn biến chuyển nội tâm rất tế nhị vì các tập khí ngày trước vẫn tiềm ẩn một cách tinh vi trong tâm thức họ.

Trong thời gian bắt đầu tu tập, nhiều người có lòng tốt, muốn hoạt động giúp đời nhưng vì trong tâm họ vẫn còn chút tham vọng nên họ thường tìm sự thỏa mãn khi công việc đạt thành, hay mong muốn được người đời kính nể, thán phục. Tóm lại, họ vẫn còn các hoài bão có tính cá nhân và hiển nhiên sẽ gặp các thử thách để giúp họ nghiệm ra bài học này. Những người hoạt động về tôn giáo, từ thiện hay xã hội luôn gặp nhiều trở ngại vì trong tâm thức họ vẫn còn vương một chút tham lam. Hiển nhiên, họ sẽ bị chê bai, ganh ghét hay gặp phiền não, vì đó là những thử thách cuối cùng để giúp họ thanh lọc bản ngã. Đây là một thứ bản ngã vi tế được khôn khéo che đậy dưới các hình thức tốt đẹp. Dĩ nhiên, nếu chưa qua bài học này, họ sẽ còn gặp khó khăn rất nhiều cho đến khi ý thức được động năng đã thúc đẩy họ hành động như thế và can đảm dứt bỏ hay chuyển hóa nó. Theo thời gian, khi họ học trọn vẹn bài học rằng phải biết dứt khoát với mọi động cơ ích kỷ trong các hoạt động tâm linh, họ sẽ tiến bộ rất xa. Đó chính là ý nghĩa câu nói của đức Krishna trong Bhagavad Gita: “Các con chỉ nên lo hành động mà thôi, đừng mong cầu kết quả, dù kết quả đó là sự thán phục, cảm mến, hay biết ơn của những người xung quanh. Đừng để ý đến kết quả và chớ đồng hóa kết quả với nguyên nhân”.

Khi bản ngã được thanh lọc hoàn toàn, con người sẽ không làm việc vì mong được biết đến hay tri ân. Họ đã biết từ bỏ các ham muốn. Thành công hay thất bại không còn ý nghĩa đối với họ nữa; khi đó, họ sẽ đạt đến trạng thái an lạc hoàn toàn: không vui, không buồn; không lo, không sợ; không ao ước, không mong cầu. Tất cả những gì thuộc về bản ngã thấp hèn đều được chuyển hóa và từ đó bắt đầu hành động bằng cái tâm tinh khiết, thành thật vì biết rõ hành động chính là một phận sự thiêng liêng, một động năng cần thiết, tự nhiên như hơi thở vậy. Đó chính là bí quyết của pháp môn Karma Yoga: “Không tìm kiếm hành động khi nó không đến, nhưng cũng không từ chối khi nó xảy ra. Hãy vui vẻ, thản nhiên; khi việc đến thì làm, khi việc không đến thì ngồi yên, bình thản trước mọi thăng trầm của cuộc đời”. Đó cũng là mục đích của Karma Yoga mà đức Krishna đã nói trong Bhagavad Gita: “Phải biết bình thản trong mọi thất bại cũng như thành công, đó là sự quân bình của Karma Yoga”.

Đây là giai đoạn cuối của con đường Karma Yoga. Khi hành giả đã đạt đến trạng thái vô ngã, vô cầu, vô niệm, họ sẽ ý thức rằng mọi sự chỉ là những khí lực vẩn vơ, không thật, đến và đi như gió thổi, mây bay. Đây cũng là lúc các pháp môn Yoga hay những con đường khác nhau hợp lại thành một con đường duy nhất. Từ thái độ an nhiên tự tại, không mong cầu, xin xỏ hay tìm

kiếm điều gì, cũng không từ chối bất cứ điều gì, sẽ nảy sinh ra một thứ tuệ giác đặc biệt - một thứ tuệ giác sáng chói giúp con người có khả năng phân biệt chân giả cùng các định luật của vũ trụ, từ đó trở thành một hành giả Yoga thượng thừa qua khả năng hành động, cũng như những hành giả Yoga khác đã đạt được trạng thái này qua suy tư, thiền định hay sùng tín.

Các pháp môn Yoga hay các con đường đạo, lúc đầu tuy khác nhau, nhưng rồi sẽ hợp làm một khi hành giả đạt đến giai đoạn cuối này. Đây là lúc hành giả được coi là đã xứng đáng để hợp nhất với Thượng đế. Khi đã xóa bỏ tham luyến của dục vọng vật chất, họ sẽ thấy Thượng đế hiện diện ngay trước mặt họ và khi đó hành giả bước vào giai đoạn cuối cùng: giai đoạn của sự hiển dương.

Khi đó, con người sẽ thấy mình và Thượng đế không còn cách biệt nữa, mà đã hòa làm một. Đến đây, hành giả sẽ hưởng được tất cả những ân phước hân hoan, phúc lạc nhất. Sự an lạc thiêng liêng tràn ngập khắp tâm hồn họ, vì họ đã gạt bỏ được cái phàm ngã thấp hèn, trong tâm họ chỉ có cái Chân ngã tinh khiết thấm nhuần tất cả. Kể từ đó, tất cả những gì họ làm, những phận sự họ thi hành, đều là những hoạt động dâng hiến và họ hoàn toàn hưởng được sự an lạc của kẻ hiến dâng. Con người khi đó trở thành một luồng vận hà những ân phước tốt đẹp nhất của Thượng đế. Đó cũng chính là ý nghĩa câu nói của đấng Krishna trong Bhagavad Gita: “Đó chính là tâm trạng của Thượng đế, hỡi con của Pritha. Những ai đã đến đó chẳng bao giờ còn lầm lạc. Đến giờ lâm chung, ai giữ được tâm trạng đó sẽ tiến đến cõi Chân, Thiện, Mỹ của sự vĩnh cửu”.

Sau pháp môn Karma Yoga là pháp môn Jnana Yoga. Đây là một pháp môn được gìn giữ cẩn thận, ít truyền ra bên ngoài vì nó là con đường chỉ dành cho những người có căn duyên đặc biệt. Đây cũng là một pháp môn đòi hỏi sự tinh luyện bản thân rất sâu sắc và nhiều nguy hiểm.

Trong giai đoạn đầu của con đường Jnana Yoga, hành giả khởi sự thu tập kiến thức. Họ tìm thấy nguồn vui qua các ý tưởng thanh cao, thâm sâu trong kinh sách và nhờ nghiên cứu mà họ tìm được những điều họ muốn biết như bản chất của vũ trụ, nguồn gốc của nhân sinh, các bí mật ẩn tàng trong thiên nhiên cũng như các định luật huyền bí của vũ trụ. Đa số những người đi theo con đường này thường không màng lợi danh vật chất, không tìm kiếm dục vọng thấp hèn. Phần lớn đều là những người có tính tình trầm lặng. Họ yêu mến kiến thức vì đối với họ đó là nguồn vui thanh cao, tao nhã. Tuy nhiên,

trong giai đoạn đầu, ít ai ý thức rằng kiến thức không phải là minh triết. Kiến thức và minh triết khác nhau rất xa.

Kiến thức phát sinh do sự quan sát các hiện tượng bên ngoài, phân loại chúng rồi đi tìm những định luật chung có thể áp dụng cho tất cả. Đây là sự nghiên cứu, thí nghiệm xem điều mình quan sát, kết luận có thích hợp với những sự kiện ngoại giới hay không. Phần lớn những người đi trên đường này đều có khả năng quan sát một cách tỉ mỉ mọi hiện tượng xảy ra trong trời đất. Đối với họ, trong vũ trụ không có gì quá lớn hay quá nhỏ, giản dị hay phức tạp, mà tất cả đều là đối tượng để nghiên cứu. Họ dồn sức nghiên cứu tất cả, từ một vi sinh vật li ti đến dải thiên hà vĩ đại. Sự ham học hỏi khiến họ mong muốn tìm kiếm điều hoàn hảo, và từ hiểu biết này, họ sẽ thấy rõ điều vĩ đại, chính xác tuyệt diệu và các định luật ẩn tàng của Thượng đế, đó chính là mục đích của Jnana Yoga.

Kinh Veda có một câu chuyện về con đường này như sau: Một hành giả Yoga được đưa đến nơi có một ngôi đền to lớn, lộng lẫy, trang nghiêm vô cùng. Tất cả mọi vật trong đó đều vĩ đại chưa từng thấy, những căn phòng rộng mênh mông, trải dài xa hút tầm mắt. Sau khi đi mãi qua nhiều căn phòng khác nhau, hành giả bước vào một căn phòng không lồ ở cuối hành lang và thấy một bà lão, dáng vẻ trang nghiêm đang chăm chú làm việc. Những ngón tay của bà nắn nót không ngừng. Hành giả vừa run sợ vừa kính cẩn vì nghĩ rằng bà đang làm một việc vĩ đại lắm nên vội quỳ xuống hỏi. Bà lão lên tiếng: “Ta đang nắn chiếc chân sau của một con bọ chết”. Câu chuyện này nói lên sự toàn tâm toàn ý khi làm việc, dù làm bất cứ việc gì, lớn hay nhỏ, người đi trên con đường này đều phải tận tâm tận lực và hết sức cẩn thận.

Tuy nhiên, vì say mê kiến thức mà phần lớn những người đi trên đường này dễ bị lạc vào mê lộ của từ chương và làm đường lạc lối. Đó chính là sự hiểm nguy của con đường Jnana Yoga. Đức Krishna đã nói trong Bhagavad Gita: “Trong hàng ngàn người học hỏi kiến thức, không có đến một người gặp được Thượng đế vì Thượng đế không phải điều ta có thể tìm thấy trong sách vở”. Chính vì ham mê kiến thức mà các hành giả đi trên con đường này tìm kiếm, khám phá không ngừng, từ việc lớn đến việc nhỏ, từ trên xuống dưới, từ phải qua trái, từ thế giới này đến thế giới kia. Qua việc trau dồi kiến thức, họ đi từ cảnh giới này qua cảnh giới khác, học hỏi, nghiên cứu mãi không thôi. Từ cõi hữu hình qua cõi vô hình, họ say mê nghiên cứu, thu tập các hiện tượng mà từ trước đến nay họ không hề hay biết. Kiến thức của họ

mở rộng, sự say mê thúc đẩy họ tìm tòi thêm nữa. Họ thu góp những dữ kiện mới lạ, lập thành những định luật riêng, những cảnh giới lạ lùng lần lượt diễn qua mắt họ và cứ thế họ hăng say tìm kiếm, giải thích. Khi giải thích được một sự kiện thì vô số những sự kiện khác lại xảy ra thúc đẩy họ khổ công đi sâu thêm nữa. Khi họ hiểu biết được một cảnh giới thì lại có vô số cảnh giới khác hiện ra với những dữ kiện cần thu tập, nghiên cứu và cứ thế từ kiếp này qua kiếp khác, họ trôi nổi trong những lý thuyết không bao giờ dứt.

Trở ngại lớn nhất của các hành giả đi theo con đường Jnana Yoga là “bệnh trí thức”, nghĩa là say mê giải thích mọi sự việc mà quên đi mục đích cao cả lúc ban đầu. Bất cứ điều gì họ cũng cố công giải thích, lập luận và từ đó phát sinh ra một loại người đi tìm từng dấu chấm, dấu phẩy trong kinh sách để giải thích chân lý qua con số, dấu chấm và dấu phẩy. Đây là loại giáo sĩ “chẻ sợi tóc làm tư” để lập thuyết và điều này đã đem lại nhiều rối rắm cho Ấn giáo. Các tín đồ học hỏi với các vị đạo sĩ mắc căn bệnh trí thức này sẽ giải thích kinh điển một cách hăng say, nhưng không thể áp dụng bất cứ điều gì vào đời sống hằng ngày.

Vì không thiết tha với đời sống, tình cảm của họ từ từ cạn kiệt. Theo thời gian, họ trở thành những người thuần lý, ít tình cảm, sống khổ hạnh, xa lánh mọi người, điển hình là các đạo sĩ tu khổ hạnh hay những học giả say mê cuồng nhiệt các giá trị hồi chương.

Một trở ngại khác của người đi trên con đường này là sự tự hào về kiến thức - một hình thức che đậy khôn khéo của bản ngã. Đa số những người này phủ nhận đời sống thường nhật mà tìm kiếm một đời sống khác thường. Hoặc là họ tìm vào rừng sâu núi thẳm ẩn tu vì khinh thường các giá trị thế tục. Hoặc là họ thực hành những phép tu khổ hạnh, hành hạ xác thân như nằm trên bàn chông, gơ tay lên trời cho đến khi khô kiệt, hay lập ra các tà thuyết lập dị. Hoặc họ sống trong xã hội nhưng đầu óc chỉ quanh quẩn với những con số, sách vở, lý thuyết mà quên đi sự hiện diện của những người xung quanh. Tất cả đều bắt đầu từ tự ngã - cho rằng mình hơn người khác - mà quên rằng bản ngã càng lớn bao nhiêu, sự hợp nhất với Thượng đế càng khó khăn bấy nhiêu. Đó cũng là điều được viết trong Bhagavad Gita. Đức Krishna đã nói: “Trong khi những kẻ này nghĩ rằng họ đã đến bên cửa trời thì thực ra họ đã đến thêm địa ngục mà không hay”.

Minh triết không phải là kiến thức mà là sự hiểu biết trực tiếp những

chân lý hằng có trong vũ trụ. Đó là sự nhận biết khả năng vô biên của Thượng đế, sự hiểu biết bản chất của đấng tối cao ngự trị trong muôn loài. Minh triết đòi hỏi một sự hiểu biết đặc biệt, uyên bác và sâu sắc qua việc tu luyện bản thân chứ không phải chỉ thu tập các kiến thức. Để tránh các khó khăn và vượt qua các trở ngại của lý thuyết hồi chương, pháp môn Jnana Yoga đề cập sự kiểm soát lý trí và xác thân qua việc thực hành các kỷ luật điều tâm và điều thân qua các tư thế. Nhờ kiểm soát được cả tâm lẫn thân mà hành giả không bị các yếu tố bên ngoài chi phối, lôi kéo. Sau khi thu tập kiến thức, hành giả phải biết thế nào là đủ và ngưng lại, quay vào quán sát, học hỏi phía bên trong. Nhờ thế họ sử dụng kiến thức như một công cụ để hiểu mình và sự biết mình sẽ giúp họ tập tính Khoan dung, có thái độ cởi mở với mọi vật, hòa đồng với xung quanh, chứ không tự xem mình là quan trọng nữa. Hiểu rằng Thượng đế ngự trị trong muôn loài sẽ giúp hành giả xóa bỏ sự phân biệt giữa ta và tha nhân. Sau đó họ phải luyện tập sự Bền chí để phát triển nội tâm vì một nội tâm yếu đuối không thể vươn lên hòa nhập với Đại ngã được. Kỷ luật thứ năm là việc phát triển lòng tin về nguồn gốc thiêng liêng và tin rằng điều mình muốn sẽ có thể được thực hiện. Kỷ luật cuối cùng là gìn giữ sự quân bình giữa tâm hồn và thể xác, vì chỉ trong sự quân bình này mà họ được an nhiên, tự tại, không nghiêng về bên nào. Cũng chỉ trong sự quân bình này mà họ phát triển được trí tuệ. Nhờ có trí tuệ mà hành giả sẽ hiểu rõ sự trường tồn và các điều tạm bợ, phân biệt được vô vàn nhân, hình tướng và bản thể, điều chân và lẽ giả, từ đó bắt đầu bước chân vào Jnana Yoga.

Trên con đường này, hành giả sẽ phân rõ sự khác biệt vốn chỉ là ngoại cảnh hay vòng hư ảo nhằm che giấu sự thật rằng có một thứ duy nhất và trường tồn nằm sâu trong mọi vật. Đó là Thượng đế hay Chân lý. Sự chuyển biến từ sống đến chết, từ có đến không, vạn vật thay đổi chỉ là các hình tướng bên ngoài của các yếu tố vô minh. Đó cũng là điều mà đấng Krishna đã nói trong Bhagavad Gita: “Kẻ nào biết được chính vạn vật thay đổi, còn Đại ngã vốn bất động, kẻ đó mới thực sự biết”.

Nhờ thu tập kiến thức, người đi trên con đường Jnana Yoga phát triển khả năng suy luận, khám phá. Nhờ kiểm soát tâm và thân qua kỷ luật tự giác, họ phát triển khả năng phân biệt và sự phân biệt này sẽ bổ túc sự khiếm khuyết của kiến thức mà họ thu lượm được. Jnana Yoga quan niệm rằng kiến thức là vô minh nếu nó chỉ giới hạn ở ngoại cảnh; khoa học là vô minh nếu nó chỉ nghiên cứu các hiện tượng bên ngoài. Sự hiểu biết thật sự chỉ đến khi con người tự biết mình. Biết mình thì sẽ biết được vũ trụ và khi biết được sự

tương quan giữa mình và vũ trụ, sẽ quán triệt được quan niệm về Tiểu ngã và Đại ngã để dẹp bỏ cái Tiểu ngã thấp kém và hòa nhập vào cái Đại ngã vô cùng. Người đi trên con đường Jnana Yoga dù nghiên cứu các sự kiện ngoại giới nhưng vẫn lắng nghe tiếng nói của nội tâm vì biết rằng các hình tướng bên ngoài chỉ là những hư ảo, phản ảnh của tâm thức bên trong mà thôi, và nhờ biết thế mà họ có thể chuyển đổi sự hiểu biết sang sự minh triết.

Jnana Yoga dạy rằng sự hiểu biết ngoại giới thì mênh mông, không thể nắm hết được. Tuy nhiên, khi đã hiểu rõ định luật “nhất bản tán vạn thù” thì chỉ cần hướng vào bên trong, tìm hiểu chính mình, như vậy sẽ biết rõ mọi sự kiện bên ngoài vì bản chất của mình và vũ trụ vốn không hề khác (vạn vật đồng nhất thể). Sự khác biệt chỉ là những biến chuyển của ngoại cảnh, những màn hư ảo đã che giấu sự thật về đời sống duy nhất, sự sống duy nhất, hay Thượng đế duy nhất. Ngoài sự duy nhất đó ra thì không còn gì nữa. Khi hành giả quán triệt quan niệm này là họ đã sẵn sàng để bước vào giai đoạn cuối của Jnana Yoga.

Nhờ kinh nghiệm thu tập được, nhờ trí tuệ sắc bén, nhờ lý luận tinh vi, cũng như các đức tính quý báu khác, họ đạt đến trạng thái Adhikari (trạng thái có thể nhận được giáo lý tối hậu) rằng: “Đại ngã vốn ở khắp nơi, ẩn tàng trong tất cả sự vật”. Đó chính là ẩn nghĩa câu nói của đấng Krishna trong Bhagavad Gita: “Thượng đế ngự đồng đều trong vạn vật”. Đây là một kinh nghiệm rất khó quán triệt, vì nó ngụ ý một sự đồng ngự khắp nơi, từ vật tốt đẹp đến vật xấu xa, từ điều cao thượng đến việc thấp hèn, từ hạt bụi đến các thái dương hệ, từ cái ngã của kẻ trụy lạc đến cái ngã của bậc thánh nhân. Đây là bằng chứng hùng hồn rằng toàn thể vũ trụ đều là biểu hiện của đấng Tối cao.

Hiểu được điều này có nghĩa rằng muốn được minh triết hoàn toàn, con người phải kinh qua tất cả các trải nghiệm. Nếu đã thấy Đại ngã trong những điều đẹp đẽ, huy hoàng thì họ cũng phải thấy nó trong các điều xấu xa, hèn hạ. Do đó, sự thật không có gì là tốt đẹp hay xấu xa hoàn toàn, mà tất cả chỉ là những giá trị tương đối, những sự kiện cần thiết để hỗ trợ cho sự tiến hóa và hiểu biết. Mọi sự kiện đều có những ý nghĩa thiêng liêng trong cơ trời. Mọi vật đều có những vị trí đặc biệt trong một chương trình vĩ đại. Vì chỉ để ý đến sự dị biệt nên người ta mới thấy sự bất toàn và chỉ hiểu được một phần của sự thật chứ không phải toàn thể. Sự hiểu biết bất toàn là kiến thức, sự hiểu biết toàn vẹn là minh triết. Từ đây, hành giả sẽ có cơ hội quan sát các diễn biến đang xảy ra trong vũ trụ và thấy rõ Đại ngã ở khắp nơi khắp chốn,

tất cả mọi vật đều nhờ nó mà hiện hữu và tất cả đều có khuynh hướng quay trở về nguồn. Đó cũng là ý nghĩa của quy luật: “Mọi vật đều tìm Thượng đế”. Bài học này sẽ cắt đứt các mối dây liên hệ với vô minh và đưa cái Tiểu ngã nhỏ bé hòa hợp với cái Đại ngã bất diệt, và đó chính là mật chỉ màu nhiệm của Jnana Yoga.

Nói thì giản dị như vậy, nhưng Jnana Yoga là một pháp môn rất khó. Nó đòi hỏi sự hiểu biết toàn vẹn và sống thực với kiến thức đó chứ không phải là một thứ lý thuyết trừu tượng. Một hành giả Jnana Yoga thực sự sẽ không bao giờ sinh tâm phân biệt, bị lôi kéo theo các sở thích của giác quan, mà luôn sống với tâm bình thản, chấp nhận, can đảm và dũng mãnh. Họ chỉ nhận những cảm hứng từ bên trong chứ không chịu ảnh hưởng bên ngoài và biết sử dụng kiến thức như một người chủ chứ không phải một kẻ nô lệ. Họ luôn luôn tự do, ung dung tự tại trước mọi hoàn cảnh chứ không mảy may bị trói buộc bởi bất cứ điều gì. Một người chưa làm chủ được dục vọng, chưa đạt đến trạng thái tâm vô phân biệt mà thốt lên những lời minh triết chỉ là những kẻ tự lừa dối mình và chẳng bao giờ có thể vượt khỏi sự lôi kéo của vô minh. Để tránh mọi nguy hại của sự nguy hiểm này, Jnana Yoga thường được gìn giữ cẩn thận và chỉ được truyền dạy cho những người có đức hạnh thật sự, những người đã làm chủ được lòng ham muốn.

Trong khi người đi trên Jnana Yoga tìm chân lý qua kiến thức và kỷ luật tự giác, thì người đi trên Bhakti Yoga đến với Thượng đế bằng sự kính yêu, thờ phụng và tin tưởng. Trong Bhagavad Gita, đức Krishna đã nói: “Những ai biết hướng tâm hồn về Thượng đế và tôn sùng ngài với lòng nhiệt thành, những kẻ đó luôn vững bước trên đường đạo”. Bản chất của Bhakti Yoga là sự tôn kính, yêu thương đáng Thượng đế tối cao và hoàn toàn hiến dâng tất cả hành động của mình cho ngài. Chính nhờ sự biết quên mình này mà họ có thể hòa hợp với Thượng đế một cách tự nhiên. Hành giả Bhakti Yoga tin tưởng Thượng đế một cách tuyệt đối và không thể sống mà thiếu đức tin này, dù chỉ trong chốc lát. Đức Krishna đã miêu tả người đi trên đường này là: “Kẻ đã đặt trọn cuộc đời họ vào trong tay Thượng đế. Họ sống trọn vẹn trong tình thương của ngài và không mong muốn thứ gì khác nữa. Không dục lạc nào của thế gian có thể quyến rũ họ. Không mục tiêu nào của thế gian có thể lay chuyển niềm tin sắt đá của họ đối với Thượng đế”.

Làm sao con người có thể tin tưởng và tôn kính Thượng đế như thế? Làm sao một người còn đầy những ham muốn thấp kém lại có thể đặt trọn cuộc đời vào cái tình thương tuyệt đối đó? Làm sao những người đang chạy đuổi



theo lạc thú của thế gian lại có thể ý thức và tôn sùng đáng Tối cao đến vậy? Pháp môn Bhakti Yoga đã vạch rõ những quy tắc căn bản để giúp con người đi từ chỗ bất toàn đến chỗ hoàn toàn qua những bài học về tình thương. Đó cũng là ý nghĩa câu nói của đức Krishna trong Bhagavad Gita: “Kẻ nào không biết yêu thương, kẻ đó không thể gặp Thượng đế”. Cũng vì lý do đó, Bhakti Yoga đôi khi còn được gọi là Con đường Tình thương vì người đi trên đường này phải tập phát triển để mở rộng lòng yêu thương đến tất cả muôn loài chúng sinh, bởi họ hiểu rằng tất cả đều xuất phát từ Thượng đế.

Lòng yêu thương, dù là yêu thương một người, cũng sẽ gọi lên trong tâm trí một ý niệm về tình thương thiêng liêng. Có thể lúc đầu tình yêu đó chỉ là sự biểu lộ của lòng ích kỷ, nghĩ đến mình nhiều hơn người khác. Nhưng khi bắt đầu yêu thương, người đó sẽ bắt đầu học bài học về sự đau khổ, vì yêu thương là một tiến trình gồm nhiều bài học mà trong đó con người sẽ học được qua yếu tố đau khổ. Nhờ đau khổ, thất vọng mà hành giả sẽ phân biệt được lòng ích kỷ và lòng vị tha để rồi biết từ bỏ sự quyến luyến với tiền tài, sắc đẹp, danh vọng để đi đến tình cảm dành cho đáng Tối cao. Đây là một tiến trình khá dài với những bài học đầy đau khổ, nhưng khi đã học được các bài học này và biết kính yêu Thượng đế, họ sẽ thấy tất cả sự vật đều trở nên mờ nhạt trước sự cao đẹp của đáng Tối cao. Ngây ngất trước sự vinh quang, mỹ lệ của ngài, tâm trí hành giả sẽ dần dần biến chuyển, thăng hoa và chuyển hóa. Khi hiểu được lòng bác ái của Thượng đế, các tài sản vật chất sẽ mất hết mọi giá trị. Khi hiểu được lời dạy bảo đầy tình thương của Thượng đế, mọi giá trị vật chất trở nên thô kệch, tầm thường. Lòng yêu thương Thượng đế sẽ biến đổi trọn vẹn cuộc đời của hành giả vì một khi đã biết rõ ngài, họ sẽ không thể sống mà thiếu ngài được.

Kinh Veda có câu chuyện như sau: Một học trò đến thưa với sư phụ rằng anh ta đã trải qua mấy chục năm tu tập để tìm Thượng đế mà sao vẫn không thấy ngài. Vị sư phụ hứa sẽ dẫn học trò đi tìm ngài vào ngày hôm sau. Sáng hôm đó, ông đưa học trò ra sông tắm. Học trò vừa đến giữa dòng thì ông nhấn chìm học trò xuống nước. Một lúc sau ông kéo học trò lên và hỏi: “Khi ngập nước như vậy con muốn gì?”. Học trò hồn hên trả lời: “Con chỉ muốn thở thôi”. Vị sư phụ bình thản nói: “Nếu con đi tìm Thượng đế một cách khao khát như người ngập nước cần thở, con sẽ thấy ngài ngay thôi”.

Cũng như thế, một người đi trên Bhakti Yoga phải biết phát nguyện sống trọn vẹn với Thượng đế không ngừng nghỉ thì mới có kết quả. Nhưng trong cuộc đời, đã có bao nhiêu người khát khao Thượng đế như vậy? Khi đau

khổ, người ta cầu xin Thượng đế giúp đỡ. Nhưng khi vui sướng thì đa số đều quên ngài ngay. Vì nhân loại không có khát vọng đi tìm Thượng đế như người ngộp nước cần thở nên tuy đi bằng con đường Bhakti Yoga đơn giản như thế nhưng ít ai thành công. Trong Bhagavad Gita, đức Krishna đã nói: “Hầu hết mọi người còn ham muốn tiền tài, danh vọng, sắc đẹp thì sao còn chỗ để Thượng đế ngự trị trong tâm hồn họ nữa!”.

Để giúp một người tiến bộ trên con đường này, các vị sư phụ của Bhakti Yoga đã đưa ra một pháp tu gồm ba giai đoạn căn bản như sau: giai đoạn nuôi dưỡng xác thân, giai đoạn diệt trừ ham muốn và giai đoạn phát triển lòng bác ái để giúp đời.

Trong giai đoạn đầu, hành giả phải tập nuôi dưỡng để xác thân trở nên thanh khiết, từ đó có thể hấp thu các luồng từ điện thiêng liêng của Thượng đế phát ra. Muốn thế, người đi trên đường này phải sáng suốt trong việc chọn lựa những thức ăn tinh khiết hợp với những rung động của tình thương phát xuất từ đấng Tối Cao. Thức ăn tinh khiết là những thứ không gây tổn hại hay đau đớn cho bất kỳ một sinh vật nào. Để có thể thấm nhuần tình thương cao thượng từ đấng Thiêng liêng, người đi trên đường này không thể gây khổ đau cho những sinh vật khác.

Một tu sĩ Bhakti Yoga không bao giờ ăn những thức ăn là kết quả của sự giết chóc vì dùng những thực phẩm ấy sẽ chẳng những làm thân thể họ ô uế mà còn hạ thấp sự rung động của tâm thức khiến họ trở nên ích kỷ thay vì vị tha. Ăn uống các thứ mang tính sát hại là chà đạp lên tình thương. Quy luật đầu tiên của Bhakti Yoga đã ghi rõ: “Thức ăn tinh khiết, tâm trí thanh khiết và luôn luôn nghĩ đến Thượng đế”.

Giai đoạn thứ hai của Bhakti Yoga là diệt trừ mọi dục vọng, ham muốn ngoại trừ nguyện vọng ngưỡng vọng Thượng đế. Muốn thế, người đi trên đường này phải siêng năng cầu nguyện. Cầu nguyện là phương pháp giúp tâm trí họ tập trung vào hình ảnh của Thượng đế để không bị các ham muốn khác lôi kéo. Khi tâm trí họ lúc nào cũng tràn ngập hình ảnh Thượng đế thì không một ham muốn nào khác có thể xen vào được. Nguyện vọng được gần cận, hòa hợp với ngài sẽ tỏa lan khắp thân thể họ, thấm vào mọi tế bào trong họ và các ham muốn vật chất, dù vi tế đến đâu, cũng phải nhường chỗ cho nguyện vọng tha thiết và duy nhất đó. Giai đoạn này đòi hỏi lòng kiên trì thực hành.

Lúc đầu, hành giả Bhakti Yoga luôn cầu nguyện vào những thời khắc nhất định để tạo thói quen. Theo thời gian, họ sẽ cầu nguyện một cách tự nhiên vì đó là một điều bình thường như hơi thở. Sau đó, họ bước qua giai đoạn chiêm bái. Trong đầu óc họ lúc nào cũng có hình ảnh Thượng đế và hình ảnh này sẽ chi phối mọi hoạt động trong đời sống của hành giả. Đây là lúc sự liên hệ giữa hành giả và đấng Tối cao đã được thiết lập và họ sẽ sống trong niềm hân hoan, phúc lạc, an lành. Thân họ tuy vẫn sống nơi cõi trần, nhưng tâm họ đã được bơi lội trong biển tình thương của ngài rồi. Dĩ nhiên người đi trên Bhakti Yoga không tìm lợi lạc cho riêng mình, mà phải biết ban rải ân phước này cho những người xung quanh nữa. Đây là giai đoạn thứ ba, hay sự phát triển lòng bác ái để giúp đời. Quên mình, giúp người cũng là một hình thức tế nhị nhằm diệt trừ lòng ham muốn, ích kỷ vẫn còn tiềm ẩn một cách tinh vi trong tâm thức hành giả. Người đi trên Bhakti Yoga không những sống trong tình thương của Thượng đế mà còn biết trao phát tình thương này ra khắp nơi. Họ ý thức rằng họ đã trở thành một công cụ, một luồng vận hà mà tình thương của Thượng đế chuyển qua đó để ban rải cho những người xung quanh. Đây chính là điều mà Bhagavad Gita đã dạy: “Hãy ban rải ra, hãy cho đi vì ban rải chính là đặc tính của tình thương. Tình thương không đòi hỏi gì hết ngoài sự ban rải khắp bốn phương. Tình thương không có ý nghĩa gì khác hơn việc giúp đỡ người khác. Tình thương chân thật không buộc ai phải trả ơn, đáp nghĩa. Tình thương không cầu xin vui sướng cho riêng mình, mà chỉ xin được tràn lan khắp nơi để tạo hạnh phúc cho muôn loài. Nơi nào không có sự ban rải đó, nơi ấy không thể có chỗ cho Thượng đế”.

Trong cuộc sống hàng ngày, tình thương là một thứ rất hiếm hoi. Khi yêu thương ai, con người thường đòi hỏi được đền đáp. Đó không phải là tình thương mà là một sự tính toán, mua bán, đổi chác được che đậy dưới các danh từ tốt đẹp. Cũng vì thế, các truyền thống tôn giáo thường bị ô uế bởi lòng ích kỷ, lợi dụng của giáo sĩ. Tôn giáo là điều thanh cao, nhẹ nhàng, trong sạch chứ không phải những tính toán lợi hại, những quy luật gắt gao. Chính những kẻ lòng còn đầy tham lam ích kỷ đã bước vào những nơi chốn thiêng liêng rồi biến nơi này thành chỗ buôn thần bán thánh. Chính những tu sĩ bại hoại, lười biếng này đã giảng giải sai lạc các chân lý cao đẹp, biến nó trở thành những tín điều hạn hẹp, khát khe. Tình thương cao cả không bao giờ phân biệt cái này hay cái kia, người này hay người khác, pháp môn này hay pháp môn nọ. Tình thương cao cả không hề phân biệt đúng sai, tốt xấu mà chỉ là những rung động thanh cao được tuôn trào khắp nơi một cách tự nhiên như nước ở trên cao đổ xuống dưới thấp, như nước sông chảy về biển

cả. Tình thương chân thật không bao giờ đòi hỏi hay mong cầu một điều gì khác.

Khi hành giả thanh lọc được phàm ngã ích kỷ, biết thương yêu mọi vật không trừ một ai thì người ấy xứng đáng được hiện diện đáng Tối cao, và đến khi đó, họ sẽ ý thức được chân lý tối thượng rằng Tình thương chính là Thượng đế. Những người thấm nhuần tình thương chính là hình ảnh của Thượng đế vì Thượng đế chính là Tình thương. Đến khi đó, đâu còn gì tách riêng họ và thực thể của họ nữa. Đâu còn gì ngăn cách giữa họ và Thượng đế nữa. Như muôn sông đều chảy vào biển cả, con người tràn đầy tình thương yêu đó cũng trở về nguồn cội của tình thương, trở về với đáng Tối cao. Cái Tiểu ngã nhỏ bé đã được chuyển hóa để hòa nhập vào cái Đại ngã vĩ đại, từ đó hòa với vạn vật. Khi đó hành giả sẽ ý thức rõ rệt rằng nhờ biết tôn sùng, lễ bái, kính yêu Thượng đế và sống trong sự che chở của ngài mà tất cả tế bào của họ trở nên trong sạch, tinh khiết như ngài vậy. Đó là giai đoạn cuối cùng của Bhakti Yoga, giai đoạn hòa hợp với đáng Tối thượng.

Đối với người Ấn, các pháp môn Yoga như Karma, Jnana, hay Bhakti không phải điều xa lạ. Bhagavad Gita là một bộ kinh gần như ai cũng biết nhưng ít có vị sư phụ nào giải thích sự liên hệ giữa các con đường tu bằng các ả nghĩa trong kinh sách một cách giản dị, tự nhiên và mạch lạc như vậy. Phần lớn mọi người chỉ coi Yoga như những phương pháp, kỹ thuật rời rạc chứ ít ai có thể giải thích nó như những pháp môn, con đường khác nhau cùng dẫn đến một mục đích chung. Một số đạo sư đã coi Bhagavad Gita chỉ là một bài trường thi ca tụng đáng Tối cao chứ ít ai chịu đào sâu những lời dạy trong đó để tìm ra những khía cạnh khác.

Việc giảng dạy các ả nghĩa của kinh sách này khiến danh tiếng Satyakam càng ngày càng lan xa. Hiển nhiên, điều này đã làm nhiều vị sư phụ về Yoga khác khó chịu và nhiều người đã tìm đến để đối chất, tranh luận hay thử thách anh. Tuy nhiên, nhờ khả năng đọc được tư tưởng người khác, Satyakam đã từ chối không chịu tiếp họ. Đôi khi, anh cũng khéo léo nhắc nhở họ về con đường mà họ đang đi cũng như những hậu quả mà họ sẽ phải gánh chịu. Anh thường khuyên: “Hãy ý thức rõ việc mình làm, vì bất cứ hành động nào cũng tạo ra những hậu quả tương xứng. Nhân quả là một quy luật tự nhiên có tính cách bất đi bất dịch, nghĩa là không bao giờ thay đổi trong không gian và thời gian. Nó không hề trừng phạt một cách độc đoán mà chỉ tạo ra một hậu quả không thể tránh, tương đương với nguyên nhân đã gây ra nó. Người đi trên đường đạo là người học hỏi các quy luật tự nhiên

này rồi mang ra áp dụng một cách khôn khéo”.

Có lần, một tín đồ đã hỏi:

- Phải chăng đường đạo chỉ là một ý niệm mơ hồ trên lý thuyết?

Satyakam thông thả lắc đầu:

- Không. Đó là một con đường rõ rệt và rất thực tế, nhưng vì đa số đều bị dục vọng lôi cuốn nên không ý thức được nó mà thôi. Hãy thử tưởng tượng vũ trụ này là một ngọn núi rất cao và cuộc đời là con đường quanh co dẫn lên đỉnh núi. Trên đỉnh có một thánh điện nguy nga tượng trưng cho sự toàn thiện vì mục đích của cuộc đời là sự tiến hóa từ thấp lên cao, từ sự bất toàn đến tận thiện. Đa số con người đều lần lữa trên con đường quanh núi, nhưng vì không biết trên đỉnh núi có thánh điện nên họ đi rất chậm, có khi dừng lại nghỉ ngơi, ngắm cảnh. Nói một cách khác, họ chưa hiểu rõ mục đích của cuộc đời. Người đi trên đường đạo là người biết rõ trên đỉnh núi có thánh điện nên thay vì thông thả, nhẩn nha một cách vô ý thức, họ cố gắng đi thật nhanh hoặc cố gắng vạch lối tìm một con đường khác. Dĩ nhiên, có những con đường ngắn hơn, người đi theo lối đó sẽ lên đỉnh núi mau hơn, nhưng nó cũng rất khó đi và có nhiều nguy hiểm hơn con đường thông thường. Đó chính là con đường đạo.

Một tín đồ khác lên tiếng:

- Vậy làm sao để đi trên con đường này một cách an toàn?

- Trước hết, người đó cần có một lý tưởng thanh cao, vì người có lý tưởng là người đã bắt đầu thức tỉnh, bớt tham lam ích kỷ và biết rõ hướng đi của mình. Nhờ biết chú tâm vào đích đến mà họ không bị ngoại cảnh chi phối và có thể đi trọn con đường. Nếu họ có lý tưởng phục vụ, giúp đỡ người khác thì mỗi hành động của họ sẽ là một bước tiến rõ rệt khiến họ có thể đi nhanh hơn người khác. Ngoài ra, người đi trên đường đạo nên giao thiệp, tiếp xúc với những người có cùng mục đích cao cả như mình. Sự giao thiệp với các bậc trí giả này sẽ giúp họ học hỏi thêm nhiều điều lợi ích. Để có thể đi một cách an toàn, hành giả còn cần phải biết áp dụng một số kỷ luật tự giác để tránh các cám dỗ, lầm lạc. Đặc tính chung của kỷ luật này là sự nghiêm khắc với chính mình và khoan dung với người khác.

Một tín đồ khác lên tiếng:

- Như vậy đường đạo và tôn giáo khác nhau thế nào? Satyakam mỉm cười giải thích:

- Tôn giáo là những quy luật về luân lý và niềm tin giúp ta định hướng và tiến bộ trên con đường đạo. Chúng ta nên hiểu tôn giáo theo nghĩa rộng, nghĩa là những gì có sức biến đổi, chuyển hóa tính chất của ta khiến ta trở nên trong sạch và có thể tiến gần đến chân lý hơn. Sống không tôn giáo là sống không nguyên tắc. Mà sống không nguyên tắc thì không khác gì một chiếc thuyền không có bánh lái, sẽ không thể đi đâu được. Không có sự hy sinh nào có thể gọi là quá đáng nếu sự hy sinh đó làm cho tôn giáo hiển hiện một cách mỹ mãn. Mục đích của tôn giáo là giúp mình tự tìm biết được mình, biết được đáng đã sáng tạo ra mình, và hiểu được mọi liên hệ xác thực giữa mình và đáng sáng tạo ra mình. Một khi chúng ta để mất nền tảng luân lý là chúng ta không còn tôn giáo nữa, vì tôn giáo không thể đảo ngược các quy luật luân lý được.

Một người khác lên tiếng:

- Như vậy những kinh sách có giá trị như thế nào?

- Kinh sách không thể vượt qua các quy luật của luân lý và chân lý. Mục đích của kinh sách là tinh luyện lý tính và làm sáng tỏ chân lý.

- Nhưng tại sao lại có quá nhiều tôn giáo như vậy?

- Sự thực là có bao nhiêu người là có bấy nhiêu tôn giáo, nhưng nếu tìm hiểu thật kỹ về các nguyên tắc căn bản thì tất cả mọi tôn giáo đều được xây dựng trên những quy tắc luân lý và đạo đức như nhau. Người nào đã đạt đến sự tận thiện của tôn giáo mình thì tất nhiên cũng đạt đến sự tận thiện của mọi tôn giáo khác vì muôn sông đều đổ vào biển cả. Chúng ta phải biết chấp nhận sự khác biệt của các tôn giáo, bởi lẽ không một người nào giống người nào, và vì còn bất toàn nên trong chúng ta, mỗi người chỉ thấy được từng mảnh rời rạc của chân lý và thấy ở nhiều góc cạnh khác nhau. Sự hiểu biết hay tin tưởng của chúng ta thường không hoàn toàn và chỉ có thể là những bản đồ chỉ dẫn cho chúng ta hành động, cư xử một cách tương đối thôi. Nếu ta bắt người khác phải tuân theo đường lối cư xử hay hành động của ta thì đó là một sự xâm phạm đến tự do ý thức của người khác.

Một tín đồ khác lên tiếng:

- Chúng ta phải gọi tên Thượng đế là Ishvvara, Brahma, Hari hay Ishtar?

- Thượng đế không thể định vị trong một tên gọi hay danh từ giới hạn. Trên đời này có bao nhiêu tên người là Thượng đế có từng đó tên. Do đó chúng ta nên nói rằng Thượng đế vốn không có tên (Vô Danh). Bởi lẽ Thượng đế có nhiều hình tướng nên chúng ta nên xem ngài như không có tướng (Vô Tướng). Bởi lẽ Thượng đế có nhiều cách nói nên chúng ta nên xem ngài như không nói (Vô Ngôn).

- Trong các khóa giảng, ngài thường đề cập đến vấn đề phải làm chủ vị giác và giới hạn việc ăn uống, nhưng trong các kinh sách đâu thấy nói gì đến vấn đề này?

Satyakam đáp:

- Có lẽ vì đây là một quy tắc khó thực hành nên các vị đại hiền triết xưa không nói đến nó chẳng? Chúng ta nên xem vấn đề ăn uống tương tự như việc uống thuốc khi có bệnh, nghĩa là không nên để ý xem nó ngon hay không ngon, mà chỉ dùng vừa đủ cho nhu cầu nuôi dưỡng xác thân mà thôi, uống ít thuốc quá thì sẽ không có hiệu quả, hoặc nếu có hiệu quả thì cũng không đủ liều lượng để trị bệnh; còn ngược lại, uống thuốc nhiều quá thì sẽ có hại cho cơ thể. Tương tự, nếu vì ngon mà ăn nhiều thì có hại cho sức khỏe vô cùng. Chúng ta đều ăn để sống chứ không phải sống để ăn, nhưng ít ai ý thức rằng việc làm chủ vị giác sẽ đưa đến sự tự chủ - một đức tính căn bản của tất cả mọi pháp môn.

Mỗi ngày khi mặt trời vừa mọc, người ta đã kéo nhau đến ngôi đền Kali để tham dự các khóa lễ và nghe giảng về giáo nghĩa. Có những ngày sau cơn mưa lớn, lá cây bị gió thổi rụng đầy sân, Satyakam thường tự mình quét dọn. Một tín đồ thấy vậy đã hỏi:

- Tại sao một bậc Maharaj như ngài lại mất công làm những việc thấp kém như thế? Tại sao ngài không để cho người hầu làm?

Satyakam thân nhiên trả lời:

- Chẳng có việc gì trên thế gian này là thấp kém cả. Tất cả mọi việc đều có tầm quan trọng riêng của nó. Đừng gán cho công việc những giá trị này nọ mà quên rằng ta chỉ đạt đến chân lý bằng cách mở rộng trái tim và ý thức hành động của mình qua những công việc dường như thấp kém hay nhỏ nhất

thế này.

Một người khác lên tiếng:

- Thưa Maharaj, điều ông nói rất hay, nhưng làm sao để những người vẫn còn phải làm việc để mưu sinh có thể áp dụng nó trong cuộc sống?

Satyakam đáp:

- Hãy làm việc như thường, nhưng đừng làm việc như một kẻ nô lệ. Vấn đề ở đây không phải là công việc, mà là thái độ đối với công việc. Hầu như tất cả mọi người đều làm việc một cách không ý thức và rồi thấy chán chường, khổ ải. Tại sao việc mưu sinh lại đem đến kết quả thảm hại như vậy? Phải chăng ta đã làm vì nghĩ rằng việc phải làm như thế? Tại sao ta không thể làm những việc đó trong trạng thái tự do hay làm vì tình yêu thương?

Một người lên tiếng:

- Làm việc vì tình thương ư? Xin ngài hãy giải thích rõ hơn.

Satyakam gật đầu:

- Chữ “tình thương” rất khó hiểu. Tình thương không bao giờ có nếu ta không có tự do. Với những kẻ đang bị áp chế sẽ không có chỗ cho tình thương. Kẻ ấy sẽ làm việc như một nạn nhân chứ không bao giờ làm vì tình thương. Tương tự, nếu chúng ta làm việc một cách miễn cưỡng, thiếu vắng tình thương, thì công việc đó không thể là một công việc thực sự mà chỉ là gánh nặng, cho dù đó là việc ta làm cho những người thân như cha mẹ, vợ con, bạn bè hay cho chính bản thân ta.

Một người khác lại hỏi:

- Phải chăng Maharaj muốn nói rằng chúng tôi không biết thương yêu vợ con?

Satyakam nói:

- Nếu một người đàn ông thương yêu một người đàn bà và muốn cô ta thuộc về mình trọn vẹn, muốn cô ta luôn ở bên cạnh mình, ăn uống và hành



động theo ý mình thì đó không phải là yêu thương mà là sự luyện ái bệnh hoạn của kẻ chiếm hữu nô lệ tưởng lầm là tình yêu đó thôi. Một thứ luyện ái như thế chắc chắn sẽ mang lại đau khổ. Tình thương chân thật không bao giờ có thể đem đến cho người ban rải nó sự đau khổ được. Nó chỉ mang lại sự sung mãn tràn đầy, niềm hạnh phúc, sự bình an mà thôi. Nếu không được như thế thì chắc chắn đó không phải là tình thương mà chỉ là một cái gì được người ta tưởng là tình thương đó thôi. Khi nào anh có thể yêu vợ con, họ hàng thân thuộc, hay trọn vẹn thế giới, yêu mà không hề đau khổ, ghen tuông, ao ước một cái gì cho mình hay đòi hỏi được đáp lại, thì anh mới có thể nói rằng anh yêu thương thật sự. Trong kinh Rig Veda, đức Krishna đã nói: “Này Arjuna, hãy nhìn Thượng đế. Nếu ngài chỉ ngừng hoạt động một giây thôi thì cả vũ trụ này sẽ tan rã. Ngài có lợi lạc gì trong việc đó đâu, thế tại sao Ngài lại phải làm như thế? Không phải vì Ngài yêu thương thế gian này hay sao?”. Thượng đế không đòi hỏi chúng ta điều gì cả vì ngài yêu thương chúng ta. Tình thương thật sự không thể nào có sự gấn bó, đòi hỏi hay mong cầu. Nơi nào có sự bám giữ, mong muốn hay đòi hỏi thì ở chỗ đó chỉ có sự đổi chác, mua bán trên phương diện vật chất. Nếu sự mua bán này không được như ý thì đau khổ phát sinh. Tình yêu thật sự không bao giờ căn cứ trên sự luyện ái vật chất vì những người thực sự yêu nhau, dù có xa cách chân trời góc biển, tình yêu đó cũng không bao giờ phai nhạt và không bao giờ gây đau khổ cho nhau.

- Nhưng trên đời này mấy ai có thể bình thản như thế? Satyakam gật đầu:

- Đúng thế, muốn có thái độ bình thản, chúng ta phải bỏ công tu tập, có khi bài học này kéo dài nhiều đời nhiều kiếp. Khi đã đạt được trạng thái đó, hay có thể yêu thương thật sự, chúng ta sẽ nghiệm ra được thế nào là tự do tuyệt đối. Lúc đó không còn những gì gấn bó, giam giữ hay lôi cuốn nữa! Khi ấy cái ách nô lệ từ trước đến nay vẫn đặt trên vai chúng ta sẽ tự nhiên biến mất, chúng ta sẽ không tùy thuộc vào sự việc và sẽ không lưu ý đến kết quả hành động của chúng ta nữa.

Một người khác phản đối:

- Nhưng đối với các con của tôi, dù yêu thương chúng, tôi cũng có quyền mong mỏi ở chúng một sự biết ơn chứ. Tôi đã hy sinh rất nhiều cho chúng kia mà.

Satyakam lắc đầu:

- Phải chăng anh vẫn còn mong muốn các con sẽ phải làm một cái gì đó để đền bù lại sự hy sinh của anh? Anh hãy nghĩ cho kỹ xem đó là tình thương hay là một sự mua bán, đổi chác được che giấu dưới các danh từ tốt đẹp? Tình thương chân thật là cho đi mà không đòi hỏi gì trở lại. Nay anh bạn, nếu các con anh không đền đáp được điều anh mong mỏi thì anh sẽ ra sao? Phải chăng anh sẽ đau khổ vô cùng? Như thế có phải là tình thương không? Tình thương chân thật là cái có thể giải thoát ra khỏi mọi đau khổ, luyện ái chứ không thể gây đau khổ cho ta được. Việc của anh là nuôi dưỡng, dạy dỗ và thương yêu các con.

Còn việc chúng sẽ đối xử với anh ra sao không phải là điều anh cần lưu tâm. Dù muốn, anh cũng không thể bắt buộc chúng phải hành động như ý anh mong cầu. Cũng như thế, trong việc làm, dù làm cho cá nhân nào, công ty nào, thành phố nào hay quốc gia nào, anh cũng phải có thái độ tự do tương tự. Anh đừng bao giờ đòi hỏi được đền đáp, vì anh nên ý thức rằng anh chỉ là người ban rải tình thương mà thôi. Nếu điều anh cho đi là một tặng phẩm thuần túy không cầu được đáp đền thì công việc của anh sẽ thoải mái biết bao. Hãy suy nghĩ cho kỹ. Phải chăng chúng ta chỉ tha thiết với kết quả khi nào ta chờ đợi sự đền bù nào đó? Chính cái ước ao, mong cầu đó đã khiến ta trở thành nô lệ cho việc làm; tình trạng nô lệ này đã phá bỏ tự do sẵn có và mang lại khổ đau.

Ngưng lại giây lát cho mọi người suy nghĩ, Satyakam tiếp tục:

- Nếu các hoạt động nô lệ khiến chúng ta trở nên ích kỷ thì các hoạt động tự chủ sẽ đem lại cho ta sự an lạc và tự do. Chúng ta thường nói đến quyền hạn và công lý, nhưng trên thế giới hiện nay, những danh từ đó đều trống rỗng. Có hai động lực điều khiển đời sống con người: bạo lực và tình thương. Bạo lực là ích kỷ, là áp chế, vì ai cũng muốn lợi dụng triệt để quyền hạn của mình để làm những điều mình muốn mà không hề đếm xỉa gì đến người khác. Tình thương thì ngược lại: nó chỉ quan tâm đến người khác thôi vì người ban rải tình thương là người đã có tất cả, không mong cầu ao ước chi nữa. Chỉ những người thật sự có đời sống nội tâm phong phú mới có thể ban rải tình thương một cách vô tư cho những người khác. Một việc làm không thể thay đổi một người đã biết sống đời vị tha, như nước không thể làm ướt lá sen. Con người vị tha, không màng danh lợi, có thể sống giữa nơi bùn lầy nước đọng, tối tăm tội lỗi mà vẫn an nhiên vì tội lỗi không thể làm ô uế người đó được. Các ông đã quên câu chuyện trong cuốn Marabarata nói về trận đánh Kuruk Ashera rồi sao?

Truyện kể: “Sau trận đánh khốc liệt này, năm anh em nhà Padava mở tiệc ăn mừng và cho tổ chức một buổi lễ bố thí rất lớn<sup>[4]</sup>. Gia tộc Padava đã mang tất cả vàng bạc, châu báu trong kho ra chia đều cho những người nghèo khổ trong nước. Dân chúng xếp hàng để nhận lấy ngọc ngà châu báu mà gia tộc Padava ban phát trong suốt ba tháng liền. Ai ai cũng ca tụng lễ bố thí lớn chưa từng có này. Khi kỳ lễ vừa chấm dứt, một con chồn có bộ lông nửa xám nửa vàng rất kỳ lạ ở đâu đi đến. Nó đi vòng quanh bàn tiệc rồi nói: ‘Đây không phải là sự bố thí vĩ đại chưa từng thấy đâu!’ Một người trong gia tộc Padava nổi giận:

‘Mi nói sao? Đây không phải là một lễ bố thí lớn nhất ư? Mi có biết gia tộc Padava đã bỏ ra mấy vạn cỗ xe vàng xe bạc, cùng hàng trăm rương ngọc ngà châu báu để phát chẩn cho người nghèo không? Mi có biết số người trong nước sẽ sống no ấm, đầy đủ cơm áo trong mấy chục năm nữa nhờ lễ bố thí này không?’. Con chồn trả lời: ‘Cái đó chẳng có nghĩa gì cả. Để tôi kể cho các ông nghe về lễ bố thí vĩ đại: Tại một làng kia, có một gia đình gồm hai ông bà lão, người con trai và người con dâu. Họ sống nghèo nàn, đơn giản và dành nhiều thời giờ đọc các sách về đạo lý. Gặp lúc chiến tranh kéo dài, họ sống bữa đói bữa no, khổ sở muôn vàn nhưng không hề than van. Năm đó, vụ lúa vừa đến thì lại gặp bão lớn, mùa màng thất thu. Dân làng không có gì ăn, gia đình kia cũng phải nhịn đói hơn một tuần lễ. Sau cùng, họ đã bán tất cả mọi thứ trong nhà để đổi lấy một bát lúa. Ông lão nấu cơm rồi chia đều làm bốn phần cho mọi người trong gia đình. Khi họ sắp ăn cơm thì có tiếng gõ cửa rồi một vị tu sĩ Bà La Môn đến nhà khát thực. Là một tín đồ sùng kính, ông lão bèn nhường phần ăn của mình cho khách. Vị tăng ăn xong rồi nói:

‘Ông cho tôi ăn như vậy là giết tôi rồi. Suốt mười hôm nay tôi không có một hột cơm trong bụng, ăn một bát cơm nhỏ như vậy khiến tôi đói thêm’. Bà vợ nghe thế bèn cứng đờ phần ăn của mình. Tu sĩ kia ăn xong vẫn còn thèm nên người con trai lấy phần của mình dâng cho vị tu sĩ. Ông này vẫn chưa no, ăn nốt luôn phần của người con dâu dâng cúng. Ăn xong, tu sĩ làm phép ban ơn huệ rồi bỏ đi. Đêm đó, cả gia đình kia đều chết đói. Lúc tôi đi kiếm ăn qua cửa nhà đó, tự nhiên một nửa bộ lông của tôi trở nên vàng chói sáng rực. Từ đó tôi đi khắp thế giới để tìm một sự hy sinh lớn lao như thế nữa mà không gặp. Không một nơi nào có thể làm cho phân nửa bộ lông màu xám của tôi trở nên vàng rực như phần kia. Thế mà các ông tự hào là đã bố thí rất nhiều, đã giúp đỡ rất nhiều rồi sao?’”.

Satyakam kết luận:

- Thế giới ngày nay có đầy đủ mọi thứ, nhưng cũng đầy rẫy khổ đau. Cái mà nhân loại cần là tình thương và chỉ trong sự ban rải tình thương này, ta mới đạt được bình an, phúc lạc.

\*\*\*

Thấm thoát, Puram đã lên năm. Là một đứa bé thông minh, cậu chỉ cần cha mẹ dạy một lần là hiểu ngay. Hàng ngày, Puram theo mẹ trông nom các nghi lễ trong đền. Cậu bé ngồi im lặng tham dự các khóa lễ. Nhiều người thấy thằng bé dễ thương, muốn đến ôm thì Puram lảng tránh. Puram chỉ thích ngồi yên lặng một mình nên người ta thì thầm rằng hẳn cậu phải là một hành giả Yoga tái sinh. Cuối năm đó, Satyakam cho cử hành nghi lễ nhập môn để truyền dạy riêng cho con. Anh dạy con tập đọc, tập viết và tụng những bộ kinh phổ thông của Ấn giáo. Thỉnh thoảng, anh cũng cho con tham dự những buổi giảng về giáo nghĩa. Puram sáng dạ, lại hiếu học. Cậu bé luôn luôn tìm cơ hội học hỏi thêm nên trong các buổi giảng, cậu đặt những câu hỏi hoặc nêu vấn đề mà cậu còn thắc mắc. Mặc dù tuổi nhỏ nhưng những câu hỏi của Puram đặt ra đã làm nhiều người lớn tuổi phải ngạc nhiên và thán phục. Một hôm trong khóa giảng, Puram hỏi:

- Xin Maharaj nói rõ hơn về việc tu học và người ta cần học hỏi những gì?

Satyakam mỉm cười nhìn con:

- Con hãy lắng nghe đây. Tu học là học hỏi về các quy luật tự nhiên sẵn có trong vũ trụ. Các quy luật này được đặt ra với mục đích hướng dẫn con người tiến đến sự toàn thiện và an lạc. Không ai có thể đạt đến sự toàn thiện mà không thông suốt các định luật bất di dịch này. Theo quy luật tự nhiên, tất cả mọi sinh vật đều có cùng một nguồn gốc như nhau, vì cùng phát sinh từ một đấng Sáng tạo duy nhất. Do đó, vì lợi ích chung cho toàn thể và cũng vì hạnh phúc riêng cho mỗi cá nhân mà con người phải biết thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau trong tình anh em một nhà. Hãy lấy tình thương đối đãi với nhau. Đừng phân chia chủng tộc, màu da, nam nữ hay tôn giáo. Tình thương là mối dây liên kết các dân tộc, tôn giáo, chủng tộc, quan niệm và tạo lập một nền tảng xã hội xây dựng trên căn bản tình thương.

Puram cúi đầu suy nghĩ rồi hỏi tiếp:

- Như vậy nền tảng của xã hội hiện nay là gì?

- Xã hội hiện nay đã suy thoái rất nhiều so với thời hoàng kim ngày trước. Hiện nay, nó đặt căn bản trên lòng ích kỷ dưới muôn vàn hình thức khác nhau, nhất là quyền lợi cá nhân. Người ích kỷ lúc nào cũng tỏ ra hung bạo, nghiệt ngã vì chỉ biết sống cho mình. Họ vừa là nô lệ, vừa là nạn nhân của tham vọng. Lúc nào họ cũng khao khát đủ thứ, thấy gì cũng muốn vơ vét, nhìn vật nào cũng muốn thu giữ để thỏa mãn lòng tham, bản năng, dục vọng và lòng kiêu hãnh. Vì quyền lợi cá nhân mà người này tranh giành với người kia, giai cấp này đố kỵ với giai cấp khác, và sự tranh giành này chính là nguyên nhân của mọi sự bóc lột, lợi dụng, chia rẽ, xung đột, gây gổ, thù hận, hiềm khích. Khi các gia đình đều ích kỷ thì cả xã hội trở nên tồi tệ, đầy hận thù. Khi các dân tộc ích kỷ thì nước này sẽ chống đối nước kia, chủng tộc này chống chủng tộc nọ, rồi gây nên xung đột, chiến tranh.

- Thưa cha, như vậy không thể nào có tình thương ở trái đất này hay sao?

- Tình thương thường hiện diện nơi những tâm hồn biết hướng thượng, nhưng nó chưa ăn sâu trong lòng mọi người để có thể diệt trừ lòng ích kỷ, hay khiến con người biết tôn trọng lẫn nhau qua các mối giao thiệp giữa cá nhân, quốc gia hay xã hội. Mặc dù đã có những tổ chức từ thiện, xã hội được thành lập để thúc đẩy việc giúp đỡ lẫn nhau, nhưng người ta chỉ coi đó như lòng hảo tâm chứ chưa hẳn là tình thương thực sự.

- Như vậy tình thương phát sinh từ đâu?

- Tình thương phát sinh từ trong gia đình dưới hình thức tình thương yêu giữa cha mẹ, vợ chồng, con cái, anh em. Trong không khí đầm ấm dịu dàng của gia đình, những đức tính tốt sẽ được nảy nở, vun bồi và mở đường cho cách xử thế cao thượng đẹp đẽ về sau. Đời sống gia đình chuẩn bị cho đời sống xã hội và gia đình là nền tảng của tình thương. Tuy nhiên, khi người ta phủ nhận cái căn bản gia đình đó mà chú trọng vào một tập đoàn hay một cá nhân thì cái căn bản của tình thương đã bị thay thế bằng những tham vọng hay ích kỷ cá nhân. Hậu quả là cả một xã hội sẽ dần suy thoái, tạo mầm mống cho sự đau khổ, thù hận, chiến tranh và bạo động.

- Theo cha thì con phải làm gì? Satyakam âu yếm nhìn con:

- Bằng cách làm gương tốt qua lời nói và hành động của mình, con hãy lo tu học, trau mình, sửa đổi, luyện tính ngay thẳng, tôn trọng sự công bình.

Con cần hiểu rằng cách duy nhất để tiêu diệt sự tai hại của tính ích kỷ là sự thực hành tình thương yêu, không những cho những người thân của mình mà đến tất cả muôn loài chúng sinh.

Trong một buổi giảng khác, Puram đặt câu hỏi:

- Xin Maharaj nói rõ hơn về vũ trụ và các định luật của nó.

Mọi người đều kinh ngạc vì một câu hỏi trừu tượng như vậy thường chỉ phát xuất ở những người lớn tuổi. Satyakam thông thả giải thích:

- Nay Puram, con hãy lắng nghe đây. Vũ trụ là biểu hiện của sự sống. Trong vũ trụ, không có sự sống nào mà không có vật chất và không có vật chất nào mà không có sự sống. Danh từ “vật chất” ở đây phải hiểu theo nghĩa rất rộng chứ không phải vật chất mà giác quan thông thường của chúng ta có thể nhận biết.

Puram suy nghĩ một lúc rồi hỏi:

- Như thế trước khi vũ trụ được tạo lập thì có những gì? Satyakam trả lời:

- Chỉ có tinh thần (spirit) hay hơi thở của Thượng đế và vật chất (material) nguyên thủy hay không gian. Vật chất nguyên thủy vốn bất động và không có hình dáng, nhưng nhờ sự sống nhập vào nó, truyền cho nó những đặc tính cần thiết mà nó trở nên sống động và có hình dáng, sắc tướng. Đó là sự Sáng tạo.

- Sự sáng tạo xảy ra như thế nào?

- Kinh sách của Ấn giáo nói đến sự hiện diện của huyền âm OM và chính âm thanh này đã tạo ra vạn vật. Âm thanh nhập vào vật chất làm cho vật chất rung động và sự rung động này chính là năng lượng của tạo hóa, sinh ra muôn loài.

Một tín đồ rụt rè lên tiếng:

- Vậy có cách nào chứng minh các năng lượng này không? Satyakam gật đầu:

- Khi người ta khảy chiếc đàn đặt trên một lớp cát mỏng, sự rung động

của âm thanh sẽ làm cho lớp cát xáo trộn, xếp thành những đường, những góc cạnh và thành các hình kỷ hà<sup>[5]</sup>. Đức Krishna đã chẳng nói trong Bhagavad Gita rằng: “Thượng đế sáng tạo thế giới theo nguyên tắc kỷ hà” đây sao? Chính sự rung động này đã tạo ra những vật thể, hình hài, sắc tướng và trải qua những thay đổi, sự sống tiếp tục hiện diện xuyên qua vô số hình hài, sắc tướng đó. Các hình hài, sắc tướng có thể thay đổi, sinh ra, trưởng thành rồi hủy hoại, nhưng sự sống vẫn trường tồn. Tóm lại, sự sống và sự chết, tăng trưởng và hư hoại, biểu hiện và lụi tàn, chỉ là những biến chuyển của sự sống xuyên qua vật chất. Nhờ sự chuyển biến ấy, các hình thể trở nên hoàn hảo và sự sống cũng nhờ đó mà trở nên mạnh mẽ, sinh động hơn. Ta có thể nói các sắc tướng là sự biểu lộ trạng thái sung mãn của sự sống tiềm ẩn bên trong. Đó là nguyên tắc của hai định luật trong vũ trụ: sự tăng trưởng, cải thiện để hoàn hảo hay Luật Tiến Hóa và sự thay đổi, hóa sinh trong vô số hình hài, sắc tướng hay Luật Luân Hồi. Nếu không có sự sống, vật chất bất động; với sự sống, vật chất sinh động. Dĩ nhiên lúc bắt đầu, sự sống còn thô sơ, lộn xộn chưa hoàn hảo, nhưng nhờ phát triển mà nó dần dần trở nên điều hòa. Ba yếu tố Tĩnh, Động và Điều Hòa là ba đặc tính (gounas) của vật chất. Mọi vật chất đều ở một trong ba trạng thái nói trên. Vũ trụ thay đổi dựa trên những định luật bất di dịch với một nguyên tắc chính: “Tất cả những gì phát sinh từ Thượng đế sẽ phải về với Thượng đế” và mục đích chính của kiếp người là làm sao để trở về với Thượng đế chứ không gì khác. Vũ trụ là một thể duy nhất, tương đồng, bao la và tràn đầy sự sống. Các hình hài, sắc tướng trong đó nhiều vô kể và dĩ nhiên khác nhau rất nhiều. Có thể nói rằng đó là hàng triệu tia sáng phát xuất từ một điểm linh quang tỏa lan ra khắp trời. Đó cũng là mật nghĩa của câu “vạn thù trong nhất thể”, “sai biệt trong đại đồng”.

Satyakam ngưng một lát như để Puram và mọi người suy nghĩ rồi tiếp tục:

- Khi không tin những định luật vũ trụ như luân hồi, nhân quả hay tiến hóa mà cho rằng đời người chỉ ngắn vồn vện trong một kiếp sống, người ta sẽ không bao giờ hiểu được các vấn đề trọng đại như sự sống và sự chết. Cũng vì thế, nhiều người đã sợ hãi sự chết vì chết là hết, là chấm dứt tất cả, là một cơn ác mộng kéo dài, là những hình phạt ghê gớm. Hiển nhiên qua sự suy luận của lý trí, nhiều người đã phủ nhận những điều này cũng như họ đã phủ nhận Thượng đế. Họ sẽ không bao giờ có thể giải thích câu hỏi: “Con người sinh ra để làm gì?”. Tóm lại, vì tin rằng đời người chỉ có một kiếp thôi nên họ đã sống bừa bãi, chỉ lo hưởng thụ, chạy theo các dục vọng đê hèn, ích kỷ. Nhờ học hỏi các định luật vũ trụ mà chúng ta ý thức được sự thay đổi,

tiến hóa của vạn vật, cũng như tính chất tạm thời khi một sự sống vô biên khoác lấy vỏ bọc của các yếu tố vật chất. Nếu xét trên khía cạnh vật chất, đời sống chỉ cho chúng ta một vài phút giây ngắn ngủi, nhưng khi đã biết nhìn nó qua khía cạnh tinh thần, ta sẽ thấy đời sống là một trường học giúp chúng ta rèn luyện phần tinh thần, đưa chúng ta hướng tới Chân, Thiện, Mỹ hay trở về với Thượng đế. Nhờ hiểu biết mà con người biết rằng họ phải tự phát triển và giúp đỡ những người khác. Khi đã chuyển hóa, thăng hoa lên bình diện cao cả đó, con người sẽ thấy rằng các suy luận, tính toán, bận rộn ngày trước vốn ích kỷ, cận hẹp biết bao, và nhờ thế các mối lo âu, buồn rầu sẽ bị thay thế bởi niềm an lạc, hạnh phúc vô biên. Nhờ hiểu biết mà ta có thể vượt qua các đám mây mù để quan sát sự vật một cách chính xác. Nhờ đã thay đổi tâm thức, biết nhìn từ trên cao xuống mà mọi việc hiện ra đúng với bản chất hơn và dĩ nhiên khác hẳn cách nhìn thiên cận của ta từ trước vốn chỉ quanh quẩn, chật hẹp. Nhờ biết như thế mà ta dần dần biết vứt bỏ cái bản ngã thấp hèn cùng các thành kiến, ảo tưởng, hay cái nhân sinh quan sai lạc trước kia để bước lên một bình diện cao thượng, tốt đẹp, công bình. Đời sống khi đó sẽ là một ân sủng vì khi đã tiến cao hơn, ta dễ thông cảm với mọi người và nhờ thế tình thương sẽ được khai mở rộng rãi.

Năm tháng trôi qua, Puram đã tiến bộ rất nhiều. Cậu đã thuộc lòng các bộ kinh phổ thông của Ấn giáo cũng như những câu chuyện nói về cuộc đời của các bậc thánh nhân. Cậu đọc rất nhiều và thường đặt những câu hỏi mà đôi khi cha mẹ cũng phải giật mình ngạc nhiên. Puram càng lớn càng thông minh, khiến Bhairavi không khỏi hãnh diện về con. Satyakam thường mỉm cười mỗi khi thấy Bhairavi khen con. Anh nhẹ nhàng nói:

- Nay Bhairavi, Puram là một linh hồn đã tiến hóa rất cao. Nó có khả năng lựa chọn cha mẹ và đến với chúng ta với mục đích để học hỏi thêm mà thôi.

Bhairavi then thừng:

- Em cũng biết thế nhưng là một người mẹ, em có quyền hãnh diện về đứa con của mình chứ!

Satyakam lắc đầu:

- Em đừng nên nghĩ rằng con thuộc về em vì em sinh ra con, mà chỉ nên nghĩ rằng em được giao phó nhiệm vụ trông nom, săn sóc con mà thôi. Một ngày kia, Puram sẽ rời xa em và đi trên đường riêng của nó. Em chớ quên



luyện rồi thất vọng.

Bất chợt Bhairavi nghiêm trang hỏi:

- Phần anh thì sao? Chắc chắn có ngày anh cũng sẽ ra đi vậy?

Satyakam thông thả gật đầu:

- Em nói đúng. Ta đã nghĩ đến ngày ta phải đi nốt quãng đường mà ta phải đi để hoàn tất nguyện vọng tối hậu của mình. Khi ta hoàn tất trách nhiệm trông nom săn sóc Puram, ta sẽ lên đường.

Bhairavi định nói gì rồi lại thôi, nhưng Satyakam đã đọc được tư tưởng đó:

- Em nghĩ đúng. Mỗi kiếp sống, mỗi chặng đi đều là một bài học quan trọng trên con đường phát triển và tiến hóa của mỗi người. Khi đã xong một bài học rồi thì phải tiếp tục lên đường để tiếp thu những bài học khác. Nếu cứ bám víu, quyến luyến thì chỉ tự mình ràng buộc lấy mình một cách không cần thiết mà thôi.

Bhairavi gật đầu thông cảm:

- Như vậy anh sẽ rời bỏ cõi trần này hay sao?

- Có lẽ ngày cuối đời của ta không còn bao xa nữa đâu. Bhairavi lặng ngẫm khuôn mặt trang nghiêm của Satyakam một lúc rồi nói:

- Em không bao giờ nghĩ nó sẽ kết thúc như vậy, ít ra... Cô xúc động không nói tiếp được nữa, Satyakam âu yếm nhìn Bhairavi một lúc rồi thông thả nói:

- Trước sau gì ai cũng phải ra đi. Chúng ta đến cuộc đời này một mình thì khi ra đi cũng vậy thôi. Là người đi trên đường tinh thần, chúng ta đã biết rõ mục đích của cuộc đời là để học hỏi, trải nghiệm và biết tuân theo các quy luật tự nhiên. Luật tự nhiên đã định như thế thì cưỡng lại có ích gì đâu? Ta sẽ ra đi nhưng Puram sẽ trông nom săn sóc cho em. Ngoài ra, em sẽ trở về nương tựa với Mataji - sư mẫu của em nữa...

Bhairavi xúc động:

- Nhưng... nhưng tại sao anh chỉ lo cho sự giải thoát của anh mà không nghĩ đến sự giải thoát của em...

Satyakam nhẹ nhàng đưa tay vuốt tóc Bhairavi:

- Việc giải thoát của em sẽ đến thông qua Puram. Con sẽ đạt được mục đích và sẽ giúp đỡ em.

- Nhưng... tại sao anh không giúp được em? Satyakam im lặng một lúc rồi trả lời:

- Ta có thể làm được việc đó nhưng duyên nghiệp giữa ta và em không phải như vậy. Chúng ta đến với nhau để học hỏi, để tiến hóa, để trải nghiệm và hiện nay chúng ta đã hoàn tất việc đó. Duyên nợ giữa hai chúng ta sẽ chấm dứt thì chẳng nên ràng buộc thêm làm gì. Hẳn em biết rõ đây chỉ là sự chia tay trên phương diện vật chất mà thôi. Em hãy can đảm vì duyên nghiệp đã xong thì quyền luyến chỉ gây trở ngại cho việc tiến hóa của chúng ta.

Đêm hôm đó, Bhairavi đang ngủ bỗng thấy cánh cửa phòng mở tung rồi một luồng ánh sáng chiếu vào chói lọi. Trong luồng ánh sáng đó, cô thấy Mataji - sư mẫu của cô - xuất hiện. Bà đưa hai tay ra như chào đón. Cô mừng rỡ kêu lớn: "Mataji! Mataji!..." rồi giật mình thức dậy. Thì ra đó là một giấc mơ. Cô toan gọi Satyakam để kể cho anh nghe nhưng không thấy anh đâu cả. Bhairavi bước vội ra khỏi giường, chợt thấy Satyakam đang ngồi xếp bằng trên chiếc ghế kê gần cửa sổ. Anh mỉm cười:

- Phải đấy Bhairavi, sư mẫu của em đang gọi em đấy.

- Phải chăng đã đến lúc em phải trở về với sư mẫu của em?

- Đúng thế! Bà biết trước sự liên hệ giữa ta và em đã đến lúc chấm dứt nên gọi em trở về với bà.

- Sư mẫu biết rõ mọi việc.

- Bà muốn chúng ta đến Calcutta vào ngày trăng tròn sắp tới.

Ngày hôm sau, Satyakam triệu tập mọi người và tuyên bố rằng anh, Bhairavi và Puram sẽ rời Kadambini để đi gặp Mataji tại Calcutta và sẽ không trở về đây nữa. Nhân dịp này, anh cũng giảng dạy bài học cuối cùng:

“Con người cần ý thức rõ ràng đời sống còn có một cái gì cao đẹp, mỹ lệ hơn là những tranh đua, tính toán, hơn thiệt, được thua. Trong vũ trụ lúc nào cũng vang rền những âm thanh cao đẹp, thánh thiện, nhưng vì con người quá mãi mê đến những chuyện vắn vớ, lo toan những điều này nọ, nên âm thanh đó chỉ lướt qua tai họ trong khoảnh khắc chứ không thấm nhuần vào tâm họ được. Khi nghe được âm thanh này, họ thấy nó hay, nó đẹp biết bao, nhưng họ lại bỏ qua vì còn mãi lo toan những chuyện khác. Cũng như thế, con người đến các nơi thờ phượng tôn nghiêm, đọc các kinh sách thâm diệu và tự nhủ sẽ sống theo tinh thần đó, nhưng chỉ vài giây sau, khi họ quay qua bàn tán những đề tài thời sự hay những lo toan của cuộc đời, thì những tư tưởng thanh cao kia đều biến đi đâu mất hết. Đa số các tín đồ đều nghĩ rằng mình thực sự thiết tha với những lý tưởng cao đẹp, nhưng thực ra họ chỉ hiếu kỳ mà thôi. Họ đến với tôn giáo vì truyền thống sẵn có, vì thói quen hay vì đó là nơi họ cảm thấy thoải mái, chứ không thực sự ý thức gì về sự cao thượng và mục đích tôn giáo. Sở dĩ họ hành động như thế là vì họ thiếu niềm tin vào con đường mà họ muốn theo đuổi. Đa số dễ nản lòng, thoái chí và không có can đảm sửa bỏ các tập quán, thói quen của mình. Khi vừa gặp trở ngại đầu tiên, họ đã rút rè chùn bước. Họ sợ người này chê cười, lo người kia chế nhạo, và rồi chỉ dám hành động theo dư luận, mặc dù trong tâm họ biết điều đó không chính đáng. Cũng vì thế mà số người đến tham dự các nghi lễ tôn giáo, các buổi giảng dạy về giáo lý tuy nhiều nhưng số người tiến bộ chẳng được bao nhiêu. Con người cần phải thay đổi nếp sống mơ hồ này nếu họ thực sự muốn tiến bộ. Mục đích của các buổi điếm đạo truyền pháp cho người nhập môn là tạo một con người mới với những tập quán hay thói quen mới, để biến đổi cả tâm lẫn trí người đó. Người có lý tưởng là người luôn giữ gìn mức định đó trong tâm, lúc nào cũng suy gẫm về điều mình theo đuổi, thấy rõ kết quả mà họ mong sẽ đạt được, và cương quyết đi trọn con đường. Họ phải biết tuân giữ những định luật bất biến trong vũ trụ và không bao giờ quên rằng chân hạnh phúc - một phần thưởng quý báu - chỉ đến sau khi họ đã vượt qua thử thách mà thôi.

Trong mọi truyền thống tôn giáo, sự biết mình là căn bản quan trọng nhất. Chính vì không biết mình mà nhiều người đã chạy theo những lời hứa hẹn đường mật, những trò bịp bợm. Sự tự biết mình đòi hỏi một công phu tu tập quán chiếu, để phản ánh trung thực các ý tưởng, các điều sâu kín ẩn náu trong nội tâm, chứ không phải điều mà người ta có thể tìm thấy trong sách vở, dù là sách gì chẳng nữa. Nhờ đó, người ta sẽ đạt đến tâm trạng ‘minh triết trong tâm hồn’ và từ đó họ có thể vận dụng hợp lý các kiến thức thu tập được. Mọi truyền thống tôn giáo, dù cao siêu đến đâu, cũng quy về con

người và những gì ta hiểu biết về chính ta. Nếu không tự biết mình, ta không thể biết cái gì khác được, có chăng chỉ là cảm giác tưởng mình đã biết. Sự liên quan giữa con người và Thượng đế đòi hỏi sự biết mình. Chỉ khi ta biết mình là ai, câu trả lời về Thượng đế sẽ đến một cách rõ ràng hơn bao giờ hết.

Hiện nay, đa số tôn giáo không còn giúp con người biết mình hay biết đến mối liên hệ giữa họ và Thượng đế nữa vì chúng đã bị thay đổi quá nhiều. Trước hết, một tôn giáo phát sinh qua một nhân vật đã giác ngộ hay được mặc khải. Người này thường giảng dạy những điều họ nhận biết cho một số người khác. Những người hiểu được điều này sẽ trở thành đệ tử của vị đó và giúp vị đó truyền bá tư tưởng khắp nơi. Đa số các giáo chủ đều có những sứ mệnh nhất định là truyền bá chân lý dưới một hình thức hợp tình, hợp lý, hợp cảnh và hợp thời. Tuy nhiên, họ không phải là một quyền năng riêng biệt mà chỉ là một công cụ của Thượng đế. Sứ mạng của họ là ban rải những hạt giống chân lý để chúng đơm hoa kết trái khắp nhân loại. Khi công việc hoàn tất, các đảng giáo chủ đó rời bỏ thế gian và sau đó, một tôn giáo được thành lập. Lịch sử cho thấy không một đảng giáo chủ chân chính nào lại lo thiết lập một tôn giáo khi các ngài còn sống cả. Các ngài đến với nhân loại để giảng dạy chân lý, chứ không phải thành lập một tổ chức hữu hình nào. Tổ chức chỉ được tin đồ dựng lên sau khi các ngài viên tịch mà thôi. Những người này kết hợp thành một đoàn thể để sống với chân lý đó và quảng bá chân lý đó đến những người khác.

Một tôn giáo thường rất cao đẹp trong một quãng thời gian nào đó sau khi vị sáng lập từ trần, nhưng rồi theo thời gian, nó thay đổi, sa sút và dần trở thành một mớ đứn tin lộn xộn, kỳ bí, đượm màu mê tín dị đoan. Các giáo sĩ thường tranh giành quyền lợi, công kích lẫn nhau về điều mà đảng giáo chủ đã chỉ dạy. Họ đòi độc quyền diễn giảng các điều này dựa trên cách hiểu của riêng họ và ai cũng cho rằng chỉ mình mới đầy đủ thẩm quyền, chỉ mình mới có thể giải thích một cách chính xác những lời giảng dạy của đảng giáo chủ đó. Đa số các linh ảnh, các điều tiết lộ nguyên thủy của đảng giáo chủ bị xuyên tạc, thêm bớt, sửa đổi hoặc suy diễn sai lạc bởi các giáo sĩ dốt nát hay quá nhiệt tâm trong việc phát triển tổ chức. Từ đó, tinh hoa tôn giáo dần dần trở nên suy kiệt. Theo thời gian, nền tảng tôn giáo rạn nứt và phân tách ra hàng trăm, hàng ngàn tông phái khác nhau. Hiển nhiên chúng sẽ bị đào thải vì không một tôn giáo nào có thể trường tồn, chỉ có chân lý hay sự thật mới tồn tại đời đời mà thôi.

Tuy nhiên, con người vẫn cần có một tôn giáo. Nếu họ không thể chấp

nhận một tôn giáo hiện hữu thì họ vẫn phải xây dựng một mối liên quan nào đó giữa mình và Thượng đế. Nhịp cầu thông cảm này phải là một thứ ‘tôn giáo có tính cách cá nhân’ được đặt ra để tạo mối liên lạc giữa con người và Thượng đế, chứ không nhất thiết phải là một tổ chức nào đó. Tổ chức là do con người, chứ không phải là Thượng đế, thiết lập ra. Thượng đế chỉ có thể tìm thấy tại những nơi sâu kín nhất trong lòng người, do đó sự biết mình luôn luôn là căn bản quan trọng nhất trong việc đi tìm Thượng đế. Tôn giáo phát sinh do lòng sùng kính chứ không phải là kết quả bàn cãi hay lý luận. Điều con người cần hiện nay là sự thờ phụng, tôn kính Thượng đế trong lòng chứ không phải lời kêu gọi ồn ào bên ngoài, hay qua một hình thức quảng cáo thánh thần nào đó. Muốn tôn thờ Thượng đế đúng cách, con người phải biết khiêm tốn, phải biết xem mình như một đứa trẻ ngây thơ trong vòng tay che chở bao la đầy tình thương của ngài. Khiêm tốn là bước đầu trên con đường này, vì chỉ có sự khiêm tốn mới đưa ta đến đức tin chân thật, và chỉ có đức tin chân thật mới hướng dẫn con người đến được nơi Thượng đế ngự trị. Khi con người kiểm soát được thân và tâm nghĩa là họ đã chuẩn bị được một nơi chốn linh thiêng cho Thượng đế ngự trị. Khi con người có nội tâm an tĩnh, sung mãn, nghĩa là họ có một đền đài cao đẹp cho ngài. Sự gìn giữ cho tâm yên lặng là khởi đầu của sự quên mình và chỉ trong sự quên mình, con người mới đến được với Thượng đế”.

Bài giảng cuối cùng của Satyakam được mọi người đón nhận nhiệt thành. Nhiều người đã không cầm được nước mắt khi biết vị hiền giả mà họ kính mến sẽ rời khỏi vùng đất này vào hôm sau.

Từ sáng sớm, dân làng đã xếp hàng quanh ngôi đền Kali để tiễn đưa Satyakam và Bhairavi. Hàng ngàn người cầm hoa đứng dọc hai bên đường từ làng Kadambini đến nhà ga xe lửa. Họ rải hoa đầy mặt đất và thốt lên những lời ca tụng thành kính nhất. Satyakam dắt Bhairavi và Puram thong thả bước đi, thỉnh thoảng họ lại giơ tay ban phước lành cho mọi người. Khi đến nhà ga xe lửa, đám đông vây kín quanh toa xe khiến nhân viên trật tự phải làm việc vất vả mới dọn được đường cho xe đi. Chiếc xe lửa kéo còi rời từ từ chuyển bánh, để lại sau lưng một đám bụi mờ...

---

[4] Theo phong tục xứ Ấn, mỗi khi ăn mừng, người ta luôn tổ chức lễ bố thí, phát chẩn cho người nghèo. - ND

[5] Đường ký hà là những nét cơ bản gồm nét thẳng và nét cong. Hình ký hà là những hình được cấu tạo từ những nét cơ bản này mà phổ biến nhất là tròn, vuông và tam giác.

## *Chương 4*

Kalighat là một khu phố nhỏ nằm ở phía Nam thành phố Calcutta; đó cũng là nơi ở của Mataji - sư mẫu của Bhairavi.

Căn nhà nhỏ của Mataji có một mảnh sân hẹp trồng rất nhiều hoa. Mặc dù trời nắng chói chang nhưng không khí quanh nhà mát dịu một cách lạ thường.

Ba người bước qua mảnh sân hẹp để vào căn phòng chính, trong phòng chỉ có một người đàn bà đang tĩnh tọa. Đó là Mataji.

Satyakam vội quỳ mọp xuống trước mặt bà. Mataji im lặng chờ anh làm đủ các nghi thức diện kiến rồi mới đưa tay ban phước lành:

- Con ngồi xuống đây để ta nói chuyện với Bhairavi và cậu bé kia trước đã.

Bà ra hiệu cho Bhairavi và Puram đến ngồi cạnh mình rồi âu yếm hỏi cậu bé:

- Con tên gì?

Puram cung kính thưa:

- Thưa con tên là Puram.

- Hay lắm! Cha mẹ thật khéo đặt tên con. Ta mong con sẽ hoàn tất sứ mạng của mình và trở thành một người toàn thiện như tên gọi của con vậy.

Puram quỳ xuống cảm ơn. Bhairavi nhìn con hãnh diện:

- Thưa sư mẫu, Puram đã được điểm đạo vào dòng tu.

Mataji mỉm cười, trong ánh mắt bà long lanh một niềm vui khó tả:

- Thế ư? Puram, con thấy thế nào? Puram chấp tay thong thả nói:

- Thừa sư tổ mẫu, con rất hãnh diện đã được cha con điem đạo và mở cửa cho con bước vào con đường sáng. Tuy nhiên, sự hiểu biết của con vẫn còn khiêm khuyết rất nhiều, xin sư tổ chỉ dạy thêm.

Mataji mỉm cười hài lòng. Bà lên tiếng:

- Nay Puram, con đường của chúng ta là con đường phụng sự nhân loại. Kẻ nào muốn đi trên con đường này phải biết từ bỏ con đường riêng của họ và bước qua con đường của chúng ta. Điều này nghĩa là con phải từ bỏ hoàn toàn thái độ cũng như tư tưởng của thế gian để áp dụng thái độ của một người đi trên đường đạo. Con hiểu điều ta muốn nói chứ?

Puram cúi rạp mình xuống:

- Con chỉ hiểu đôi chút, xin sư tổ giải thích thêm. Bhairavi và Satyakam gật đầu tỏ ý hài lòng vì thái độ khiêm tốn của Puram.

Mataji mỉm cười nói tiếp:

- Nay Puram, người thế gian nhìn những sự việc xảy ra trong đời sống hàng ngày xem liệu chúng sẽ ảnh hưởng thế nào đến bản thân và quyền lợi cá nhân họ. Trái lại, người đi trên đường đạo nhìn những sự kiện đó xem chúng sẽ ảnh hưởng thế nào đến sự tiến bộ và ích lợi chung của nhân loại. Bất cứ việc gì giúp ích cho sự tiến bộ, tăng trưởng của nhân loại đều là việc cần làm và đáng khuyến khích, còn những việc gì làm cản trở ích lợi chung, bằng cách này hay cách khác, đều phải loại trừ. Đây là một tiêu chuẩn khác hẳn với những tiêu chuẩn của thế gian, để giúp cho những người đi trên đường đạo có thể quyết định mau chóng những gì phải làm và những gì cần loại bỏ. Con chỉ là người hữu dụng trên con đường đạo khi nào con biết áp dụng quy luật trên dù bằng những cách nhỏ bé nhất, khiêm tốn nhất. Nay Puram, Thượng đế tạo ra thế giới này với những mục đích hết sức vĩ đại mà ít ai biết rõ. Chỉ những kẻ nào mong muốn hiểu biết thêm và tiến đến gần ngài thì đường đạo mới mở ra cho họ. Ta chỉ có thể tiến đến gần Thượng đế bằng cách phát triển tình thương, vì Thượng đế là một biển tình thương bao la vô tận. Ta không thể hòa vào biển tình thương đó bằng kiến thức nhỏ bé hay lòng tự hào của người đời được, do đó những kẻ đi tìm Thượng đế qua kiến thức hay các hình thức bên ngoài không bao giờ có thể gặp được ngài. Nay Puram, con cần phải phát triển lòng vị tha bằng cách quên mình và tự



hiện mình trọn vẹn cho công việc phụng sự nhân loại. Sự tiến hóa của cá nhân tuy chậm chạp nhưng vẫn diễn ra một cách thường xuyên và số người hòa vào biển tình thương của Thượng đế vẫn gia tăng không ngừng.

Puram im lặng một lúc rồi hỏi:

- Thưa Mataji, như vậy con phải làm gì?

- Con hãy làm bất cứ việc gì mà con có thể làm để giúp ích cho nhân loại. Con hãy làm những việc mà con có thể làm ngay bây giờ. Có thể đó là một việc nhỏ nhất, tầm thường nhưng đối với Thượng đế, trong thế gian này chẳng có việc gì gọi là nhỏ nhất, tầm thường cả. Đừng chờ đợi một trách nhiệm lớn lao hay một điều to tát, vĩ đại, vì như thế con sẽ bỏ lỡ cơ hội phụng sự nhân loại. Khi con đã có đủ các đức tính và khả năng cần thiết, việc lớn sẽ đến với con. Nhưng hiện nay hãy làm việc và làm việc không ngừng để giúp đỡ nhân loại. Đừng chờ đợi một ai yêu cầu con làm một việc gì đó, mà hãy tự bắt tay vào việc. Trên thế gian không thiếu những công việc vị tha, phụng sự nhân loại, nhưng thói thường người ta chỉ muốn chờ những việc to tát, vĩ đại mà thôi, thế nên họ không bao giờ được giao phó việc gì cả.

Puram gật đầu, tỏ vẻ đã hiểu:

- Thưa sư tổ, phải chăng vì thế mà không mấy người đi trọn con đường đạo?

Mataji mỉm cười gật đầu:

- Đúng thế! Đa số người bước chân vào đường đạo đều sốt sắng và nhiệt tâm, nhưng vì không có khả năng tu tập nội quán để biết rõ mình, để sửa đổi tâm tánh nên họ thường vi phạm những lỗi lầm nhỏ nhất và dần dần xa rời con đường mình theo đuổi. Đường đạo không bằng phẳng dễ đi, mà đầy chông gai và thử thách, nên chỉ một số rất ít người đủ can đảm, nghị lực và cương quyết mới có thể đi trọn mà thôi. Trong thế giới đầy xáo trộn hiện nay, con người thường nóng nảy, căng thẳng. Họ muốn thứ gì thì muốn có ngay lập tức. Không mấy ai tập được tính kiên nhẫn và bền chí nên chỉ gặp vài trở ngại thông thường họ đã nản lòng, bỏ cuộc. Nhiều người còn có thói quen tọc mạch, tò mò muốn biết việc riêng của người khác, nhất là muốn biết đạo căn hay sự phát triển tâm linh của những người khác ra sao. Con đường đạo chẳng phải là một cuộc thi đua để xem ai hơn ai, ai đi trước ai,

nên những kẻ tò mò không mấy khi đi xa được. Nhiều người còn có tính hay hờn giận nên khó có thể làm việc chung với ai. Họ chỉ muốn được giao phó một trách nhiệm mà họ có thể độc quyền hành xử nên họ không mấy khi thành công. Nay Puram, con nên biết rằng trên đường đạo không thể có biện pháp lưng chừng: hoặc là con đi trọn con đường, hoặc là con không đi đến nơi, chứ không thể có việc đi được một nửa. Đây là điều quan trọng, con cần ghi nhớ kỹ.

Puram quỳ xuống cảm ơn lời chỉ dẫn của Mataji. Satyakam và Bhairavi cũng quỳ xuống tạ ơn sự chỉ dẫn quý báu của bà.

Chiều hôm đó, một số đệ tử của Mataji được tin Bhairavi trở về cùng chồng và con đã vội vã kéo đến thăm và tham dự buổi lễ cầu nguyện kéo dài đến khuya. Trong lúc mọi người đang tập nập sửa soạn các nghi thức cúng lễ thì Satyakam lặng lẽ rời nhà. Anh đi dọc theo con đường nhỏ đến một trạm xe buýt để đáp chuyến xe đi lên miền Bắc. Chiếc xe thả anh xuống một bến đò vắng cách thành phố khoảng vài dặm. Anh thong thả bước đến bờ sông ngắm bóng mình soi trên dòng sông Hằng. Đã lâu lắm rồi anh không đến tắm gội trong dòng sông linh thiêng này. Dòng nước soi rõ khuôn mặt của một người trung niên với những nếp nhăn và mái tóc bắt đầu lốm đốm bạc. Thời gian! Sao thời gian trôi nhanh quá! Mới ngày nào anh còn là một thanh niên khỏe mạnh, cường tráng mà giờ đây anh đã bước vào tuổi trung niên và chẳng bao lâu nữa sẽ già.

Satyakam quỳ xuống bên bờ sông, thong thả vốc một vốc nước vỗ nhẹ lên mặt mình rồi thì thầm: “Hỡi mẹ Hằng hà linh thiêng, xin mẹ hãy giúp con trở nên thánh thiện, trong sạch như mẹ. Hãy giúp con hoàn tất số phận đã định như mẹ đã giúp biết bao nhiêu người khác ý thức được sự linh thiêng, hoàn hảo vô cùng của mẹ...”.

Anh quỳ mọp bên dòng sông không biết trong bao lâu cho đến khi nghe thấy tiếng chân bước nhẹ sau lưng. Anh quay đầu lại nhưng không thấy ai cả, chỉ có tiếng gió xào xạc qua mấy hàng cây. Satyakam ngắm dòng nước lững lờ trôi. Mặt trời từ từ lặn. Anh ngồi xếp bằng theo tư thế liên hoa và bắt đầu nhập thiền. Hơn mười hai năm nay anh mới ngồi một mình như vậy. Một cảm giác bình an kỳ lạ chợt dâng lên. Anh nghĩ đến thời gian tu tập trong dãy Tuyết sơn với vị đạo sư già. Chưa bao giờ anh nhớ sự phụ đến vậy. Hình ảnh vị ân sư hiện lên rõ mồn một trong tâm khảm, anh buột miệng kêu:

- Sư phụ ơi!

Bất chợt, một giọng nói hiền từ vang lên:

- Ta ở đây.

Satyakam giật mình mở mắt ra. Anh trông thấy vị đạo sư già đang chống gậy đứng ngay trước mặt anh. Anh vui mừng kêu lớn:

- Sư phụ, người đã đến! Phải chăng sư phụ đã đến đây từ lúc nãy? Vậy tại sao con không thấy gì mặc dù con nghe tiếng chân người?

- Có lẽ con đã mất đi phần nào khả năng lắng nghe rồi nên chẳng biết ta đã đến từ lâu. Phải chăng con mãi lo nghĩ đến những chuyện khác nên không thể nhìn thấy ta? Ta phải đợi con nhập thiền để tâm tư lắng xuống, khi đó con mới có thể nhìn thấy ta được.

Satyakam bối rối, anh muốn nói nhưng không thốt nên lời. Cuối cùng, anh thu hết can đảm:

- Xin sư phụ chỉ dẫn cho con.

Vị đạo sư mỉm cười nhìn học trò một lúc rồi thông thả:

- Con hãy đón chuyến xe lửa đi lên miền Đông của dãy Tuyết Sơn, đến một nơi gọi là Siliguri. Ta sẽ chờ con ở đó.

Đoạn, ông thông thả chống gậy bước đi. Satyakam định bước theo nhưng hồ như có một sức mạnh giữ anh ngồi yên ở đó. Anh nhìn dòng nước sông Hằng trước mặt. Chắc chắn nó sẽ chảy qua Kalighat, nơi Bhairavi và Puram đang sống.

Satyakam ngồi yên hồi tưởng về kinh nghiệm tu tập của mình cũng như cuộc sống vừa trải qua tại Kadambini. Tất cả đều thoáng qua như một giấc mộng, nhanh chóng và phù du một cách lạ thường. Mặc dù đã trải nghiệm những điều anh muốn, học hỏi được những điều anh cần, sở hữu những kiến thức không mấy ai chạm tới, nhưng anh thấy mình vẫn chưa đến gần mục đích bao nhiêu.

Mặt trời từ từ ló dạng phía chân mây, báo hiệu một ngày mới bắt đầu.

Satyakam rời chỗ ngồi, bước xuống dòng sông cho đến khi nước ngập đến gần cổ. Đã lâu lắm anh không thực hành nghi thức này. Anh đọc bài chú mà sư phụ đã truyền dạy khi xưa. Tâm anh dần dần bình an. Anh thông thả đọc từng chữ của bài chú. Vừa khi bài chú chấm dứt, anh bỗng cảm thấy toàn thân tràn ngập một cảm giác lâng lâng kỳ lạ. Hình như thân tâm anh vừa được gột tẩy, mọi phiền não đều tiêu tan. Anh thấy như mình vừa trở thành một con người mới. Satyakam ngẩng đầu lên, chắp hai tay vào nhau, cung kính: “Xin cảm ơn mẹ Hằng hà linh thiêng đã giúp con”.

Anh bước lên bờ. Mặt trời đã lên cao. Những tia nắng ấm tiếp tục nhảy múa trên dòng nước sông Hằng. Xa xa, một đàn cò trắng bay lượn trên những thửa ruộng xanh ngắt. Vài nông dân đang dắt trâu ra đồng. Một phiên chợ nhỏ bắt đầu nhóm họp ở gần đó. Tiếng cười nói vang lên khắp nơi.

Từ Calcutta đến Saliguri đường không xa lắm, nhưng xe lửa đi mất gần một ngày vì phải dừng lại nhiều trạm dọc đường. Xe lửa đến Saliguri khi trời đã xế chiều. Đây là một thị trấn nhỏ, dân cư thưa thớt nên chỉ có vài hành khách xuống ga. Vừa ra khỏi nhà ga, Satyakam đã chú ý ngay đến một người hành khất gầy gò, ốm yếu ngồi nép bên vệ đường. Hồ như có một động năng thúc giục, anh vội bước ngay đến trước mặt người này. Anh định lên tiếng thì người hành khất đã gật đầu như có vẻ hài lòng rồi nói ngay: “Khá lắm! Ta biết người sẽ nhận ra ta. Ta vâng lệnh sư phụ đến đón người”.

Sau khi ra hiệu cho Satyakam theo mình, người hành khất rảo bước đi ngay. Họ băng qua những khu phố nhỏ đường sá vắng tanh, chỉ có vài con chó sủa vu vơ. Người hành khất dường như quen đường nên đi khá nhanh. Ông ta len lỏi qua những đường hẻm ngoằn ngoèo nằm khuất dưới các hàng cây lớn. Satyakam phải cố gắng lắm mới bước theo kịp. Sau khi ra khỏi làng, họ băng qua những ngọn đồi khá cao trồng đầy những cây trà được cắt tỉa gọn ghẽ. Người hành khất cứ thế lầm lũi đi, không nói câu nào. Đêm đó, trăng rất sáng nên dù trời tối đã lâu mà Satyakam vẫn nhìn rõ lối đi trước mặt. Vượt qua một khúc quanh ở sườn đồi, người hành khất đứng lại chỉ tay về phía trước. Trước mặt họ là một rặng núi lớn, trên đỉnh phủ đầy tuyết trắng. Dưới ánh trăng, đỉnh núi tuyết phảng phất một vẻ hùng tráng pha lẫn huyền bí. Satyakam buột miệng kêu lớn:

- Tuyết Sơn!

- Phải. Đây là đỉnh Tuyết Lãnh nằm ở sườn Đông rặng Tuyết Sơn.

Satyakam lặng ngấm rặng núi thân yêu. Chưa bao giờ anh xúc động như thế. Phải rồi, đó chính là rặng núi quen thuộc mà nhiều năm nay anh chưa gặp lại. Cuộc sống chốn thị thành đã khiến anh quên hẳn nếp sống bình dị an lành trên Tuyết Sơn khi xưa. Anh thấy trong lòng dâng lên một cảm giác ấm áp, êm đềm như người đi xa vừa trở về.

Người hành khất quan sát Satyakam một lúc rồi nói:

- Ta thấy ngươi đã mệt mỏi lắm rồi. Thôi, chúng ta hãy tạm dừng chân tại đây, sáng mai sẽ lên đường tiếp.

Satyakam ngần ngại. Anh nóng lòng muốn gặp sư phụ nên gặng hỏi:

- Từ đây đến chỗ ở của sư phụ còn xa lắm không?

- Với ta thì không xa lắm, nhưng với ngươi thì... có lẽ ngươi đi không nổi đâu!

Rồi ông ta bật cười lớn:

- Ngươi nghĩ rằng ta không biết ngươi đã từng sống trên dãy Tuyết Sơn và đã từng leo đồi, vượt núi hay sao? Ha.. ha... Đó là chuyện ngày trước chứ ngày nay, ngươi hãy nhìn lại mình xem, mới đi có mấy dặm mà ngươi đã thở hổn hển. Thế thì làm sao vượt rừng leo núi cho được?

Satyakam sượng sùng nhìn lại thân thể mình. Quả thật, thời gian sống đủ đầy, thoải mái tại Kadambini đã biến anh thành một người trung niên to lớn đầy đà, khác hẳn người thanh niên săn chắc, khỏe mạnh tại Sonar Linga khi xưa. Người hành khất ngồi xuống tảng đá bên đường, mở chiếc túi bên hông, lấy ra hai mẫu bánh mì khô đưa cho Satyakam:

- Đi đường mệt rồi, ngươi hãy ăn miếng bánh này cho đỡ đói.

Satyakam nhận mẫu bánh, cắn vài miếng rồi hỏi:

- Sư huynh đã tu học với sư phụ được bao lâu rồi? Người hành khất thong thả vừa ăn vừa trả lời:

- Ta không nhớ đã theo học với sư phụ từ lúc nào, nhưng khi ta đắc đạo xuống núi thì Kapalak mới bắt đầu đến làm lễ nhập môn.

Satyakam nhìn kỹ người hành khất. Trông ông còn trẻ hơn Kapalak nhiều lắm.

- Có gì ngạc nhiên chứ? Đáng lẽ người phải biết hình dáng bên ngoài chỉ biểu hiện của trạng thái bên trong mà thôi. Một người thoải mái, bình an bên trong thì hình dáng bên ngoài sẽ tươi trẻ mãi, làm sao thời gian có thể ảnh hưởng cho được!

Satyakam gật đầu. Hiển nhiên đây không phải là một điều mới lạ đối với anh, nhưng không hiểu sao anh vẫn chưa hết ngạc nhiên trước người hành khất kia:

- Như vậy sư huynh hẳn đã theo hầu sư phụ từ lâu lắm rồi, nhưng sao em không nghe sư phụ nói gì về huynh cả?

- Người phải biết sư phụ vốn là người thâm trầm ít nói. Nếu không cần thiết, chẳng bao giờ người nói gì cả. Ta biết trước khi thu nhận ta, sư phụ đã thu nhận nhiều đệ tử khác nữa, nhưng ông không khi nào nói về những người đó cả.

Satyakam rụt rè hỏi:

- Như vậy, sư huynh biết gì về sư phụ?

- Ta không biết nhiều hơn người đâu. Ta chỉ biết sư phụ là người đã sở đắc nhiều kiến thức và quyền năng rất cao. Ông là hiện thân của những bậc thánh nhân, hiền triết của một nền văn minh cổ xưa mà nhân loại ngày nay ít ai biết đến. Ta nhớ có một lần, sau khi luyện thành công một phương pháp, ta đã kể với sư phụ rằng kiến thức mà ta mới thu tập được qua sự dạy dỗ của ông đã thay đổi hoàn toàn cuộc đời ta. Sư phụ thản nhiên nói: “Con hỡi, đó chỉ là một phần rất nhỏ, một mảnh vụn của kho tàng minh triết cổ xưa mà ta chỉ mới hé mở cho con thôi. Tùy theo sự tu tập và tiến bộ của con mà ta sẽ khai nhãn cho con thêm nữa”.

Satyakam gật đầu đồng ý:

- Thì ra thế. Em cũng đã từng nghĩ sư phụ là người như vậy.

Người hành khất lắc đầu nói ngay:

- Người chớ nên vội kết luận. Chúng ta không thể biết được những người như sư phụ đâu. Có lẽ chúng ta không bao giờ có thể hiểu được người, trừ khi chúng ta phát triển được một khả năng tâm linh cao thượng như người.

Satyakam không đồng ý. Anh ngần ngại một lúc rồi lên tiếng:

- Nói như vậy thì dường như sư phụ không phải là một con người nữa.

Người hành khất bật cười lớn:

- Sư phụ là một con người bằng xương bằng thịt, hệt như chúng ta vậy thôi, nhưng khả năng tâm linh của người thì vượt xa chúng ta nhiều lắm. Mặc dù thu nhận rất nhiều đệ tử nhưng không khi nào người nói về họ cả. Ta nghĩ có thể người có những lý do riêng. Khi xưa, đã có lúc ta cũng tò mò muốn biết về những người đó, nhưng bây giờ ta thấy những điều đó không còn quan trọng nữa. Mỗi người có một con đường và trình độ tâm linh khác nhau, nếu không cần thiết thì để ý những điều đó làm chi? Chúng ta tuy cùng học một thầy, nhưng không tu tập cùng một pháp môn, sự lựa chọn và ý nguyện của mỗi người có lẽ cũng khác nhau. Sư phụ chỉ chọn lựa và dạy dỗ người nào mà thầy thấy có triển vọng. Người không thiên vị một ai hay đối xử đặc biệt với một người nào. Thầy chỉ quan tâm đến công việc mình phải làm để góp phần cho công cuộc tiến hóa chung của nhân loại mà thôi. Người lựa chọn học trò tùy theo khả năng của họ đối với công việc phụng sự nhân loại vĩ đại. Nếu chúng ta biết tu tập để có khả năng đóng góp vào công cuộc chung này thì chúng ta sẽ tiến bộ rất nhiều. Thôi, nói như thế đã nhiều rồi, người hãy nghỉ đi vì sáng mai chúng ta phải lên đường sớm. Sư phụ hiện sống bên một dòng suối nhỏ cách đây không xa, nhưng đường đi trơn trượt, khó đi nên ít ai đến chỗ đó.

Quả đúng như lời người hành khất, đó là một sườn núi khá dốc, cây cối mọc chằng chịt và lối đi trơn vô cùng. Satyakam phải cố gắng lắm mới bước đi được.

Vượt qua một cánh rừng rậm rạp, cây cối phủ kín, họ đến một thung lũng nhỏ nằm lọt giữa hai khe núi. Người hành khất chỉ về phía trước:

- Sư phụ sống ở kia.

Đó là một cái hang nhỏ nằm cạnh dòng suối nước chảy xiết. Vị đạo sư già đang chống gậy đứng trước cửa hang. Đã nhiều năm qua mà trông ông

vẫn không hề thay đổi: vẫn chòm râu bạc trắng, vẫn thân hình gầy gò như hồi còn ở Sonar Linga.

Satyakam và người hành khất vội quỳ trước sư phụ. Ông ra hiệu cho Satyakam đứng lên:

- Này Satyakam, bây giờ đã đến một khúc quanh quan trọng trong cuộc đời tu hành của con. Liệu con có đủ sức đi nốt chặng đường còn lại không?

- Thưa sư phụ, con đã sẵn sàng.

- Tốt lắm! Bây giờ con hãy nhìn thật sâu vào tâm hồn mình xem con đã thực sự sẵn sàng chưa! Nếu con đã cương quyết, hãy ra suối tắm rửa rồi vào hang đá kia nghỉ ngơi. Sáng mai, chúng ta sẽ bắt đầu.

Sáng hôm sau, khi Satyakam vừa bước ra khỏi hang thì đã thấy thầy ngồi thiền trên một tảng đá lớn. Ông ra hiệu cho anh bước đến gần rồi từ tốn nói:

- Này Satyakam, hôm nay ta dạy cho con những quy tắc chính của quãng đường còn lại mà con sẽ phải đi qua. Đây là quy tắc thứ nhất: Con phải diệt trừ tất cả mọi tham vọng. Con hãy suy ngẫm để hiểu điều này một cách thấu đáo và đừng bao giờ tự dối gạt mình. Hiện nay, trong khúc quanh quan trọng này, con cần phải nỗ lực để diệt trừ mọi tham vọng, kể cả những tham vọng vi tế nhất. Nếu không trừ được nó trong lúc này, để nó tiềm ẩn và tiếp tục mọc rễ trong tâm con, con sẽ còn phải trả những cái giá đau đớn và chỉ đến khi đó con mới có thể tiếp tục theo đuổi quãng đường cuối cùng này. Quy tắc này xét ra giản dị, nhưng thật ra đó là một điều rất khó làm vì lòng tham luôn luôn thay đổi, biến hóa dưới những hình thức mà ít ai ngờ. Nhiều người đi trên đường đạo tưởng mình đã được giải thoát, tưởng mình đã trong sạch, tưởng mình đã thánh thiện, tưởng mình đã diệt trừ được những tham vọng, nhưng thật ra họ vẫn bị lòng tham lừa gạt mà không hay biết. Tham luyến một cái gì đẹp đẽ, thánh thiện cũng là tham lam; mong muốn được trong sạch cũng là tham lam; ngay cả những việc tinh thần, tâm linh tốt đẹp nhất cũng thường bị lòng tham chi phối. Này Satyakam, lòng tham là năng lượng chi phối mọi hoạt động của những người sống mà không biết ý thức. Dù có ý thức, nhưng mấy ai có thể theo dõi tư tưởng của mình từng giây hay từng phút được, do đó mới có chuyện sai một li đi một dặm.

Khi trước, ta đã dạy cho con cách theo dõi hơi thở, cách theo dõi tư tưởng, bây giờ là lúc con phải quán xét nội tâm mình một cách thành thật để



biết mình muốn gì và tại sao mình lại hành động như vậy. Con hãy vào trong hang đá kia để tu tập và quán sát tư tưởng của mình trong bốn mươi ngày liền. Con đừng ra khỏi hang đá trước ngày thứ bốn mươi, mọi việc ăn uống hay những thứ cần dùng đã có ta lo liệu. Con đã từng lắng nghe, từng quán sát những tư tưởng nảy sinh, từng tư tưởng nhen nhúm trong lòng con, xem nó từ đâu đến và đi về đâu. Lần này, con hãy cố gắng theo dõi xem tư tưởng tham lam của mình để xem nó phát xuất từ đâu và lần ngược lên tận cội nguồn của nó. Khi con tìm đến tận nguồn thì con sẽ hiểu rõ về nó, và khi con đã biết rõ về nó thì nó sẽ không còn chi phối được con nữa. Kẻ học đạo phải biết tu tập nội quán để biết rõ các yếu tố chi phối mình và tìm cách giải thoát khỏi các ràng buộc của nó.

Satyakam chấp tay quỳ rạp xuống đất để tỏ lòng cung kính rồi quay vào trong hang đá. Anh ngồi xếp bằng theo tư thế liên hoa và khởi sự việc theo dõi tư tưởng của mình. Công phu này anh đã tu luyện thuần thục nên chẳng mấy chốc anh đã cảm thấy các tư tưởng đến và đi qua tâm mình một cách rõ rệt. Anh bắt đầu theo dõi từng tư tưởng nảy sinh từ những chỗ sâu kín nhất trong tâm hồn. Anh theo dõi nó, đi ngược vào các nguyên nhân, các động năng thâm kín nhất đã sai khiến những tư tưởng kia nảy sinh, và cứ thế, anh quán sát nó nảy sinh, lộ diện, đến và đi dưới muôn hình vạn trạng trong tâm thức.

Bốn mươi ngày trôi qua nhanh chóng. Khi Satyakam bước ra khỏi hang, anh đã thấy sư phụ đang ngồi trên tảng đá quen thuộc.

Ông lên tiếng:

- Hẳn con đã ý thức rõ được lòng tham bắt nguồn từ đâu rồi chứ?

- Thưa sư phụ, con đã ý thức rõ về nó.

- Thế thì con đã đạt đến kết quả nào chưa?

- Thưa sư phụ, con nghĩ mình đã có thể chinh phục được tham vọng. Con đã có thể tách rời ra khỏi những tư tưởng xấu xa, thấp hèn qua những kỷ luật tự giác, những công phu hành xác, kiểm soát nội tâm.

Đạo sư nheo mắt nhìn học trò rồi lắc đầu:

- Nay Satyakam, con đã bị những tham vọng đó lừa rồi! Ta không thể

tiêu diệt lòng tham bằng cách tách rời mình ra khỏi mọi sự như con đã quán xét đâu. Không phải thế! Ta biết khi trước ở Sonar Linga, con vẫn còn một chút tập khí tham lam tiềm ẩn mà con không thể vượt qua được và chính cái tập khí đó đã tạo ra những khó khăn khiến con phải rời núi. Do đó, lần này khi trở về đây, ta muốn con suy ngẫm thật kỹ về lòng tham.

Satyakam ngạc nhiên:

- Con vẫn còn một chút tập khí tham lam ư?

- Nay Satyakam, công phu tu hành của con không phải tầm thường, nhưng con có nhớ khi con theo ta lên đỉnh Tuyết Sơn, khi con trải nghiệm khả năng thần thông của mình, khai mở được ký ức, nhớ được các kinh nghiệm về tiền kiếp, thì con đã thay đổi. Con tự cho mình quan trọng hơn người, và có ý muốn trở thành một bậc đạo sư và chính cái ý mong cầu đó đã thúc giục con xuống núi.

Satyakam giật mình. Câu nói của thầy như một tiếng sét khiến anh bàng hoàng. Vị đạo sư mỉm cười, tiếp:

- Con là người có tánh thiện, muốn giúp đỡ mọi người nên việc trở nên một bậc đạo sư hướng dẫn người khác cũng là điều tự nhiên thôi. Tuy nhiên, con chưa hoàn toàn giải thoát được mình, chưa ý thức rõ các động năng tế nhị vẫn chi phối tư tưởng và hành động của mình nên con đã để cho cái tập khí tham lam, mong cầu kia chi phối.

Ta biết rõ như vậy nên mới chỉ dẫn cho con đến học hỏi thêm với Kapalak để phát triển về Kundalini Yoga, giúp con khai mở những kiến thức huyền môn, học hỏi thêm những điều mà từ trước đến nay con chưa trải nghiệm và trả các nghiệp quả giữa con và Bhairavi. Hiển nhiên, con đã trở thành một bậc hiền giả, chỉ dẫn và giúp đỡ được nhiều người, nhưng tập khí tham lam kia của con lại có cơ hội phát triển hơn nữa.

Satyakam nghẹn ngào:

- Thưa sư phụ, hiện nay con phải làm thế nào để diệt trừ hạt giống tham vọng kia?

- Nay Satyakam, con hãy suy ngẫm thật kỹ về điều thứ hai mà ta chỉ dạy cho con đây. Con phải diệt trừ tất cả mọi ý thức về sự chia rẽ, phân biệt. Con

đừng nghĩ rằng với công phu tu tập của mình con có thể vượt lên trên những người thấp kém, hèn hạ, trụy lạc hay các sự kiện xấu xa. Đây là một nhầm lẫn lớn của những kẻ đi trên đường đạo. Họ không ý thức rằng kẻ xấu xa, thấp kém kia cũng chính là họ. Một khi con nghĩ mình đã vượt lên cao, đã đắc những quả vị, đã sở hữu những khả năng thần thông và không còn liên quan đến những kẻ yếu đuối trụy lạc hay các sự kiện xấu xa, thì con đã tự tạo ra một nghiệp quả ràng buộc con với những điều đó, hoặc người đó. Con phải học bài học cần thiết rằng con không thể sống tách biệt với mọi sự vật trong thế gian này được.

Đạo sư chăm chú nhìn Satyakam rồi nói tiếp:

- Con phải suy ngẫm cẩn thận để biết rằng mọi sự xấu xa nhất, tội lỗi nhất, bản thủ nhất của cuộc đời cũng chính là tội lỗi, bản thủ của chính con, bởi con là một phần của thế gian này. Nghiệp quả của con liên đới chặt chẽ với nghiệp quả của mọi người. Trước khi con bước chân vào ngưỡng cửa các vị thánh, con cũng phải trải qua mọi hoàn cảnh, trong sạch cũng như xấu xa, tội lỗi cũng như thánh thiện, cao thượng cũng như thấp hèn. Con càng tránh né chúng bao nhiêu, chúng sẽ càng bám chặt lấy con bấy nhiêu. Kẻ nào tự hào về đức hạnh của mình tức là đang chuẩn bị một bãi bùn dơ để tự bước vào đó. Con đã học hỏi được nhiều. Con đã biết phân tích tất cả các kinh nghiệm để học hỏi và nhẫn nại chịu đựng các thử thách, nhưng con đừng bao giờ nghĩ mình đã tiến bộ hơn người khác. Con chớ lên án những người sa ngã, chớ coi thường những kẻ yếu đuối dễ nản lòng, mà con phải biết đưa tay dìu dắt họ như bạn đồng hành của mình. Con phải biết rằng khoảng cách giữa kẻ thánh thiện và kẻ tội lỗi tuy có xa, nhưng khoảng cách giữa kẻ thánh thiện và người đã giác ngộ còn dài gấp muôn lần. Do đó, con hãy cẩn thận trong mọi tư tưởng cũng như hành động. Ta muốn con trở vào hang đá tu tập thêm bốn mươi ngày nữa để quán xét thật kỹ về những điều ta vừa chỉ dạy. Con phải tu tập đúng thời gian mà ta quy định, chớ rời khỏi hang đá trước khi ta cho phép.

Một lần nữa, Satyakam quỳ mọp xuống đất cung kính vái chào sư phụ trước khi quay trở vào trong hang đá. Lần này, anh vận dụng mọi công phu tu tập và quán xét những mầm mống chia rẽ mà anh đã vô tình gieo dặt trong tâm mình. Hơn bao giờ hết, anh ý thức rõ năng lượng tham lam mà anh đã vô tình gieo nó chi phối tâm mình. Anh sử dụng khả năng theo dõi tư tưởng để đào sâu vào nội tâm, để chiêm nghiệm các sự kiện liên quan giữa mọi vật với nhau. Sau nhiều ngày suy ngẫm, anh bỗng nhận thức rằng trên thế gian này

không thứ gì có thể tồn tại độc lập được. Mọi vật đều nương tựa vào nhau để hiện hữu, và đó là chân lý vô cùng quan trọng. Cũng ngay lúc khi đó, anh chợt ý thức rõ về nguyên nhân của tham vọng mà anh đã suy ngẫm mấy ngày trước. Tất cả đều bắt nguồn từ ý thức về bản ngã. Khi còn bản ngã, còn ý thức về sự hiện diện của một cá thể riêng biệt, tất cả mọi vấn đề như chia rẽ, tham lam đều nảy sinh. Khi không còn tự ngã, không còn thấy có mình, có người, có chủ thể hay đối tượng thì tất cả mọi sự đều trở nên rõ ràng hơn bao giờ hết. Đây không phải là điều mới lạ vì anh đã học hỏi nó qua pháp môn Yoga, nhưng đây là lần đầu anh ý thức về nó. Anh chợt nhận ra rằng kiến thức và kinh nghiệm khác nhau rất xa. Ta có thể hiểu một cách lý thuyết rằng vạn vật đều là một, hay có một khái niệm rằng vạn vật đều bắt nguồn từ một nguồn gốc chung, nhưng quán triệt được nó và sự liên quan của vạn vật với nhau lại đòi hỏi một trải nghiệm đặc biệt.

Khi vừa ý thức được những sự kiện này, Satyakam thấy rõ các làn sóng tư tưởng đang nảy sinh trong tâm anh bỗng dừng chấm dứt. Đây là lần đầu anh thấy mình có thể chặn đứng được làn sóng của tư tưởng. Dĩ nhiên khi xưa, qua công phu tu tập, anh có thể làm cho các làn sóng tư tưởng phát sinh chậm lại hay tạm thời ngưng trệ, nhưng nay anh thấy tâm đã đổi khác. Khi mọi tư tưởng chấm dứt, anh có thể trải nghiệm sự sống một cách hoàn hảo, tốt đẹp hơn lên vì các luồng sóng tư tưởng vẫn dòn dập nảy sinh đã không còn. Anh như bước vào một trạng thái hoàn toàn an lạc, hạnh phúc chưa từng thấy. Satyakam mừng rỡ định bước ra khỏi hang để gặp vị đạo sư già, nhưng anh biết lúc đó chưa đến kỳ hạn bốn mươi ngày. Anh không hiểu tại sao sư phụ lại muốn mình ở trong hang lâu như vậy. Tuy nhiên, anh biết hẳn sư phụ có nguyên do nên tiếp tục tu tập thêm nữa.

Ngày hôm sau, Satyakam thấy khắp mình đau nhức, nhiều cảm giác bứt rứt kỳ lạ nổi lên khiến anh thấy như không thể chịu nổi. Đây là một điều lạ vì đã nhiều năm nay, sau khi luyện thành công luồng hỏa hâu Kundalini, Satyakam có thể sai khiến được mọi cơ quan trong thân thể như ý muốn. Việc đau ốm, nóng lạnh, bệnh tật không còn gây phiền phức cho anh nữa. Tại sao lần này anh lại có cảm giác kỳ lạ khác thường như vậy? Đến hôm sau, khắp mình anh trở nên nóng ran như một khối lửa. Anh có cảm tưởng toàn thân mình đang cháy đỏ lên trong hang sâu tối. Các bắp thịt dường như không tuân theo mệnh lệnh của anh. Luồng hỏa hâu vẫn thuần thực nay bỗng phát động một cách khác thường. Chiều hôm đó, anh cảm thấy đuối sức, không còn kiểm soát được thân thể nữa. Đã có lần anh định lên tiếng cầu cứu sư phụ, nhưng lại cố gắng kiềm chế ý tưởng này. Vốn là người can đảm, anh

biết có thể đây là một thử thách nên tiếp tục nghiên rằng chịu đựng. Cứ thế, anh như trôi nổi trong biển cả, dù thân thể bị các luồng sóng vùi dập mãnh liệt nhưng anh vẫn cố gắng giữ vững công phu.

Những ngày tiếp theo, Satyakam cũng trải qua những cơn đau nhức như vậy nên anh không còn ý thức về ngày hay đêm nữa. Cho đến một hôm, trong cơn mê sảng kỳ lạ, anh biết thời hạn bốn mươi ngày đã đến.

Satyakam bò ra cửa hang. Anh thấy vị đạo sư già đang chống gậy đứng chờ. Ông cúi xuống xoa nhẹ lên đầu anh, một luồng từ điện phát ra từ bàn tay đạo sĩ truyền đi khắp người khiến anh cảm thấy thoải mái, dễ chịu. Anh thu hết tàn lực, lắp bắp:

- Xin... cảm ơn... sư phụ...

- Này Satyakam, ta biết con vừa có một trải nghiệm lớn. Hiển nhiên phải thế rồi vì đó là thử thách cuối cùng của con. Con nên biết những tàn lực của bản ngã con đang phản ứng và trước khi những năng lượng này được chuyển hóa, nó sẽ cố gắng phá rối công phu của con.

Đạo sư nâng Satyakam ngồi dậy và chỉ vào những bụi hoa đang nở quanh đó:

- Này Satyakam, con hãy nhìn những bông hoa đang nở khắp nơi kia. Sau những cơn mưa lớn, cây cối phát triển, nảy nở, đơm bông kết trái. Tương tự như thế, tâm thức của con không bao giờ thực sự phát triển trước khi bản ngã của con bị tận diệt và tiêu trừ. Tất cả mọi kinh nghiệm tu tập đều đưa đến thử thách cuối cùng này, và chỉ khi nào con chiến thắng được bản ngã, con mới thực sự bước chân vào ngưỡng cửa của sự minh triết lớn lao.

Này Satyakam, sau cơn mưa trời quang đãng, tâm thức của con cũng thế. Đây không phải là sự bình an mà trước kia con có được trong lúc thực hành những pháp môn thiền định cao siêu. Đây cũng không phải là sự bình an khi con trú vào những cảnh giới của các hành giả Yoga thượng thừa, mà đây là sự bình an vĩnh cửu khi ta bước vào ngưỡng cửa của ngôi đền minh triết. Con muốn gọi nó là gì cũng được, vì chỉ trong trạng thái này con mới nghe được những tiếng vô thanh; đó là tiếng nói vang lên ở nơi không có một người nào cả. Con có thể coi đó là tiếng nói của chư thiên, của các sứ giả của Thượng đế, của các thiên sứ hay là tiếng nói của một nội tâm vô nhiễm. Không một ngôn ngữ nào có thể diễn tả được điều này vì giờ phút huy hoàng

ấy là kinh nghiệm vô cùng lớn lao, nó báo hiệu cho con biết rằng con đã đủ hiểu biết để tiếp tục con đường này một mình. Từ nay, con không cần có ta nữa. Bây giờ, con hãy trở vào trong hang và đắm mình trong tĩnh lặng. Đừng để một tư tưởng nào nảy sinh mà chỉ để sự bình an chi phối. Hãy để sự yên lặng tuyệt đối trở thành chỗ trú ẩn của tâm con. Ta chúc con bình an.

Vị đạo sư già đưa tay xoa nhẹ lên đầu Satyakam. Ánh mắt ông toát lên một niềm vui khó tả. Satyakam cũng cảm động không kém. Anh ôm lấy đôi chân thầy để tỏ lòng kính phục và biết ơn. Anh biết rõ đây là lần cuối anh gặp vị đạo sư và từ đây anh sẽ phải lên đường một mình.

Satyakam quay trở lại hang đá. Anh cảm thấy mỗi bước chân là một bước đi vững chãi, thông dong hơn bao giờ hết. Anh ngồi xuống chiếc thảm bằng cỏ, xếp hai chân theo tư thế liên hoa và thoải mái nhập thiền. Một cảm giác bình an tràn ngập khắp cơ thể anh, mọi mệt mỏi khi trước dường như tan biến.

Thời gian tiếp tục trôi, ngày đi đêm đến, nhưng Satyakam vẫn yên lặng đắm chìm trong cơn thiền định. Đã bao lần thời tiết đổi mùa, hết Xuân rồi sang Đông, nhưng anh chẳng màng. Anh không cần phải ăn nữa, một chút nước mưa, một ít ánh sáng mặt trời cũng đủ nuôi sống anh rồi. Đối với anh, mọi ý niệm về thời gian dường như đã không còn. Tóc anh mọc dài xuống tận hai vai, râu ria kín hàm, phủ xuống cổ, thân thể anh gầy khô. Những điều đó không còn quan trọng với anh nữa, vì sẽ đến lúc anh có thể vứt bỏ nó như vứt một chiếc áo cũ.

Một ngày nọ, Satyakam biết thời gian tu tập đã chấm dứt. Anh thông thả bước ra khỏi hang đá và trèo lên đỉnh Tuyết Lãnh. Anh đi nhẹ nhàng, thanh thoi, biết rõ cuộc đời mình ở cõi này đã chấm dứt. Dĩ nhiên, anh không hề luyến tiếc vì anh biết mình đã đạt đến mục đích cuối cùng.

Đó là một ngày dày đặc sương mù, trời rất lạnh. Chân anh dẫm lên tuyết phát ra những âm thanh nhẹ và khô, nhưng anh vẫn tiếp tục đi về phía trước như bị một động năng vô hình thúc đẩy. Lên đến đỉnh núi cao tuyết phủ kín vạn vật một màu trắng xóa, anh rùng mình. Một cảm giác kỳ lạ dội mạnh vào lòng ngực khiến anh lão đảo. Anh biết giây phút cuối cùng đã đến. Anh gượng đứng yên, nhưng rồi ngã nhào xuống tuyết. Anh muốn ngẩng mặt lên, nhưng không sao ngẩng lên được nữa. Mặt anh ngập sâu trong tuyết. Khi xưa, anh vẫn có ý sẽ được bỏ thân trên đỉnh Tuyết Sơn, và nay, anh biết

mình đã thỏa ước vọng. Anh kêu lớn: “Xin Thượng đế hãy giúp con được trở về với ngài!”.

Satyakam không biết mình đã nằm trong tuyết bao lâu, nhưng trong sự yên tĩnh tuyệt đối của rừng Tuyết Sơn, anh nghe rõ một tiếng nói vô thanh ở đâu vang lên: “Này Satyakam, bấy nhiêu đó chưa đủ đâu. Con đã gặt và bây giờ con phải gieo”. Âm thanh đó vang rền khiến Satyakam bừng tỉnh. Hai mắt anh hoa lên và đột nhiên, toàn thân anh như vừa nhận được một luồng xung điện khiến anh ngồi bật dậy. Mọi vật xung quanh vẫn không thay đổi. Màu trắng của tuyết đập mạnh vào mắt anh. Anh thấy rõ vết chân mình vẫn còn in trên tuyết. Anh đứng dậy nhìn những rặng núi phủ đầy tuyết trắng. Núi vẫn là núi, tuyết vẫn là tuyết, nhưng nay anh thấy mình và núi gần gũi vô tả. Anh sung sướng bật lên một tiếng kêu lớn, âm thanh vang động núi rừng.

Satyakam chắp tay quỳ mọp xuống đất cung kính thưa: “Xin Thượng đế hãy hướng dẫn cho con. Con xin tuân theo lệnh ngài”.

Tiếng nói vô thanh kia lại vang lên: “Này Satyakam, con đã đủ sức đứng vững một mình và phát triển được khả năng nhận thức. Giờ đây, con có thể giúp đỡ nhân loại hiệu quả hơn, vì con đã chiến thắng được bản ngã, đã vượt qua những thử thách tối hậu của kẻ đi trên đường đạo, đã nghe được tiếng nói của ta mà không bị ù tai, bối rối, sợ hãi nữa. Tiếng nói của ta chính là khúc ca của sự sống, là giai điệu âm thầm sâu thẳm nhưng trỗi lên khắp vũ trụ. Chỉ những kẻ có đức tin, biết hướng vào bên trong mới có thể nghe được mà thôi. Hiện nay, đa số nhân loại không có đầy đủ đức tin hay lòng can đảm để hướng vào nội tâm vì họ cho rằng sống theo bản năng và dục vọng thì dễ dàng hơn. Tuy nhiên, họ không hề biết rằng sự sống là một năng lực mãnh liệt chi phối tất cả và tất cả đều là những phần tử của nó. Không ai có thể tách rời khỏi sự sống. Cũng như loài cá sống trong nước mà không hề ý thức được nước là gì, nhân loại đang chạy đuổi theo những dục vọng của ảo giác mà quên rằng họ đều là một phần của sự sống linh thiêng và duy nhất này. Ngay như những kẻ đang dò dẫm trên đường đạo cũng chỉ có thể nghe thấy một vài nốt nhạc rời rạc của khúc ca này cho đến khi họ biết quên mình, hoàn toàn diệt trừ được bản ngã. Chỉ khi đó họ mới có thể nghe được trọn vẹn hòa tấu khúc của sự sống. Này Satyakam, khi con đã biết quên mình để lắng nghe, con sẽ hiểu rằng khúc ca bất diệt này lúc nào cũng vang rền khắp vũ trụ và chính con cũng là một phần của bản hòa âm tuyệt diệu đó. Nhờ biết như thế mà con sẽ hiểu rõ hơn mọi định luật của vũ trụ. Nhờ biết lắng nghe

từng nốt nhạc, từng âm thanh mà con sẽ không còn thấy có mình, có người, có chủ thể, có đối tượng hay có thù, có bạn, mà tất cả đều chỉ là những tiết tấu hòa điệu của vũ trụ. Nhờ đó, con biết trước được những biến chuyển của cuộc đời đang thay đổi như sóng thủy triều, như mây trôi, như gió thổi. Nhờ biết quán sát nhân tâm hay những nốt nhạc mà con có thể hiểu được cấu trúc của bản đại hòa tấu của sự sống. Khi con thực sự hiểu rõ mọi việc, con sẽ hiểu được chân lý, và khi con đã biết được chân lý, con có thể nói được sự thật. Khi đó, con sẽ hiểu rằng lời thật vốn vô ngôn”.



## *Chương cuối*

Satyakam thong thả chống gậy xuống núi. Vừa đến một ngã rẽ, anh thấy một đạo sĩ trẻ tuổi, quần áo rách rưới lầm lũi đi tới. Thấy anh, đạo sĩ mừng rỡ chạy vội đến quỳ mọp xuống đất:

- Thưa sư phụ, quả sư phụ chính là người mà con đã đi tìm kiếm từ bao lâu nay.

Satyakam mỉm cười nhìn vị đạo sĩ trẻ:

- Atyananda, rốt cuộc con cũng tìm được ta.

- Nhưng... nhưng sao ngài lại biết tên con? Satyakam không đáp. Đạo sĩ trẻ bối rối:

- Thưa ngài, hình như... ngài biết trước rằng con sẽ đến đây?

Satyakam gật đầu:

- Ta biết chứ!

- Nhưng... nhưng con chưa nói rõ về mục đích của con. Thưa ngài, con đã đi tìm ngài suốt bao năm nay. Con đã trèo đèo, lội suối, trải qua bao khó nhọc mới đến được đây để xin học hỏi với ngài.

- Ta đã biết rồi.

- Xin ngài chỉ dẫn thêm cho con.

Satyakam chậm rãi quan sát đạo sĩ trẻ rồi nhẹ nhàng nói:

- Nay Atyananda, con đã rời nhà rất sớm để theo đuổi con đường đạo. Con đã tu hành khổ hạnh, đã vượt qua nhiều thử thách và có một tâm hồn trong sáng. Thượng đế đã ban cho con khả năng thương yêu vô hạn và con

đã biết gieo rắc ánh sáng chân lý cho đồng loại. Con đã làm nhiều việc tốt đẹp, nhưng con nên cẩn thận vì trong tâm hồn con vẫn tồn tại những mầm mống kiêu căng, ngã mạn. Nếu con không biết hướng vào bên trong để tu tập nội quán, những mầm mống này sẽ phát triển và phá hỏng công phu của con.

Vị đạo sĩ trẻ ngập ngừng:

- Kính xin sư phụ chỉ dẫn thêm. Satyakam trầm ngâm một lúc rồi nói:

- Nay Atyananda, nếu muốn đi xa, con hãy tập tính khiêm tốn, và nếu đã biết khiêm tốn, con lại phải khiêm tốn hơn nữa cho đến khi đức tính đó hoàn toàn chuyển hóa tâm hồn lẫn thể xác của con. Nay Atyananda, con nên biết rằng khả năng thần thông mà con đã sở đắc hay khả năng chữa bệnh cho người chỉ là kết quả rất thô thiển nhờ công phu tu tập của con, nhưng tự nó không phải là vật sở hữu của con. Nó chỉ là một ân huệ để con sử dụng mà thôi. Con chớ tưởng lầm ân huệ này là thứ của mình, do mình sáng tạo ra mà tăng thêm sự kiêu căng ngã mạn rồi ngày càng rời xa sự thật.

Đạo sĩ trẻ cúi mọp xuống đất:

- Ngài nói rất đúng. Đó chính là lý do con rời bỏ đạo viện của mình trong thành phố để tìm lên đây học hỏi thêm với ngài. Thưa ngài, con là một đạo sĩ Yoga đã phát triển được quyền năng chữa bệnh, nhưng dù chữa được bệnh cho người khác nhưng sao con vẫn không chữa được bệnh cho mình. Bệnh của con là tâm bệnh, vì con vẫn có những dằn vặt, khắc khoải, không làm sao thoải mái được với chính mình. Hồ như có một áp lực kỳ lạ cứ làm con thao thức mãi!

Satyakam gật đầu:

- Hiển nhiên ta biết điều này, vì sư phụ dạy Yoga cho con chính là bạn đồng môn với ta và chính người đã gửi thông điệp nhờ ta trông nom con.

Atyananda ngạc nhiên:

- Như vậy... như vậy hẳn ngài biết sư phụ Kapalak? Satyakam gật đầu:

- Dĩ nhiên rồi. Quy luật dòng tu của chúng ta là phụng sự thế gian. Con là học trò của Kapalak thì dĩ nhiên là người cùng đi trên con đường này rồi. Việc quên mình tuyệt đối để phụng sự thế gian không dễ vì nó đòi hỏi một

sự thanh lọc bản ngã rất chặt chẽ. Con còn trẻ mà đã biết làm việc lành việc thiện, điều đó rất hay, nhưng trước mắt vẫn còn nhiều việc phải làm. Con cần nhớ rằng công việc phụng sự không phải là việc khi mình muốn thì làm, mà là tất cả những gì mình có thể làm để giúp đỡ người khác. Con cần biết quên mình và chú ý đến người khác, không phải chỉ đôi lúc mà là mọi lúc. Con hãy ý thức rằng giây phút con không dùng để phụng sự nhân loại hoặc để giúp đỡ người khác đều là những thời khắc lãng phí vô ích. Trong thời gian qua, con đã tu tập chuyên cần và đã khổ luyện pháp môn Yoga đến mức thuần thục, nhưng con quá chú trọng đến những phương pháp, kỹ thuật mà quên rằng tinh hoa của Yoga không nằm trong các kỹ thuật đó mà ở sự hiểu biết chính mình. Con cũng cần phải tu tập nội quán để tiết trừ những mầm mống của sự kiêu căng khi nó vừa chớm lên trong tâm con. Hãy cố gắng vun trồng đức tính khiêm tốn, hy sinh và nồng nhiệt phụng sự cho ý tưởng. Bây giờ ta sẽ chỉ dạy thêm cho con phương pháp tu tập nội quán.

Jaganath là một ngôi đền nằm ở phía Đông thành phố Puri. Đây là một trong những ngôi đền to lớn, kiến trúc đẹp đẽ nhất vùng. Vị tu sĩ trông coi ngôi đền đã sống ở đây nhiều năm, đã tiếp xúc với nhiều đạo sư, giáo sĩ đến thăm viếng ngôi đền nổi tiếng này, nhưng hôm nay, ông giật mình khi thấy một đạo sư râu tóc rất dài cùng một đệ tử từ xa đi đến. Hồ như có một cái gì kỳ lạ, thánh thiện toát lên từ con người này khiến ông không cảm được nổi vui mừng, vội bước ra đón tiếp. Những tín đồ đang hành lễ trong đền cũng ngừng lại nhìn sững vị đạo sư kia. Sau một lúc ngỡ ngàng, mọi người vội quỳ rạp xuống thi lễ tỏ lòng cung kính trước vẻ uy nghi của vị đạo sư.

Vị tu sĩ trông coi ngôi đền lên tiếng:

- Xin đạo sư cho biết quý danh.

- Ta là Satyananda<sup>[6]</sup>.

Phải, vị đạo sư đó chính là Satyakam, nhưng hiện nay anh không còn là người đi tìm kiếm nữa mà đã trở thành một người khác: một người biết sống trọn vẹn trong chân lý. Cuộc tìm kiếm đã chấm dứt và những bí ẩn của vũ trụ đều được phơi bày trọn vẹn khi anh chiến thắng được bản ngã. Anh không còn là một đạo sư có kiến thức về chân lý như khi còn sống ở Kadambini, mà đã trở thành một người sống trọn vẹn với chân lý. Anh và chân lý đã hòa làm một, không còn phân chia, không còn giới hạn, không còn là hai thực thể tách biệt.

Vị tu sĩ trông coi ngôi đền vội mời Satyananda bước vào chánh điện. Anh quỳ xuống đánh lễ trước pho tượng Thượng đế rồi bước đến một góc đền, ngồi xuống ngay ngắn. Một số tín đồ vội vã mang ít trái cây, hoa quả đến dâng cúng. Satyananda chấp tay cảm ơn. Vị tu sĩ trông coi ngôi đền lên tiếng:

- Hân hạnh được ngài đến viếng thăm. Xin ngài ban cho ít lời giáo huấn.

Satyananda mỉm cười nhìn vị tu sĩ già:

- Này Upasak, chắc ông không nhớ tôi, nhưng tôi thì biết ông đây.

Upasak - vị tu sĩ trông coi ngôi đền - ngạc nhiên:

- Tại sao... tại sao ngài lại biết tên tôi?

- Phải chăng trong suốt mấy chục năm tu tập tại ngôi đền này, ông vẫn có một thắc mắc chưa được giải đáp? Ông là một tu sĩ chuyên cần và tinh tấn, nhưng trải qua nhiều năm mà vẫn chưa tiến bộ được bao nhiêu. Dù bỏ nhiều công phu tu tập nhưng ông vẫn gặp những chướng ngại không thể giải thích.

Upasak ngập ngừng:

- Quả có thể. Ngài quả đã biết rõ tâm tư tôi, vậy xin ngài chỉ dẫn cho.

Satyananda lên tiếng:

- Này Upasak, khi xưa lúc thọ giới tu sĩ, ông đã phát nguyện: “Tôi thề hiến dâng đời tôi và trọn thân thể tôi cho sự phát triển của nhân loại về mọi phương diện”. Ông đã bước chân vào con đường đạo nhiệm màu, nhưng vì thiếu hướng dẫn của một vị sư phụ và thay vì tu tập với các bạn đồng môn tại tu viện Surajath nơi ông thọ giới, ông đã xin đến đây để trở thành một tu sĩ trông coi ngôi đền. Ở đây, ông đã vi phạm kỷ luật của dòng tu là nhận thù lao cho các công việc tinh thần. Một trong những giới luật của dòng tu Swami là cấm ngặt việc đòi hỏi hay lãnh tiền công, tiền cúng lễ hay những bổng lộc liên quan đến việc giúp đỡ, chỉ dẫn mọi người về phương diện tinh thần. Trong giới luật có ghi: “Một tu sĩ không bao giờ được đòi hỏi tặng vật, tiền thưởng hay định giá tiền về những gì mà họ ban rải vì những tặng phẩm của tinh thần không có giá trị buôn bán”. Là một tu sĩ, ông được giao phó sứ mạng thiêng liêng là hướng dẫn và phụng sự người khác, nhưng ông đã tự

coi chúng như vật sở hữu của riêng mình. Ông đã biến các nghi thức thiêng liêng thành một nguồn lợi tức, một tài sản mà ông có thể khai thác, đổi chác, bán buôn. Vì thế tôn giáo đối với ông trở thành những nghi thức khô cứng, lặp đi lặp lại, do đó việc tu hành của ông hóa vô ích. Một kẻ lãnh tiền công không thể là một sứ giả gieo rắc tình thương, hướng dẫn tín đồ về sự sống nhiệm màu được. Đó không phải là sự hiến dâng hay phụng sự, mà chỉ là một nghề sinh nhai được che đậy dưới các hình thức khôn khéo hay các danh từ hào nhoáng mà thôi. Vì thế, mặc dù tu tập chuyên cần, nhưng ông chẳng tiến bộ được bao nhiêu.

Upasak run giọng:

- Quả... đúng như thế nhưng... nhưng đa số các tu sĩ ai cũng làm thế cả.

- Đó là việc của những người ấy. Thế còn tiến bộ tâm linh của ông? Phải chăng trở thành một tu sĩ chỉ là một cái có hay một nghề nghiệp? Con đường hy sinh là con đường quên mình cho người khác chứ không phải sự đòi hỏi được đền bù xứng đáng hay sự tưởng thưởng nào đó.

Upasak nghẹn ngào:

- Như vậy... như vậy tôi phải làm gì?

- Hãy tự quên mình và chỉ thiết tha với lý tưởng mà ông theo đuổi. Lý do ông đã quên mất lý tưởng cao quý này là vì ông còn thiết tha đến mình nhiều quá: lo cho sự an toàn của mình, lo cho mình một chỗ trú thân, một nơi có tiện nghi với những phẩm vật dưng cúng... và những thứ này đã cản trở sự tiến hóa tâm linh của ông. Nói cách khác, ông chưa thực sự biết điều mình muốn, vì thế ông cần biết hướng vào bên trong, tu tập nội quán để biết mình là ai đã trước khi ông có thể định hướng cho mình.

Upasak vội quỳ xuống:

- Xin ngài thu nhận tôi làm đệ tử và chỉ dẫn cho tôi. Satyananda mỉm cười:

- Dĩ nhiên rồi, đó là lý do tôi đến đây tìm ông mà. Khi xưa, chúng ta đã cùng tu học chung một nơi và chúng ta đã hứa với nhau rằng ai thành công trước sẽ giúp đỡ cho người kia. Và tôi không hề quên lời hứa này.

Ngày hôm sau, Satyananda rời Puri lên đường cùng với Upasak và Atyananda. Họ đi qua nhiều làng mạc, giúp đỡ và chỉ dẫn cho mọi người. Không như khi còn ở Kadambini, anh thường thuyết giảng rất lâu, lần này Satyananda chỉ nói vắn tắt về phương pháp tu tập nội quán và sự tự biết mình, nhưng những câu nói giản dị, chân thành của anh đã đi thẳng vào lòng mọi người và hầu như ai nghe được cũng đều ngộ ra rất nhiều điều. Danh tiếng của anh mỗi lúc một vang xa. Tuy nhiên, anh không trú ngụ tại ngôi đền Kali ở Kadambini để giảng đạo như khi xưa, mà anh và học trò đi khắp nơi để truyền dạy. Khi các học giả tìm đến chất vấn anh về các đề tài trừu tượng, anh chỉ trả lời một cách ngắn gọn rằng con người không thể phí thì giờ vô ích về những ý niệm không liên quan đến sự tiến bộ chung của nhân loại, và anh gọi đó là “căn bệnh của trí thức”. Hiển nhiên, những người này không hài lòng về câu trả lời trên và đòi hỏi một cuộc tranh luận.

Một học giả nói:

- Theo ông thì phương pháp tu tập của ông không cần các nghi thức căn bản mà chỉ hướng vào bên trong để tìm hiểu chính mình. Phải chăng điều đó đi ngược với các truyền thống tâm linh sẵn có?

- Sự tự biết mình chính là căn bản của mọi truyền thống tâm linh. Chính sự không biết mình đã đưa đến các nghi thức rườm rà không cần thiết. Lý do là vì người ta không thực sự hiểu biết khi thực hành những nghi thức nói trên một cách vô ý thức.

- Phải chăng ông đã chống lại những truyền thống sẵn có?

- Khi ta biết mình, ta sẽ biết rằng chân lý không phải là những lý luận trừu tượng hay lý thuyết này chống lại lý thuyết khác, mà chân lý là một khái niệm vượt lên trên tất cả các quan điểm thông thường.

Câu trả lời của Satyananda khiến họ khó chịu và thế là bắt đầu một cuộc tranh luận ồn ào.

Satyananda lên tiếng:

- Nay các ông, chính sự kiêu căng, đầy thành kiến của các ông đã khiến các ông xa rời sự thật. Nếu các ông biết lắng nghe thay vì tranh luận, có lẽ các ông sẽ tiến bộ hơn. Chân lý là điều để sống theo chứ không phải để mang ra tranh luận, bàn cãi thế này. Con người không được lợi lộc gì khi làm

như vậy đâu.

Câu nói nhẹ nhàng của Satyananda có một mãnh lực kỳ lạ khiến nhóm học giả thông thái bỗng trở nên yên lặng. Một số người lảng lạng bỏ đi, nhưng một vài người vẫn nán lại để nghe anh chỉ dẫn thêm. Trong số những học giả này có một người được anh nhận làm đệ tử và ban cho pháp danh Vidyapati.

Satyananda cùng học trò tiếp tục cuộc hành trình qua miền Đông xứ Ấn. Khi đi qua làng Dwarka, họ gặp một thanh niên đứng chờ ở ven đường. Anh lễ phép hỏi:

- Xin ngài cho biết công việc thực sự của con người là gì? Satyananda trả lời:

- Con nghĩ như thế nào về công việc của một con người? Phải chăng là đi học, thi đậu, tìm việc làm, lập gia đình, sinh con đẻ cái? Phải chăng là do gia nhập nhóm này hội nọ, đến các cơ sở tôn giáo thực hành những nghi thức hay phát động những phong trào cải thiện xã hội? Phải chăng là xây dựng những công trình lớn lao, lập nhà máy, đắp đường, làm cầu cống, đào giếng, khai thác các tài nguyên thiên nhiên? Phải chăng là làm thơ, vẽ tranh, sáng tác âm nhạc để ca ngợi thiên nhiên hay tung hô một người nào đó? Phải chăng tất cả những việc trên là công việc của một con người? Phải chăng con đã tự hỏi: “Còn gì nữa không? Còn gì để làm nữa không?”. Nếu con không tự biết mình, con sẽ không bao giờ tìm ra câu trả lời, và con sẽ mãi mãi đi tìm. Ngược lại, nếu con biết mình, con sẽ thấy rõ công việc cao quý nhất của con người là tìm ra sự thật về chính mình chứ không phải điều gì khác.

Chàng thanh niên xin Satyananda thu nhận làm đệ tử và anh đã ban cho thanh niên kia pháp danh Shrikant. Satyananda cùng học trò tiếp tục đi về miền Đông. Đôi khi họ dừng lại ở một đền thờ để chiêm bái các thánh tích nhưng ít khi họ ở chỗ nào lâu dài.

Một hôm, khi họ ghé qua đền Meenakshi, vị tu sĩ coi đền đã hỏi:

- Xin ngài cho chúng tôi biết phải thờ phụng Thượng đế như thế nào cho đúng cách?

Satyananda đã trả lời:

- Tại sao lại có quan niệm đúng sai trong việc thờ phụng Thượng đế? Phải chăng ông lo sợ những nghi thức thường nhật không đủ trang nghiêm mà cần có thêm những nghi thức khác nữa? Có bao giờ ông tự hỏi về mối liên hệ giữa ông và Thượng đế không? Phải chăng ông thờ phụng ngài vì ông sợ hãi ngài? Tại sao ông lại sợ hãi?

Phải chăng vì ông nghĩ ngài sẽ trừng phạt ông khi ông không làm đúng các nghi thức này nọ? Có bao giờ ông tự hỏi rằng ai đã đặt ra các nghi thức đó? Thượng đế hay con người? Một người không biết mình thì làm sao có thể biết được người khác hay Thượng đế? Vì không biết về mình nên họ đã đưa ra những quan niệm sai lạc, các nghi thức cúng bái như một hình thức hối lộ, mua chuộc. Tóm lại, Thượng đế chỉ là một cái cớ cho lòng tham lam hay sự sợ hãi của ông mà thôi. Nếu ông biết ngưng những việc này lại và hướng vào bên trong để biết mình, ông sẽ thấy rõ Thượng đế không phải một vị thần ban phúc hay giáng họa. Đó chỉ là một phóng ảnh của lòng sợ hãi và nỗi bất an mà thôi.

Khi họ đi qua làng Krushetra, một học giả đã đến chào hỏi:

- Xin ngài giải thích cho tôi về sự sống thật sự.

- Sự sống, hay là tính chất của vạn vật trong vũ trụ, vốn ẩn tàng, chỉ có các biểu hiện của nó được bộc lộ. Nhờ có sự sống mà một hạt giống đâm chồi nảy lộc rồi lớn thành cây, và cũng từ đó mà con người biết suy tư hay có cảm giác. Sự sống biểu lộ qua những hiện tượng thiên nhiên, nhưng các hiện tượng này không phải là sự sống. Con người chỉ có thể ý niệm về sự sống qua việc nghiên cứu các hiện tượng thiên nhiên, nhưng kinh nghiệm về sự sống thì lại khác. Chính vì cứ mãi chạy theo những ý niệm về sự sống mà con người vô tình đuổi bắt những ảo tưởng, những biểu lộ của sự sống chứ không phải là sự sống đích thực.

- Như vậy, tôi phải định nghĩa sự sống như thế nào?

- Sự sống tuôn chảy, thay đổi không ngừng, nên không thể giới hạn nó trong một định nghĩa cố định được. Sự giới hạn hay cố định là sự chết.

- Như thế, phải chăng ta không thể định nghĩa được sự sống?

Satyananda giải thích:



- Tại sao anh cứ lo phải tìm cho được một định nghĩa thật chính xác? Cái trò chơi chữ này có liên quan gì đến sự sống quanh anh đâu? Điều anh đang làm chính là thăm kịch của kiếp người. Họ chỉ muốn bám víu lấy một thứ cố định, thường hằng, một định nghĩa mà họ có thể cho là có giá trị vĩnh cửu. Họ tự tìm ra những danh từ, tự nhốt sự sống vào đó cùng các quan niệm riêng của họ rồi dựng lên các giá trị bao bọc quanh nó. Họ tìm ra những triết lý, những giả thuyết về xã hội, chính trị, kinh tế để biện minh cho hành động này, nhưng họ không biết rằng sự sống vẫn trôi qua không ngừng. Thay vì đi tìm những định nghĩa vô ích, anh cần phải biết hướng vào bên trong để thực sự biết mình, và khi đã biết mình, tất cả mọi sự vật hiện nhiên phơi bày mà không cần đến các định nghĩa hay danh từ.

- Nhưng làm sao ta có thể biết mình? Satyananda trả lời:

- Anh biết rõ khuôn mặt của anh vì hàng ngày anh thường quan sát nó trong gương. Hãy tưởng tượng có một cái gương khác mà có thể nhìn thấy mình một cách trọn vẹn, không phải chỉ khuôn mặt, thân thể anh mà tất cả những gì anh suy nghĩ, cảm xúc, ưu tư, lo lắng. Cái gương này chính là tâm anh đấy. Một khi biết hướng vào bên trong để quán xét nội tâm, anh sẽ tự biết mình. Sở dĩ người ta không dám hướng vào bên trong vì họ sợ phải đối diện với thứ không như họ muốn. Khi nhìn hình ảnh bên ngoài, anh sẽ thấy mình là người khỏe mạnh, đẹp đẽ; nhưng khi nhìn vào cái gương bên trong, có thể anh sẽ thấy một người yếu đuối, đầy sợ hãi, lo lắng, có những thèm muốn đê hèn, mà anh thì không muốn như vậy. Biết mình chính là bước đầu của tiến trình xây dựng, là một phát hiện mới lạ mà từ đó ta có thể đi rất sâu vào sự hiểu biết vô cùng. Chỉ khi tìm vào nơi sâu thẳm này, ta mới thấy Thượng đế, Sự thật và cả những bí mật của thiên nhiên. Một người biết mình không thể tự dối mình được và khi không tự lừa dối mình, họ sẽ biết sống một cách trung thực, và nhờ biết sống thực, họ sẽ có thể bước vào ngưỡng cửa của minh triết.

Vị học giả kia vội quỳ xuống xin Satyananda thu nhận làm đệ tử. Anh chấp nhận và ban cho người này pháp danh Pavitra. Cứ như thế, Satyananda đi khắp xứ Ấn giúp đỡ, khuyến khích mọi người và thu nhận một số đệ tử. Cứ vài năm, anh và học trò lại lên Tuyết Sơn tu tập một thời gian trước khi tiếp tục công việc hoằng hóa, giúp đỡ mọi người. Satyananda không chủ trương lập một dòng tu riêng hay một giáo phái nào. Anh chỉ khuyên mọi người hãy tiếp tục theo đuổi con đường của họ, nhưng phải đặt nền móng trên sự tự biết mình.

Sau hai mươi năm dạy dỗ học trò, một hôm Satyananda cho họ biết rằng đã đến lúc anh từ bỏ xác thân để hợp nhất với đấng vô cùng:

- Đã đến lúc ta phải tiếp tục cuộc hành trình còn dang dở. Ta đã làm tất cả những gì cần làm và cũng đã truyền dạy các con những gì ta hiểu biết. Tuy nhiên, điều quan trọng là các con hãy tiếp tục hành trình riêng của mỗi người.

- Xin sư phụ đừng đi vì chúng con cần có thầy.

- Đừng nghĩ rằng mình không thể tiến bộ được nếu không có sự giúp đỡ của kẻ khác, dù đó là một vị sư phụ. Khi các con còn phụ thuộc một người hay một quan niệm nào đó nghĩa là các con chưa đạt đến sự hiểu biết thật sự. Một người sư phụ chỉ là người đã đi trước, là người dẫn đường, chứ không phải là một cỗ xe để đưa các con đến đích. Ta có hành trình riêng của ta và các con cũng có những cuộc hành trình riêng của mình, nhưng chúng ta đều chung một hướng đi.

Khi Satyananda bước lên đỉnh Saraswati Kund, cảnh vật vẫn như xưa. Hồ nước trong vắt in rõ rặng Tuyết Sơn phủ đầy tuyết trắng. Mới ngày nào, anh đã cùng vị đạo sư già đến đây tu học, vậy mà giờ đây anh đã trở thành một đạo sư râu tóc bạc như cước. Satyananda thong thả bước đến bên hốc đá quen thuộc, nơi anh từng tu tập trong nhiều kiếp sống. Anh thản nhiên nằm xuống. Toàn thân anh bỗng rung lên và môi anh khẽ mím một nụ cười an lạc. Không gian vang rền thánh ngữ “Om”. Bên hồ nước, dưới ánh sáng rạng rỡ của buổi bình minh, một đôi thiên nga trắng xuất hiện, đôi chân khua nước nhẹ nhàng, êm đềm...

---

[6] Có nghĩa “Người Sống Trong Chân Lý”, còn Satyakam là “Người Đi Tìm Chân Lý” - ND